**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh sông:**

**Khái niệm:**

Sông: là dòng nước tự nhiên, chảy thường xuyên, có lưu lượng lớn và nguồn nước được cung cấp chủ yếu là từ các con suối hay từ các con sông nhỏ, vốn là những nơi có độ cao hơn dòng chính; lòng sông rộng, tàu thuyền lớn di chuyển dễ dàng.

**Sông Vàm Cỏ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Thực vật (Cỏ).

Với nghĩa này, sông Vàm Cỏ là con sông mà hai bên bờ sông mọc nhiều cỏ nên gọi là Vàm Cỏ.

Hoặc:

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Động tác (Tiếng Khmer: Vai: Lùa) + Động vật (Tiếng Khmer: Co: Con bò)

Vàm Cỏ: Các tài liệu của Pháp gọi sông Vàm Cỏ là “Vaïco”. “Vaïco” bắt nguồn từ tiếng Khmer “pàm/piam/piăm vaïco”, nghĩa là “vàm lùa bò”. Tử đó, dân gian đọc trại thành Vàm Cỏ.

So với sông Mê Kông, sông Vàm Cỏ chỉ là sông nhỏ và có rất nhiều đoạn uốn khúc. Nước từ thượng nguồn đổ về theo 2 nhánh Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, đến gần Cần Đước (tỉnh Long An) 2 nhánh nhập một rồi đổ ra Biển Đông qua cửa Soài Rạp.

Vàm Cỏ là con sông lớn thứ hai chảy qua địa phận Tiền Giang ở phía Bắc với chiều dài khoảng 39 km.

Sông không có lưu vực riêng, lượng dòng chảy trên sông chủ yếu từ sông Tiền chuyển qua, sông quanh co uốn khúc, độ dốc đáy sông nhỏ làm cho việc tiêu thoát nước gặp nhiều khó khăn. Hướng chảy cơ bản Tây Bắc - Đông Nam. Phần lớn chiều dài sông Vàm Cỏ thuộc tỉnh Long An, riêng đoạn dài 39 km từ vàm Sông Tra[[1]](#footnote-1) đến cửa Soài Rạp là ranh giới tự nhiên giáp biển giữa 2 tỉnh Tiền Giang và Long An. Ở đoạn sông này, nơi rộng nhất khoảng 3.100 m tại ngay nơi hợp lưu với sông Nhà Bè, nơi hẹp nhất khoảng 420 m gần vàm sông Tra. Lượng nước chảy qua sông vào mùa lũ tại Tân An trung bình từ 1.000 đến 1.200 m³/s, cao nhất khoảng 2.300 m³/s.

Sông Vàm Cỏ chỉ có ảnh hưởng đến khoảng 8% diện tích ở phần cực Bắc của tỉnh Tiền Giang. So với sông Tiền, nước ở sông Vàm Cỏ kém hẳn về chất lượng, ít phù sa. Trong mùa lũ, một phần lượng nước từ sông Tiền chảy tràn vào Đồng Tháp Mười và thoát ra biển qua sông Vàm Cỏ Tây nhưng khả năng thoát lũ của sông này rất kém vì có quá nhiều đoạn uốn khúc. Nước đổ về vào đầu và giữa mùa lũ thường là nước nhiễm phèn vì chảy qua Đồng Tháp Mười.

Vào mùa cạn, hầu như toàn bộ sông Vàm Cỏ hoàn toàn bị thủy triều bán nhật của Biển Đông chi phối, nước biển dễ dàng lấn sâu về phía thượng nguồn. Vào cùng một thời điểm và cùng một khoảng cách đến biển độ mặn nước sông Vàm Cỏ lớn gấp nhiều lần trên sông Tiền.

Cũng như sông Tiền, ở hai bên bờ sông (tả, hữu) của sông Vàm Cỏ có rất nhiều chi lưu. Riêng địa phận Tiền Giang có các chi lưu: rạch Cái Tôm, rạch Láng Cò, rạch Chanh, rạch Cần Đối, rạch Bảo Định, rạch Gò Công, rạch Vàm Tháp.

**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh giồng:**

**Khái niệm:**

Giồng: âm trại của “vồng”, là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[[2]](#footnote-2)

**1. Giồng Bà Lẫy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Giới tính (Bà) + Tên người (Lẫy).

Giồng Bà Lẫy là giồng cát mà nơi đó có một người phụ nữ tên là Lẫy cư trú hoặc có công lao nhất định đối với địa phương, rộng khoảng 30 ha, ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông.

**2. Giồng Chùa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng mang yếu tố tôn giáo (Chùa: là nơi thờ Phật, các cơ sở thờ tự của Phật giáo; đồng thời, cũng là chỗ tu học, lễ bái của Tăng Ni và Phật tử).

Giồng Chùa là giồng cát mà trên đó có ngôi chùa mang tên Tăng Quang Tự, rộng khoảng 50 ha; ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông.

**3.** **Giồng Đình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Đình).

- Đình: là một công trình kiến trúc cổ truyền ở làng xã thời xưa, thờ Thành hoàng, những người có công đối với làng xã, những vị thần theo tín ngưỡng dân gian (hiện nay, có số đình thờ liệt sĩ cách mạng), nơi làm việc của Hội đồng hương chức sở tại và là nơi hội họp, thảo luận công việc của người dân trong cộng đồng.

Trên giồng có miếu thờ Võ Tánh, lăng Võ Tánh (đại công thần của nhà Nguyễn, chết tại thành Quy Nhơn năm 1801), miếu thờ Bá Chúa Xứ. Có lẽ vì thế, dân gian gọi là Giồng Đình. Giồng Đình rộng 20 ha, ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông.

**4**. **Giồng Găng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây găng).

- Cây găng: là dạng cây thân gỗ nhỏ, có thể cao tới 3 m hoặc 4 m, được trồng làm hàng rào do thân và cành có nhiều gai; lấy gỗ làm trục xe, lược, con quay; quả ngâm hoặc sắc lấy nước dùng gội đầu và giặt quần áo, nhất là những hàng tơ lụa có màu; **hỗ trợ điều trị đau nhức xương khớp, tiêu chảy, lỵ,** tiểu vàng, đỏ, gắt[[3]](#footnote-3),…

Giồng Găng là một giồng cát mọc toàn cây găng, rộng khoảng 40 ha, nay thuộc xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

Thuở xưa, vùng này là rừng rậm hoang hiểm, có nhiều cọp. Từ đó, địa danh Giồng Găng được thể hiện trong truyện tích dân gian: Giết cọp ở Giồng Găng.

Chuyện kể rằng: Vào khoảng hai thế kỷ trước, có một số người đến phá rừng khẩn ruộng, lập nên xóm ấp ở giồng đất này.

Hàng ngày, lúc cơm nước xong, chờ mặt trời mọc sáng sủa, những người dân ở đây mới xách rìu, xách rựa ra khỏi nhà để vào rừng chặt cây phát cỏ. Chẳng ai dám ra khỏi nhà sớm vì sợ thú dữ.

Có hai cậu cháu ông Tám Nghề và ông Hai Sến cùng khai phá chung một sở rừng, tiếp giáp với những sở rừng khác của những người trong xóm để khi gặp thú dữ tiện việc tiếp cứu cho nhau.

Một hôm, hai cậu cháu đang đốn củi, thình lình có một con cọp nấp trong bụi rậm nhảy ra vồ ông Hai Sến. Ông Hai Sến kêu cứu. Ông Tám Nghề xách rựa chạy đến. Sẵn lúc bất ngờ, ông Tám Nghề chém một nhát rựa vào lưng cọp. Cọp buông Hai Sến ra, quay lại vồ Tám Nghề. Hai Sến vội ngồi dậy, xách rựa bổ vào đùi sau của cọp. Chân bị thương nặng, cọp quì xuống, cố lết ra rừng.

Ông Tám đứng dậy, bồi thêm mấy nhát rựa nữa cọp mới chịu chết. Những người đốn củi trong rừng nghe tiếng động vội chạy đến, kẻ lo đưa ông Hai bị thương nặng trên trán về nhà lo thuốc thang, người phụ lo khiêng cọp về xóm. Ít lâu sau, vết thương lành, còn để lại nơi trán ông Hai Sến một cái thẹo lớn. Lúc về già, ông Hai Sến thường bảo cùng con cháu và trai trẻ trong xóm rằng:

- Đừng sợ sệt khi gặp cọp, phải bình tĩnh để tiếp ứng nhau. Nếu lâm nạn mà hốt hoảng là tự mình nộp thịt cho cọp.

Ông chỉ cái thẹo nói:

- Đây này, tao không sợ nó, nên tao mới quăng eo nó đó.

Ai nghe ông nói pha lửng này mà hữu lý đến cười rộ và kính phục[[4]](#footnote-4).

**5.** **Giồng Nâu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây ngâu - nói trại thành Nâu: là cây thân gỗ, dạng bụi nhỏ, sống lâu năm có chiều cao khoảng 1 - 6 m, được trồng làm cây cảnh, hoa ngâu dùng để ướp trà và bào chế các vị thuốc trị bệnh như tăng huyết áp, đau bụng, hen suyễn, giảm sưng,…).

Giồng Nâu là nơi trồng nhiều cây ngâu: Giồng Ngâu gọi trại thành Giồng Nâu, nay thuộc xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông.

Theo Huỳnh Minh, Giồng Nâu là tên của một giồng cát “xưa kia ở đây cư dân thưa thớt, trồng toàn là tre xanh và cây cối rậm rạp, nhiều nhất là trồng cây ngâu, một loại cây các cụ hay trồng làm kiểng có nụ li ti như tăm nhang, mọc thành chùm dùng để ướp trà thì thơm ngon lắm,… Loại cây này hiện nay vẫn còn mọc nhiều theo rào, lối ngõ trong lũy tre. Ban đầu người ta gọi là giồng Ngâu, sau đó đọc trại dần ra mất chữ g thành giồng Nâu[[5]](#footnote-5)”.

Giồng Nâu nằm dài từ xã Phước Trung (Xóm Kiếng) chạy tới ấp Vạn Thắng thuộc xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông. Trên bản đồ, Giồng Nâu nằm theo hình chữ nhứt: đầu ở tây nam, đuôi ở đông bắc, chiều dài hơn 4 km, rộng khoảng 1 km. Giồng toàn là cát vàng rất hợp với việc trồng tỉa hoa màu.

Liên quan đến địa danh này có truyện tích dân gian có tên “Sự tích bãi Ông Đụng” như sau:

Ngày xưa, tại Giồng Nâu (nay thuộc xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông) có một ông thầy chuyên dạy nghề võ, gia đình có hai người con: cô con gái lớn tên Hương tục gọi là Nàng Hai, cậu con trai thứ tên là Ba Thọ.

Tuy là phận gái, song Nàng Hai có sức mạnh khác người. Phàm những cậu trai nào buông lời ong bướm để chọc ghẹo, cô sẽ dạy cho một bài học nhớ đời.

Vì thế những chàng trai cùng làng, không ai nghĩ tới việc cưới cô làm vợ. Trong số đó, không biết cậu nào cắc cớ viết câu này dán vào gốc đa ở đầu làng:

*Trong làng có chị thằng Ba,*

*Đụng đâu sầu đó ai mà dám thương.*

Thuở ấy, làng bên có ông bá hộ Sương, sanh được một trai tên là Hai Đụng. Vốn ỷ cha mẹ có tiền dư của sẵn, nên cậu Hai Đụng tha hồ xài phí, mặc sức ăn chơi, chẳng hề biết tiếc đồng tiền.

Nhìn thấy đứa con hư, ông bà bá hộ lấy làm lo ngại cho sản nghiệp của mình nếu sau này cả hai vợ chồng xa lìa dương thế. Bởi vậy, ông bà đã để tâm tìm một nàng dâu thiệt cao tay ấn, mong kiềm chế bớt sự ăn chơi phung phí vô độ của con trai mình.

Trong xóm ngoài làng chỉ có Nàng Hai là đầy đủ điều kiện mà gia đình này mong ước.

Sau khi cưới Nàng Hai về ít lâu, ông bà bá hộ lần lượt rủ nhau qua đời.

Cậu Hai Đụng quen thói ăn chơi phung phí, đã từng được Nàng Hai dạy cho nhiều bài học đích đáng bằng võ lực, ngoài mặt cậu phải gượng làm vui với cô để che mặt thiên hạ, chớ trong thâm tâm vẫn hằng toan tính phải làm sao trừ khử được nàng.

Thế rồi, một hôm cậu hái sẵn một trái dừa tươi về đem treo lên ngọn dừa bên bờ ao. Chờ đến khi Nàng Hai ra ngồi lặt rau, cậu Hai bèn giật dây cho trái dừa rớt xuống ngay đỉnh đầu nàng. Vợ chàng ngã lăn ra chết không kịp trối.

Hàng xóm hay tin chạy tới, thấy Hai Đụng ngồi khóc thảm thiết bên xác vợ. Mọi người không ai nghĩ gì đều yên trí rằng Nàng Hai bị tai nạn chết bất đắc kì tử.

Thế là Hai Đụng đã rảnh được mối nợ, từ đó mặc tình sống cuộc đời phóng đãng xa hoa.

Với lối sống ngồi không ăn chơi xài phí thì dầu của núi cũng có ngày phải cạn. Bởi thế, chẳng mấy chốc, số tài sản lớn lao của ông bà bá hộ để lại lần lượt về tay người khác, bạn bè trước kia đều ngoảnh mặt xây lưng. Hai Đụng trở thành kẻ trắng tay, rỗng túi, không nơi nương tựa, ngày phải đi xin ăn, đêm phải ngủ ở đầu đường xó chợ.

Hận vì nỗi thói đời đen bạc, thương cho thân phận đói rách cô đơn. Nhất là vụ ám hại Nàng Hai, người vợ tuy nóng tánh nhưng đáng thương, cần có nàng để cáng đáng việc gia đình. Nếu nàng không bị giết hại thì cậu Hai làm gì đến nông nỗi này.

Lương tâm cắn rứt, giày vò Hai Đụng, cậu sống vất vưởng như kẻ mất trí. Sự hối hận thúc đẩy cậu phải đến nộp mình tại cửa quan để chịu tội đã ám hại vợ.

Mặc dù đã tự thú, song quan trên xét thấy đầy đủ chứng lí, nên Hai Đụng bị kết án mười năm về tội sát thê và bị đày ra Côn Đảo.

Thuở ấy, tù nhân được quyền lập gia đình trong số phạm nhân với nhau. Nhưng Hai Đụng vì quá hối hận và luôn tưởng nhớ đến nàng Hai, nên thà ở độc thân suốt đời, để chứng tỏ lòng chung thuỷ với người bạn vắn số.

Tại Côn Đảo, Hai Đụng cất nhà trên một bãi biển ở mặt sau quần đảo. Chiều chiều, nhìn mây trôi càng động mối thương tâm, nghe sóng vỗ như thầm khóc bạn… Không nhắc đến thì thôi, hễ nhắc đến thì lòng thêm buồn khổ. Thương cho ai và không khỏi trách cho mình, ngập lòng sầu khi tưởng nhớ Nàng Hai.

*Ăn năn thì sự đã rồi*

*Đổ đà hốt lại có đầy được đâu?*

Vì sống mãi trong cảnh như vậy, nên chẳng bao lâu Hai Đụng qua đời tại bãi biển này. Và từ đó ở đây được dân đảo gọi là bãi Ông Đụng[[6]](#footnote-6).

**6.** **Giồng Ông Lãnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Giới tính (Ông) + Tên người (Lãnh).

Giồng Ông Lãnh là giồng cát mà nơi đó có một người đàn ông tên là Lãnh cư trú hoặc có công lao đối với địa phương, rộng khoảng 40 ha, ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông.

**7.** **Giồng Tháp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng (Tháp).

Theo Việt Cúc, thời xưa. nơi đây có một tháp cổ, nên có địa danh Giồng Tháp; hiện nay, không còn dấu tích[[7]](#footnote-7). Giồng Tháp thuộc xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

Địa danh này liên quan đến rạch Vàm Tháp và được phản ảnh qua ca dao:

*Khúc sông quanh thuyền qua* ***Vàm Tháp****,*

*Chèo mỏi mê miệng ngáp biếng hò.*

*Thấy cô cấy rẫy buồn xo,*

*Cùng anh kết nghĩa chuyện trò được chăng?*

**8.** **Giồng Xe**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Phương tiện giao thông (Xe).

Theo Việt Cúc, Giồng Xe có chiều dài khoảng 3 km, chiều ngang khoảng 20 m. Thời xưa, nơi đây là một con đường lớn, có nhiều xe ngựa di chuyển nên gọi là Giồng Xe; nhưng đến năm 1969 trở thành nghĩa địa[[8]](#footnote-8), nay thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông.

Giồng Xe gắn liền với truyện tích dân gian có tên *Giồng xe với chợ Mãnh Ma* như sau:

Có hai chị em người ở xóm chợ, rủ nhau đi thăm nhà một người bà con ở làng Mỹ Xuyên ( sau sáp nhập vào Tân Niên Trung, nay là xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông). Lúc buổi chiều tính trở về nhà. Nhưng thấy trời còn ánh nắng, nên ở nán lại chơi đợi mát dịu sẽ về.

Vì trì hoãn, đến khi ra về thì mặt trời gần chen lặn, hai chị em đi rất vội vã, đường quá xa ngót năm ngàn thước. Lúc về gần đến Giồng Xe, thì trời tối, nhờ có bóng trăng lờ mờ, nên hai người ráng đi thêm một đỗi nữa. Cảm thấy mệt nhọc và chân quá mỏi, hai người đều ngồi xuống nghỉ mệt, mở gói trầu ra nhai.

Kể khoảng đường về nhà còn xa, chốc lát đứng dậy đi, bất giác khi đi, chị em đi lạc lối, lại vào một cái chợ đêm. Thấy đèn đuốc đốt đỏ, thiên hạ xôn xao, cười nói ồn ào, có kẻ lạ và người quen, đều chen chân mua bán.

Hai chị em vui vẻ vào trong, và dạo chơi theo hàng phố cửa hàng bán buôn như chợ Tết, bánh trà rượu, áo khăn đèn hoa, tạp vật không thiếu món chi. Hai chị em cũng mua một ít bánh quà và đồ vật.

Chợ nhóm đến khua, chị em thấy mệt mỏi quá, chợt ngồi xuống góc chợ để nghỉ chân, rồi ngủ luôn hồi nào không hay.

Đến sáng ngày, mặt trời ló mọc sáng trưng, người chị tỉnh dậy trước, thấy đầu mặt nặng nề loáng choáng, mở bừng mắt ra, trông cảnh lạ lùng, mà người em còn nằm mê man, gối đầu trên gò đất nằm giữa đám tranh nát cỏ khô. Chị đánh thức em tỉnh dậy, để chứng kiến một đêm màn trời chiếu đất, mà hai chị em tưởng mình yên ngủ nơi nhà.

Xem lại bên mình chỉ còn cái gói trầu cau, đã thêm vào một mớ đất cục, lẫn lộn với lá cây đồng cỏ dại. Hai chị em nhìn nhau ngượng cười và nhớ lại đêm rồi, chị em đi chợ đêm có mua quà bánh, nên buộc vào gối đây. Rùng mình vội vã bước ra tránh khỏi nơi đây, thế là chị em từ giã xóm mồ hoang cỏ rậm, không còn dám nhìn thấy lần nữa.

Đêm qua ở nơi nhà, chồng con của hai bà tưởng rằng hai bà còn ở chơi nơi nhà bà con, bất ngờ hai chị em đã về rồi, lại đi chợ âm phủ.

Có bài hát này của một ông Đồ Nho, ở Giồng Tháp làm ra thuở ấy được truyền lại:

***Giồng Xe*** *đường cái lại qua,*

*Nghe đâu nhóm chợ Mãnh Ma dị kỳ.*

*Phố phường hàng quán thiếu chi,*

*Chen chân mua bán khác gì chợ xuân.*

*Trong ngoài đèn đuốc sáng trưng,*

*Người quen gặp gỡ chào mừng hỏi han.*

*Trà sen rượu đế bày hàng,*

*Hoa thơm, bánh ngọt, trang hoàng lụa the.*

*Cơn ám ảnh lúc say mê,*

*Sống mộng huyễn hoặc như lẽ thế gian.*

*Gẫm xem thế sự tuần hoàn,*

*Hư hư thiệt thiệt, mơ màng chiêm bao.*

Về sau vì sự đồn đại, thiên hạ phân vân, người thì cho là thật, kẻ gọi là ma ám ảnh. Hàng thức giả luận rằng: Vì hai chị em đi về vội vã lúc chiều tối, khi đến Giồng Xe quá mệt nhọc, lại gặp âm khí nặng nề xâm vào thần kinh, khiến tri giác hai người đều bị hôn mê, rồi phát đi bậy. Đến cái gò có lẽ té xỉu, rồi nằm luôn với một đêm, thần thức bị mê loạn, nên thấy cảnh chợ tết mà mấy bà thường đi như vậy.

Một đêm qua rồi đến sáng, lúc dương khí thạnh, âm khí tan lần, lúc mặt trời lên có khí ấm áp, cho nên họ tỉnh lại khỏi chết và thần thức còn ghi nhớ cảnh mê ấy, thấy đi chợ mà thuật lại chuyện này.

**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh gò:**

**Khái niệm Gò:**

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

**1.** **Gò Bà Lãnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Giới tính (Bà) + Tên người (Lãnh).

Gò Bà Lãnh là gò cát mang tên bà Lãnh vốn là người có công trạng đối với địa phương, rộng khoảng 20 ha. Địa danh này là tên ấp: ấp Bà Lãnh, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

**2.** **Gò Bà Trà**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Giới tính (Bà) + Tên người (Trà).

Gò Bà Trà là gò cát mang tên bà Trà vốn là người có công trạng đối với địa phương, rộng khoảng 15 ha. Địa danh này là tên ấp, tên cầu, tên rạch thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

**3.** **Gò Công**

Có nhiều tài liệu viết về địa danh Gò Công như: *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức, *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh, *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc, *Tự vị tiếng nói miền Nam của* Vương Hồng Sển*,…* Nhưng vẫn còn nhiều tranh luận về địa danh Gò Công.

- Quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết “Gò Công là Khổng Tước Nguyên”[[9]](#footnote-9).

- Quyển *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh đưa ra hai giả thuyết: “Thuyết thứ nhất, vào thời chúa Nguyễn Phúc Tần định cuộc di dân nam tiến thì người dân Việt Nam mới vào định cư vùng này. Lúc này Gò Công là nơi rừng rậm chưa có người ở. Đặc biệt tại xứ này có một cái gò cao và có nhiều giống chim Công nên được gọi là Gò Công từ đó. Trong sử có ghi chép một đoạn về danh từ các tỉnh như sau. Khi vua Minh Mạng ra lệnh cho các quan địa phương đổi tên Nôm các tỉnh thành chữ Nho cho tao nhã thì Gò Công có tên là Khổng Tước Nguyên (Khổng Tước: là con công, Nguyên: là gò), Đồng Nai đổi thành Lộc Dã, Bến Tre đổi thành Trúc Giang, Sóc Trăng đổi thành Nguyệt Giang,…

Thuyết thứ hai, lần đầu tiên tại xứ này có một bà tên là Thị Công đến lập quán bán thức ăn cho dân khai thác đồn điền. Lần hồi, thấy Gò Công là nơi dễ sinh sống nên dân chúng thành lập làng mạc. Số người ở ngày càng đông do đó dân địa phương quen gọi là quán Bà Công đến sau trở thành một địa danh vắn tắt là Gò Công”[[10]](#footnote-10).

- Quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc: “Gò Công thuở xưa như một bán đảo hoang, bao bọc bởi rừng cây và sông to bể cả, ba phía. Trung tâm của tỉnh là một gò đất cao ráo, nằm kề bên ngọn rạch rẽ nhánh chia đôi ra làm hai khu vực: Nam và Bắc. Thuở chưa khai phá, vùng đất này rậm rạp nhiều gai chông. Loài chim công chiếm cứ làm tổ rất êm nên gọi là Khổng Tước Nguyên, tức là gò Chim Công”[[11]](#footnote-11).

- Quyển *Tự vị tiếng nói miền Nam* của Vương Hồng Sển cũng viết: có hai thuyết về Gò Công, người Khmer gọi là Srok kompong kakol. Quyển Lexique Francais Cambodgien A. Pannentier thì Pháp gọi chim công là paon, Khmer gọi là “kâ ngôk” chưa đúng là “kaoh”. Tự điển Khmer Pháp J.B.Bernard không có chữ “kaol”, lại có chữ “dòm kâko”: cây mun mà Gò Công có trước đây rất nhiều. Nhưng đồng thời, tác giả cũng ghi nhận Gò Công là “Khổng Tước Nguyên”[[12]](#footnote-12).

- Quyển *Địa chí Tiền Giang* lý giải về địa danh Gò Công như sau: “Gò Công tên chữ là Khổng tước nguyên, có nghĩa là gò chim công. Có người cho rằng, Gò Công là vùng đồng bằng thì làm gì có loại chim công - loài chim chỉ sống vùng rừng núi. Có thể Gò Công gốc là một địa danh ở Trao Trảo (Thủ Đức) đưa xuống (tương tự như trường hợp dân đánh cá đã đem địa danh Gò Công đặt cho một con sông gần mũi Cà Mau). Do vậy, giới thương hồ ngày xưa có thói quen phân biệt Gò Công - Trao Trảo (Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) với Gò Công - Rạch Lá ( Gò Công, tỉnh Tiền Giang)”[[13]](#footnote-13).

Qua các dữ liệu trên, chúng tôi nhận thấy đa số các tác giả đều nghiêng về thuyết: Gò Công là gò Chim Công mà dân gian đã nói tắt thành Gò Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng Tước Nguyên. Theo cách giải thích này, địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công: là loài chim thuộc họ Trĩ, chi Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng tước, chim công đực có màu sắc rất đẹp).

Về hành chính, năm 1820, toàn bộ vùng đất Gò Công ngày nay thuộc huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường. Năm 1831, thuộc huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường. Năm 1841, thuộc huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định.

Năm 1864, thuộc hạt thanh tra Tân Hòa. Năm 1867, đổi tên thành hạt thanh tra Gò Công. Năm 1876, thuộc hạt tham biện Gò Công. Năm 1900, tỉnh Gò Công được thành lập. Năm 1913, giải thể tỉnh Gò Công, trở thành quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Năm 1924, tái lập tỉnh Gò Công. Năm 1956, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Định Tường. Năm 1963, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, năm 1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ ra Quyết định sáp nhập 3 tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Gò Công thành một tỉnh có tên là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công trở thành huyện Gò Công. Sau năm 1954, lại trả về 3 tỉnh như cũ, trong đó có tỉnh Gò Công. Năm 1957, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1968, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Năm 1976, hợp nhất tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công, thành phố Mỹ Tho thành tỉnh Tiền Giang, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1979, tách huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây. Năm 1987, tái lập thị xã Gò Công. Năm 2008, tách một số xã của huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thành lập huyện Tân Phú Đông. Như vậy, kể từ năm 2008, vùng đất Gò Công xưa có 4 đơn vị hành chính là thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông.

**4. Gò Dăm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Phụ phẩm của thực vật (Dăm gỗ).

Gò Dăm nay là vị trí Ngã ba cây sộp, rộng khoảng 5 ha, thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông.

Địa danh này có xuất xứ gắn liền với truyện tích dân gian Ông Hóm ở Gò Dăm. Tác giả Việt Cúc cho biết:

Gò Dăm nằm về phía đông Đường liên tỉnh 50, chỗ ngã ba Cây Sộp, cách Tỉnh lỵ Gò Công chừng bốn cây số.

Tương truyền ngày xưa, trước khi Pháp chiếm Nam kỳ, có một ông lão, không biết quê quán ở đây, đến đây lập nghiệp. Ông sắm nhiều thuyền để mua củi, rào cây, chà là chở về Gò Công bán cho các nhà vựa.

Bạn bè, người làm công nhà ông rất đông. Họ chặt đẽo, cưa bổ cây quanh năm, suốt tháng làm cho nơi đây đầy những dăm gỗ. Do vậy, người đời gọi đây là *Gò Dăm*.

Ngoài việc mua bán củi, ông lại phá rừng làm ruộng, lập vườn. Con cháu của ông, rồi những người dân khác dần dần đến gò đất này khai khẩn rất đông. Về sau trở thành một xóm sung túc.

Tính cách nổi bật của ông là rất thiệt thà và hào phóng. Ông rộng rãi với bạn bè và chòm xóm. Ông sẵn sàng giúp đỡ tiền bạc, thóc lúa và chỉ vẽ công việc làm cho bất cứ ai biết chí thú làm ăn. Vì thế, ông được nhiều người kính phục.

 Ông có tính ưa khôi hài. Tuy ít nói, nhưng khi mở miệng là pha trò. Lắm lúc nói chuyện làm ăn nghiêm túc, song người nghe cũng không nhịn được cười. Chính vì vậy người ta thường gọi ông là ông Hóm. Về đời sau lại gọi trại thành ra Hóng.

Hình dạng ông nhỏ thó, mảnh khảnh, da lại đen nhưng ăn nói bặt thiệp, đi đến đâu dễ làm quen và được nhiều người cảm mến.

Ông ít hay đi đâu xa. Hằng ngày quanh quẩn trông nom ruộng vườn, việc mua bán. Một hôm vào cuối tháng chạp, nhân có việc phải đi Gò Công, ông dạo chơi các hàng phố - phần lớn là tiệm buôn của người Hoa.

Gần Tết, cửa tiệm đều trưng bày nhiều hàng hóa để bán Tết. Ông vào tiệm bán đồ sành sứ coi hàng. Thấy trong tiệm trưng nhiều chóe, bình bằng sứ, nạm hình long ẩn, mai trúc, trĩ công đẹp, ông bước vào trong xem hỏi giá. Chủ tiệm thấy khách ăn mặc lèng xèng, tướng tá quê mùa, nghèo hèn, lại chen vào tận bên trong nơi để đồ đắt giá, liền nói gạt ngang:

- Hè, ông già đi ra! Đứng đây lộn xộn đụng bể thì mạng ông bán thường tiền cũng không đủ hà! Thôi đi ra! Đi ra!

Bị chủ tiệm khinh bạc, không dằn được cơn giận, sẵn gậy cầm tay ông quơ đập. Đồ sành, đồ sứ bị vỡ tanh bành. Chủ tiệm la ó. Các chủ tiệm khác chạy lại giành được gậy thì hầu như không còn gì lành lặn.

Người ta cật vấn. Ông bình tĩnh bảo chủ tiệm lấy giấy ra tính tiền hết mọi thứ, rồi ông về nhà lấy tiền bồi thường đầy đủ.

Từ đó, tiếng ông để đời. Đến nay, người ta hay nói “của ông Hóng” và “sẵn kho ông Hóng” để chỉ sự xài phí không tiết kiệm[[14]](#footnote-14).

**5. Gò Lân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Linh vật (Lân).

Gò Lân thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông. Nơi đây là quê hương bên bà nội của bà Từ Dụ (Từ Dũ), vợ vua Thiệu Trị, mẹ vua Tự Đức. Đó là bà Phan Thị Tánh. Bà kết hôn với Phước An hầu Phạm Đăng Long, sinh ra Quốc công Phạm Đăng Hưng, mà Phạm Đăng Hưng là thân phụ của bà Từ Dụ. Vua Thiệu Trị và bà Từ Dụ đã ban tứ tiền bạc và ruộng đất để họ Phan lập đền thờ ở tại đây. Đất này được gọi là Văn Xá với diện tích khoảng 400 mẫu ta (khoảng 130 ha).

Theo Việt Cúc, địa danh Gò Lân có xuất xứ như sau: “Theo truyền thuyết, những ngày linh, tháng tốt, lúc chạng vạng tối: nơi gò nầy xuất hiện một con vật to, dáng như con ngựa, đầu lớn, lưng khum, đuôi dựng đứng lên, chùm lông đuôi buông tua tủa ra như cây chổi phất trần, từ trong cái gò ấy chạy ra rồi biến mất. Nên người dân gọi là Gò Lân. Gò có hình tròn, sơ khai cây cối mọc um tùm”[[15]](#footnote-15).

**6. Gò Lức (xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Lức).

Gò Lức là gò có nhiều bụi cây lức, rộng khoảng 8 ha, ở xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

**7. Gò Me (xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò: Xin xem mục từ Gò Bầu) + Thực vật (Cây me).

Gò Me là gò có nhiều cây me hoặc có cây me to, rộng khoảng 50 ha. Hiện nay, Gò Me là tên ấp thuộc xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông.

Gò Me là quê của nhà thơ nổi tiếng Hoàng Tố Nguyên (1929 - 1975).

Ông tên thật là Lê Hoằng Mưu, sinh năm 1929 tại Gò Me, làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là ấp Gò Me, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Sau khi hoàn tất bậc tiểu học ở Gò Công và bậc trung học ở Trường Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho), ông lên Sài Gòn học Trường Mỹ thuật Gia Định. Ngày 23-9-1945, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam bộ bùng nổ. Theo tiếng gọi của non sông, ông gia nhập lực lượng vũ trang chiến đấu ở nội thành Sài gòn, rồi hoạt động văn nghệ và tuyên truyền. Từ năm 1947 - 1949, ông ra vùng kháng chiến, làm Chủ tịch Hội Học sinh mỹ thuật kháng chiến Gia Định. Mặc dù còn rất trẻ, nhưng trong thời gian này, ông đã có thơ đăng trên các báo. Nhận xét về thơ của ông, nhà phê bình văn học Thế Phong, trong quyển *Lược sử văn nghệ Việt Nam - Nhà văn tiền chiến*, viết như sau:

“Về bình diện thi ca miền Nam 1945 - 1950 chỉ có hai nhà thơ điển hình nhất là Vũ Anh Khanh và Hoàng Tố Nguyên. Họ bao trùm các nhà thơ khác, như Ái Lan, Tố Phong, Trúc Khanh, Khổng Dương,… Hoàng Tố Nguyên trội hơn hết, sau Vũ Anh Khanh. Tác giả của nhiều bài thơ đăng rải rác trên báo, mặc dầu chưa in một tác phẩm nào… Những bài như: *Vọng hướng sao rơi*, *Xuân về say ý nhạc,*… đăng trong tuyển tập thi ca *Mùa giải phóng* (5/1949).

Thơ Hoàng Tố Nguyên đi vào thực tiễn cách mạng, kỹ thuật cao, truyền cảm người đọc như *Tha la* của Vũ Anh Khanh. Giống như Vũ Anh Khanh, Hoàng Tố Nguyên nổi tiếng vì thơ có hình tượng sống mới, tiết tấu âm thanh mới, không dùng sáo ngữ, hoặc điển cố, như bài thơ *Sa cơ* của Thẩm Thệ Hà hoặc Hoàng Tấn với *Giang san khói lửa mù bay*… *Xuân về say ý nhạc* là bài thơ của một đồng đội chiến đấu chống xâm lăng Tây thuộc lần thứ hai; mà tác giả là Hoàng Tố Nguyên, một nhà thơ xuất sắc.

Về bình diện văn nghệ Nam bộ 1945 - 1950, hẳn không thể quên văn Lý Văn Sâm, thơ Vũ Anh Khanh, thơ Hoàng Tố Nguyên,... là những người góp vào nền văn học cực thịnh của Nam bộ”.

Từ năm 1950 - 1952, ông là Trưởng ban Tuyên truyền Tỉnh đoàn Thanh niên Cứu quốc Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương), Ủy viên Ban Chấp hành phân hội văn nghệ liên tỉnh Thủ Biên (Thủ Dầu Một - Biên Hòa). Từ năm 1952 - 1954, ông là cán bộ Sở Thông tin Nam Bộ, biên tập viên báo *Cứu Quốc Nam bộ* rồi báo *Vì Chúa, vì Tổ quốc* của lực lượng Công giáo kháng chiến Nam Bộ.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, làm Biên tập viên báo *Văn Nghệ*. Năm 1956, ông là Ủy viên Thường trực Ban đại diện Văn nghệ Nam Bộ ở miền Bắc. Năm 1957, ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam và công tác tại Trung ương Hội Nhà văn. Năm 1959, ông trở lại với nghề báo, làm Biên tập viên báo *Độc Lập*. Năm 1969, theo sự phân công của Ủy ban Trung ương các Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật, ông nhận nhiệm vụ xây dựng phong trào văn nghệ ở tỉnh Hà Tây; và sau đó là tỉnh Thái Bình vào năm 1974.

Thời gian này, sống trong cảnh “*ngày Bắc đêm Nam*”, ngoài việc tích cực gầy dựng hoạt động văn hóa văn nghệ ở địa phương, ông đã lao vào sáng tác một cách miệt mài và bền bỉ. Các truyện thơ và tập thơ của ông liên tiếp được ra đời, như *Đổi đời* (truyện thơ, 1955), *Cô gái bần nông sông Hồng* (truyện thơ, 1956), *Đất nước* (tập thơ, 1956), *Gò Me* (tập thơ, 1957), *Từ nhớ đến thương* (tập thơ, 1960), *Quê chung* (tập thơ, 1962), *Gởi chiến trường chống Mỹ* (1966).

Nếu như hai tập thơ *Đất nước*, *Gò Me* là tiếng lòng và nỗi nhớ khôn nguôi của ông về quê hương miền Nam thân thương và anh dũng; thì các truyện thơ *Đổi đời*, *Cô gái bần nông sông Hồng* và ba tập thơ *Từ nhớ đến thương*, *Quê chung*, *Gởi chiến trường chống Mỹ* là lời ca tự hào về công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và niềm tin tất thắng của toàn dân tộc trong cuộc trường chinh chống giặc Mỹ xâm lược.

Nhìn chung, thơ của ông có thể gom vào ba chủ đề lớn: thứ nhất, thơ viết về Bác Hồ - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc; thứ hai, thơ viết về miền Bắc xã hội chủ nghĩa, về những con người đã sản xuất và chiến đấu vì đồng bào miền Nam ruột thịt; thứ ba, thơ viết về miền Nam, trong đó có quê hương Gò Me biết mấy thân thương của ông, đang quật khởi vùng lên, chống ách bạo tàn của bọn giặc ngoại xâm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tháng 6-1975, ông mất tại Hương Canh, Thái Bình sau một cơn bạo bệnh. Một năm sau, tập thơ *Tên quê hương* của ông được xuất bản. Năm 1980, trong lời đề tựa tập thơ được tái bản *Từ nhớ đến thương*, nhà thơ Chế Lan Viên viết: “… *Tôi nhận được tin anh mất ở Sài Gòn, ngẩn ngơ vì thương tiếc một cây bút, những dòng thơ … Tôi tiếc cho Hoàng Tố Nguyên (Lê Hoằng Mưu) đã có một quê hương Gò Me - Nam bộ lúc ra đi, đã có một quê hương Hương Canh - miền Bắc lúc trở về, có cả một Tổ quốc thống nhất xã hội chủ nghĩa, giữa ngày sắp được đoàn tụ, thế mà không sống đến phút đoàn tụ ấy. Tôi cũng tiếc cho Gò Me, Gò Công quê anh đã không có anh trở về … Trong mấy nhà thơ Nam Bộ tập kết ra Bắc hồi ấy, phải nói rằng anh là một trong mấy người có tài hơn cả … Lần đầu tiên khi thơ anh xuất hiện ở thủ đô, nó đã được nhiều người yêu mến và giới sành thơ trân trọng*”.

Trong các tập thơ của ông, tập thơ *Gò Me* của ông gồm 13 bài được xuất bản năm 1957 đã gây được tiếng vang lớn. Nội dung tập thơ chủ yếu thể hiện tấm lòng thương nhớ quê hương của tác giả. Trong tập thơ này, bài thơ *Gò Me* viết về quê hương của ông là đặc sắc nhất:

*Quê tôi đó! Mặt trông ra bể,*

*Đóm hải đăng tắt loé đêm đêm.*

*Con đê cát đỏ cỏ viền,*

*Leng keng nhạc ngựa ngược lên chợ Gò.*

*Ruộng vây quanh, bốn mùa gió mát,*

*Lúa Nàng - keo chói rực mặt trời.*

*Ao làng trăng tắm, mây bơi,*

*Nước trong như nước mắt người tôi yêu.*

*Quê tôi sớm sớm, chiều chiều,*

*Lao xao vườn mía.*

*Mái lá khoan thai thở làn khói nhẹ,*

*Những chị, những em má núng đồng tiền.*

*Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên,*

*Véo von điệu hát cổ truyền.*

*Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe:*

*“Hò ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me,*

*Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò”.*

*Ôi, thuở ấu thơ,*

*Cắt cỏ, chăn bò.*

*Gối đầu lên áo,*

*Nằm dưới làn me, nghe tre thổi sáo.*

*Lòng nghe theo bướm, theo chim,*

*Mạ non cong vắt lưỡi liềm,*

*Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.*

*Ôi, vui sao những lễ hội đình chùa,*

*Rước sắc cuối năm, giựt giàn tháng bảy.*

*Thân áo vá quàng, lại thay vạt mới,*

*Hẹn hò, đổi guốc trao khăn.*

*Trống giục thâu đêm, gối bỏ không nằm,*

*Tóc bạc nghe kinh, tuổi xanh tình tự.*

*Tôi, sáu tuổi trong lòng bà, hớn hở,*

*Xem tuồng “Đoạt Võ Trạng Nguyên”.*

*Để ra về mơ mãi chuyện thần tiên,*

*Moi đất sét nặn quả chùy Nguyên Bá.*

*Ôi! Những tháng mưa dầm lạnh giá,*

*Đường làng thụt móng chân trâu.*

*Tre, cau phờ phạc,*

*Cánh cò mặt nước đồng sâu.*

*Hai bên hàng xóm têm trầu,*

*Áo tơi, nón lá, gọi nhau đổ lờ.*

*Những trưa nắng thơm mùa gặt hái,*

*Mái đình cong, cu gáy xa xa.*

*Con đê nắng đổ chói lòa,*

*Me xanh tỏa bóng, gió hòa trong cây.*

*Già phanh áo, gối tay, ríu mắt,*

*Gái dụm đầu bói Lục Vân Tiên.*

*Trai làng kính cẩn ngồi yên,*

*Giọng ông tôi lại cất lên, kể rằng:*

*“Cửa Cần Giờ vào năm khởi nghĩa,*

*Sóng Cần Giờ đỏ khé máu tươi!*

*Gò Công oanh liệt một thời!*

*Ông Trương “Đám-lá-tối-trời” đánh Tây”.*

*Ruộng Gò Công cò bay thẳng cánh,*

*Ao Gò Me nước gánh không vơi.*

*Đất lành màu mỡ sinh sôi,*

*Nếp than, nấm rạ làng tôi vẫn nghèo.*

*Trước khi nhắm mắt thân yêu,*

*Bà tôi dám ước mơ nhiều hơn đâu.*

*Một vuông khăn đỏ bịt đầu,*

*Nợ nần truyền kiếp trông vào con thơ.*

*Ôi! Gò Me,*

*Các bác, các cô.*

*Các dì, các cậu,*

*Mồ hôi muối trắng hai vai áo.*

*Đêm không đèn húp cháo thay cơm,*

*Nhặt từng hạt lép trong rơm.*

*Nhìn bầu sữa cạn, thương con héo gầy.*

*(Lúa đâu dám phụ người cày*

*Nhà ai ngói đỏ, lẫm đầy lúa khô!)*

*Qua đường lưới cá, mò cua,*

*Ngó con sông bạc mà lo phận nghèo!*

\*\*\*

*Quê hương tôi bao nhiêu thay đổi,*

*Ngọn tầm vông, nón cói buổi đầu.*

*Trong lòng đất nước khổ đau,*

*Đứng lên không một sức nào chuyển lay.*

*Chín năm chúng ruồng, vây, giết, đốt,*

*Chín năm ta diệt bốt, gài chông.*

*Máu Trương Công Định anh hùng,*

*Qua tay Đảng, rót vào lòng nhân dân.*

*Trên đất Bắc xanh mầm hy vọng,*

*Đêm như ngày, tôi ngóng từng tin.*

*Gò Công đẫm máu biểu tình,*

*Gò Me, tuy vắng trống đình bao năm.*

*Tắt tiếng hát đêm trăng hò hẹn,*

*Chỉ còn vang tiếng biển thét gào.*

*Tôi nằm trên võng mẹ đưa,*

*Có chim cu gáy giữa trưa hanh nồng.*

*Tiếng ai vút đầu bông lúa chín,*

*Gió dìu vương xao xuyến bờ tre:*

*“Hò ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me*

*Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò!”*

*Chị tôi má đỏ thẹn thò,*

*Giã me bên trã canh chua ngọt ngào.*

*Thơ tôi như chiếc hôn đầu,*

*Gò Công yêu dấu, đâu nào má em?*

**8.** **Gò Ông Gồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Giới tính (Ông) + Tên người (Gồng).

Gò Ông Gồng là gò cát mang tên ông Gồng vốn là người có công trạng nào đó ở địa phương, rộng khoảng 5 ha, là tên ấp: ấp Ông Gồng, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

**9. Gò Táo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Táo: táo rừng, là loại cây nhỏ cao từ 2 - 6 m; rễ phơi khô ngâm rượu dùng để chữa hắc lào, lang ben; lá rừng tươi nấu tắm chữa lỡ ngứa; quả cùng với một số thảo dược ngâm với rượu có tác dụng bổ khí huyết, tăng cường sức khỏe[[16]](#footnote-16)).

Gò Táo là gò có nhiều cây táo, rộng khoảng 7 ha, ở xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

**10. Gò Xoài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Xoài: Cây to, cao 15-20 m. Quả xoài là một thứ quả ngon có giá trị lớn so với nhiều quả khác. Cơm xoài là thức ăn rất bổ dưỡng cho cơ thể. Xoài còn được dùng chế biến mứt, đóng hộp. Người ta thái quả xoài xanh thành miếng mỏng để ăn sống, phơi hay sấy khô dùng làm nguồn vitamin C thiên nhiên. Theo y học cổ truyền, vỏ thân xoài dùng được chữa thấp khớp, đau răng,…).

Gò Xoài là gò có nhiều cây xoài hoặc có một cây xoài to, rộng khoảng 5 ha, ở xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông.

**\* Địa danh có nguồn gốc Khmer, gốc Mã Lai, gốc Pháp :**

**\* Địa danh Việt gốc Pháp :**

**1**. **Kênh/Kinh Champeaux (đọc theo Tiếng Việt: Săm-pô)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Tên người bằng Tiếng Pháp (Champeaux).

Kênh/kinh Champeaux được đào năm 1870 trong khuôn khổ của chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Kênh/kinh được đặt tên Champeaux. Ông ta có tên đầy đủ là Palasne de Champeaux, thay Salicetti làm Chánh tham biện hạt tham biện Gò Công từ năm 1870 - năm 1871, Chánh tham biện hạt tham biện Mỹ Tho từ năm 1872 - năm 1876. Trong lúc giữ chức Chánh tham biện Mỹ Tho, Champeaux là người chỉ huy đàn áp cuộc khởi nghĩa do Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo và là người chỉ đạo vụ án tử hình đối với vị Thủ khoa yêu nước. Năm 1876, ông ta đổi về Sài Gòn, làm việc tại Phủ Thống đốc Nam Kỳ, trở thành viên quan cao cấp của thực dân Pháp ở Nam kỳ. Năm 1883, Champeaux tham gia cuộc tấn công kinh đô Huế của thực dân Pháp.

Được biết, sau khi đánh chiếm Nam Kỳ và Bắc Kỳ, đầu năm 1883, thực dân Pháp bắt đầu tính đến việc tấn công kinh đô Huế nhằm thực hiện dã tâm xâm chiếm toàn bộ Việt Nam.

Theo đó, lợi dụng lúc triều đình rối ren vì vua Tự Đức mới qua đời (7/7/1883), thực dân Pháp đã quyết định đánh thẳng vào Huế, hòng buộc triều đình nhà Nguyễn phải đầu hàng.

Sáng 18/8/1883, hạm đội của Pháp tiến vào cửa biển Thuận An. Trên chiếc Soái hạm Le Bayard của Đô đốc Courbet, chỉ huy toàn bộ hạm đội Pháp, có sự hiện diện của viên quan cao cấp Champeaux. Đến 4 giờ chiều hôm đó, quân Pháp bắt đầu nổ súng và công phá các pháo đài của quân dân ta trong suốt 2 ngày liền. Ngày 20/8/1883, chúng đổ bộ lên bờ. Quân dân ta anh dũng chống trả. Đến chiều tối, toàn bộ cửa Thuận An lọt vào tay giặc.

Trước tình thế đó, vua Hiệp Hòa cử quan lại gặp đại diện bọn thực dân xin “cầu hòa”. Về việc này, nhà sử học Trần Trọng Kim viết trong quyển *Việt Nam sử lược* như sau:

“Triều đình thấy sự nguy cấp, liền sai quan ra xin hòa. Viên Toàn quyền Harmand bắt quan ta phải giải binh cả mọi nơi, rồi cùng với ông Champeaux lên Huế để nghị hòa. Triều đình sai quan Hiệp biện hưu trí là Trần Đình Túc làm Khâm sai toàn quyền và Nguyễn Trọng Hợp làm phó, để cùng với quan Pháp hội nghị.

Ngày 25/8/1883, tờ hòa ước lập xong, có chữ ký của ông Harmand và ông Champeaux; đồng thời, ông Trần Đình Túc và ông Nguyễn Trọng Hợp cùng ký[[17]](#footnote-17)”.

Hòa ước Harmand (còn gọi là hòa ước Quý Mùi), gồm 27 điều khoản, công nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam, nước ta bị mất nền độc lập hoàn toàn. Sau khi hòa ước đã ký xong, được sự chỉ đạo của chính phủ Pháp, Champeaux ở lại Huế làm Khâm sứ đầu tiên tại Trung Kỳ, có quyền quyết định tất cả mọi việc, vua quan nhà Nguyễn chỉ là bù nhìn.

Rõ ràng, Champeaux là tên thực dân mà hành trạng của ông ta gắn liền với sự xâm lược hung hăng và tàn bạo của thực dân Pháp đối với đất nước ta. Chính vì lẽ đó, con kênh/kinh Champeaux ở Gò Công nhất thiết phải được đổi tên.

Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Gò Công năm 1936* *(Monographie de la province de Gocong - 1936)*, kênh/kinh Champeaux có chiều dài 5.000 m, rộng 15 m, dẫn nước từ kinh Salicetti vào làng Tân Thành (nay là xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông).

**2**. **Kênh/Kinh Salicetti (đọc theo Tiếng Việt: Xa-li-xét-ti)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Tên người bằng Tiếng Pháp (Salicetti).

Kênh/kinh được đào năm 1869 trong khuôn khổ của chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Kênh/kinh được đặt tên Salicetti. Đây là tên của Chánh tham biện hạt Tham biện Gò Công. Năm 1870, Salicetti làm Chánh tham biện hạt Tham biện Tân An. Năm 1872, ông ta là Chánh tham biện hạt Tham biện Vĩnh Long. Cũng trong năm này, trong khi đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân huyện Vũng Liêm (tỉnh Vĩnh Long), Salicetti đã bị nghĩa quân trừng trị. Sau đó, để trả thù cho Salicetti, vâng lệnh của chính quyền thực dân Pháp, tên đại Việt gian Trần Bá Lộc đã chỉ huy quân lính tiến hành cuộc thảm sát đẫm máu đối với nghĩa quân và nhân dân huyện Vũng Liêm. Quyển *Địa phương chí tỉnh Vĩnh Long năm 1911* cho biết:

“Năm 1872, được sự xúi giục của một số quan lại ở Huế[[18]](#footnote-18), vốn chỉ thuần phục chính quyền Pháp ở ngoài mặt, nhiều băng nhóm võ trang[[19]](#footnote-19) đã rải khắp Trà Vinh, đặc biệt là những vùng xung quanh chợ lớn Vũng Liêm[[20]](#footnote-20). Bọn chúng đụng đâu cướp đó trên đường[[21]](#footnote-21). Thanh tra Salicetti - đại úy thủy quân lục chiến - đã khinh suất đi kiểm tra vùng này với chỉ vài lính cận vệ. Kết cuộc, viên đại úy này đã bị một nhóm phiến quân phục kích và giết chết. Viên Đốc phủ Cái Bè là ông Trần Bá Lộc, nổi tiếng bởi sự sáng trí, lòng trung thành và dũng cảm đối với sự nghiệp của chúng ta, đã nhận lãnh nhiệm vụ trừng trị những kẻ sát nhân. Bằng một cuộc hành quân chớp nhoáng, ông ta đã tấn công bọn chúng ở cánh đồng Láng Thé[[22]](#footnote-22) và buộc bọn chúng phải tháo chạy sau một trận giao tranh đẫm máu kéo dài đến tận một ngày. Sau đó, cuộc bố ráp của ông Trần Bá Lộc diễn ra thật khủng khiếp. Cuối cùng, thi thể của viên đại úy bất hạnh cũng được tìm thấy trong một bụi cây và được Trần Bá Lộc đưa về Vĩnh Long để mai táng[[23]](#footnote-23)”. Do đó, cần thiết phải đổi tên kênh/kinh Salicetti, vì Salicetti đã từng đàn áp khốc liệt các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta.

Kênh/kinh này nối liền rạch Gò Công với rạch Cửa Khâu, một nhánh của sông Cửa Tiểu. Kênh/kinh có chiều dài 6.500 m, rộng 20 m. Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Gò Công năm 1936* *(Monographie de la province de Gocong - 1936)*,khi thủy triều lên cao ghe thuyền có trọng tải vừa có thể đi lại được trên kênh/kinh; đồng thời, làm tăng độ phì nhiêu cho các làng Hòa Nghị (nay là xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông), Dương Phước (nay là xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông) và Tăng Hòa (nay là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông).

Hiện tại, hai kênh/kinh Champeaux và Salisetti nối liền nhau và là một đoạn trong trục dẫn nước chính của vùng ngọt hóa Gò Công. Tuyến kênh/kinh chạy song song với Đường tỉnh 862, nối rạch Vàm Giồng ở thị xã Gò Công với xã Tân Thành của huyện Gò Công Đông.

**\* Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

**1.** **Ấp Bồ Đề**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Cây bồ đề: là cây thân gỗ lớn, cao từ 20 - 30 m; được trồng để tạo bóng mát, làm cây kiểng/cảnh bonsai; t**hanh lọc không khí, bảo vệ môi trường;** gỗ được chế tác thành đồ thủ công mỹ nghệ, đồ nội thất và đồ gỗ gia dụng, nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất giấy; nhựa cây được sử dụng trong ngành công nghiệp nước hoa và chiết xuất thành tinh dầu; theo Y học cổ truyền, cây bồ đề là loại thảo dược quý, có tác dụng an thần, giảm đau, lỡ loét ngoài da, hen suyễn, tiêu chảy, tiểu đường,… Đây là cây có ý nghĩa thiêng liêng trong Phật giáo[[24]](#footnote-24)).

Ấp Bồ Đề thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều cây bồ đề hoặc có cây bồ đề to.

Ấp Bồ Đề đông giáp ấp Xóm Tựu, cùng xã, tây giáp ấp Xóm Gồng, xã Tân Đông, bắc giáp ấp Xóm Đình, cùng xã, nam giáp ấp Chợ Bế, xã Bình Ân; diện tích tự nhiên 381 ha; dân số (năm 2019): 1.405 người, nam 675, nữ 730; được công nhận ấp văn hóa.

**2**. **Ấp Cây Bàng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Cây bàng: là loại cây thân gỗ lớn, cao vài chục mét, thường được trồng để lấy bóng mát tại các nơi công cộng và được dùng làm dược liệu trong một số bài thuốc y học cổ truyền).

Ấp Cây Bàng thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều cây bàng hoặc có cây bàng to.

Ấp Cây Bàng đông giáp Biển Đông, tây giáp ấp Vảm Kinh, xã Tăng Hòa, bắc giáp ấp Bà Canh, cùng xã, nam giáp ấp Đèn Đỏ, cùng xã; diện tích tự nhiên 320 ha; dân số (năm 2019): 1.338 người, nam 590, nữ 748; được công nhận ấp văn hóa.

**3.** **Ấp Cầu Muống**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Công tình xây dựng (Cầu) + Thực vật (rau muống biển: là loại cây thân thảo; mọc bò dài **theo những bãi cát ven bờ biển và lan thành từng bãi rộng; hoa màu tím; theo Y học cổ truyền, m**uống biển chữa trị những bệnh viêm và rối loạn tiêu hóa có tác dụng trừ tê thấp, phù thũng, chân tay đau nhức, mỏi, thấp khớp tạng khớp, khớp xương đau nhức, tiêu viêm, mụn nhọt và viêm mủ da[[25]](#footnote-25),...).

Ấp Cầu Muống thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có chiếc cầu mà tại đó có nhiều rau muống biển.

Ấp Cầu Muống đông giáp Biển Đông, tây giáp ấp Bà Canh, cùng xã, bắc giáp ấp Tân Phú, cùng xã, nam giáp ấp Cây Bàng, cùng xã; diện tích tự nhiên 288 ha; dân số (năm 2019): 1.778 người, nam 861, nữ 917; được công nhận ấp văn hóa.

**4.** **Ấp Giá Dưới**

##### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Giá: là cây thân gỗ, thích nghi ở vùng rừng ngập mặn, cao từ 15 - 20 m; lá khi gần rụng chuyển sang màu đỏ, chứ không chuyển sang màu vàng như hầu hết các loại cây; rễ cây đan xen chằng chịt, có tác dụng giữ đất, chống xói lỡ; gỗ được hầm than, làm diêm quẹt, giấy,…) + Vị trí (Dưới: vị trí thấp hơn trong không gian so với một vị trí xác định nào đó hay so với các vị trí khác nói chung.).

Ấp Giá Dưới thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây nhiều cây giá và tọa lạc phía dưới ấp Giá Trên.

Ấp Giá Dưới đông giáp ấp Đôi Ma 2, xã Vàm Láng, tây giáp Ấp 2, xã Tân Tây, bắc giáp ấp Xóm Mới, cùng xã, nam giáp ấp Giá Trên, cùng xã; diện tích tự nhiên 264 ha; dân số (năm 2019): 1.348 người, nam 596, nữ 752; được công nhận ấp văn hóa.

**5.** **Ấp Giá Trên**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Giá) + Vị trí (Trên: vị trí cao hơn trong không gian so với một vị trí xác định nào đó hay so với các vị trí khác nói chung).

Ấp Giá Trên thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây nhiều cây giá và tọa lạc phía trên ấp Giá Dưới.

Ấp Giá Trên đông giáp ấp Xóm Lưới, cùng xã, tây giáp Ấp 2, xã Tân Tây, bắc giáp ấp Giá Dưới, cùng xã, nam giáp ấp Xóm Đình, cùng xã; diện tích tự nhiên 156 ha; dân số (năm 2019): 1.073 người, nam 505, nữ 568; được công nhận ấp văn hóa.

**6.** **Ấp Giồng Đình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Đình: là một công trình kiến trúc cổ truyền ở làng xã thời xưa, thờ Thành hoàng, những người có công đối với làng xã, những vị thần theo tín ngưỡng dân gian (hiện nay, có số đình thờ liệt sĩ cách mạng), nơi làm việc của Hội đồng hương chức sở tại và là nơi hội họp, thảo luận công việc của người dân trong cộng đồng).

Trên giồng có miếu thờ Võ Tánh, lăng Võ Tánh (đại công thần của nhà Nguyễn, chết tại thành Quy Nhơn năm 1801), miếu thờ Bá Chúa Xứ. Có lẽ vì thế, dân gian gọi là Giồng Đình.

Ấp Giồng Đình thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mang tên Giồng Đình.

Ấp Giồng Đình đông giáp ấp Chợ, xã Tân Thành, tây giáp ấp Giồng Lãnh 1, cùng xã, bắc giáp ấp Bà Lẫy 1, cùng xã, nam giáp ấp Kinh Giữa, xã Tân Thành; diện tích tự nhiên 129 ha; dân số (năm 2019): 1.166 người, nam 440, nữ 726; được công nhận ấp văn hóa.

**7.** **Ấp Giồng Lãnh 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Tên người (Lãnh) + Số từ (1).

Ấp Giồng Lãnh 1 thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là giồng cát mang tên ông Lãnh[[26]](#footnote-26). Ấp Giồng Lãnh 1 là để phân biệt Ấp Giồng Lãnh 2.

Ấp Giồng Lãnh 1 đông giáp ấp Giồng Đình, cùng xã, tây giáp ấp Xóm Gò, cùng xã, bắc giáp ấp Bà Lẫy 2, cùng xã, nam giáp ấp Giồng Lãnh 2, cùng xã; diện tích tự nhiên 149 ha; dân số (năm 2019): 1.360 người, nam 670, nữ 690; được công nhận ấp văn hóa.

**8. Ấp Giồng Lãnh 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Tên người (Lãnh) + Số từ (2).

Ấp Giồng Lãnh 2 thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là giồng cát mang tên ông Lãnh[[27]](#footnote-27). Ấp Giồng Lãnh 2 là để phân biệt Ấp Giồng Lãnh 1.

Ấp Giồng Lãnh 2 đông giáp ấp Kinh Giữa, xã Tân Thành, tây giáp ấp Tân Xuân, xã Phước Trung, bắc giáp ấp Giồng Lãnh 1, cùng xã, nam giáp sông Cửa Tiểu; diện tích tự nhiên 324 ha; dân số (năm 2019): 1.117 người, nam 676, nữ 441; được công nhận ấp văn hóa.

**9. Ấp Giồng Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Tên ấp được rút gọn (Tân Xuân thành Tân)

Ấp Giồng Tân thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông; trước năm 1975, là ấp Giồng Chùa; sau năm 1975, do Giồng Chùa trải dài từ xã Tăng Hòa đến ấp Tân Xuân, xã Phước Trung, nên được đổi thành Giồng Tân. Tên ấp Giồng Tân có từ đó.

Ấp Giồng Tân đông giáp ấp Trại Ngang, cùng xã, tây giáp ấp Tân Xuân, xã Phước Trung, bắc giáp Khu phố Hòa Thơm 3. thị trấn Tân Hòa, nam giáp ấp Trại Cá, cùng xã; diện tích tự nhiên 167 ha; dân số (năm 2019): 1.162 người, nam 448, nữ 712; được công nhận ấp văn hóa.

**10. Ấp Gò Lức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây Lức).

Ấp Gò Lức thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là cái gò có nhiều bụi cây lức.

Ấp Gò Lức đông giáp ấp Gò Táo, cùng xã, tây giáp ấp Cầu Bà Trà, cùng xã, bắc giáp Ấp 1, xã Tân Tây, nam giáp ấp Bờ Kinh, cùng xã; diện tích tự nhiên 210 ha; dân số (năm 2019): 3.095 người, nam 1542, nữ 1.553; được công nhận ấp văn hóa.

**11. Ấp Gò Me**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây me).

Ấp Gò Me thuộc xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là cái gò có nhiều cây me hoặc có cây me to.

Ấp Gò Me đông giáp ấp Xóm Đen, cùng xã, tây giáp ấp Kinh Trên, cùng xã, bắc giáp ấp Kinh Dưới, cùng xã, nam giáp ấp Ruộng Cạn, cùng xã; diện tích tự nhiên 279 ha; dân số (năm 2019): 3.112 người, nam 1.521; nữ 1.591, được công nhận ấp văn hóa.

**12. Ấp Gò Táo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Táo).

Ấp Gò Táo thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là cái gò có nhiều cây táo dại.

Ấp Gò Táo đông giáp ấp Bà Lãnh, cùng xã, tây giáp ấp Bờ Kinh, cùng xã, bắc giáp ấp Gò Lức, cùng xã, nam giáp ấp Chùa Đất Đỏ, cùng xã; diện tích tự nhiên 192 ha; dân số (năm 2019): 1.779 người, nam 887, nữ 892; được công nhận ấp văn hóa.

**13.** **Ấp Gò Xoài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây xoài).

Ấp Gò Xoài thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là cái gò có nhiều cây xoài hoặc có một cây xoài to.

Ấp Gò Xoài đông giáp xã Tân Tây, tây giáp ấp Mỹ Xuân, cùng xã, bắc giáp xã Tân Phước, nam giáp ấp Ông Non, cùng xã; diện tích tự nhiên 252 ha; dân số (năm 2019): 1.948 người, nam 857, nữ 1.091; được công nhận ấp văn hóa.

**14**. **Ấp Láng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Láng).

Ấp Láng thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là vùng đất thấp, ngập nước, có nhiều tôm cá, thực vật, như cỏ lác, năn, đưng, sậy,…

Ấp Láng đông giáp ấp Kinh Ngang, cùng xã, tây giáp ấp Hộ, cùng xã, bắc giáp ấp Hộ, xã Tân Điền, nam giáp ấp chợ, cùng xã; diện tích tự nhiên: 134 ha; dân số (năm 2019): 1.484 người, nam 647, nữ 837; được công nhận ấp văn hóa.

**15.** **Ấp Rạch Bùn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Vật liệu (Bùn).

Ấp Rạch Bùn thuộc xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có con rạch chảy ngang qua vùng đất mới được phù sa từ biển Đông bồi đắp nên có nhiều bùn lầy.

Ấp Rạch Bùn đông giáp Biển Đông, tây giáp ấp Trung, cùng xã, bắc giáp ấp Xóm Rẫy, xã Kiểng Phước, nam giáp ấp Hộ, cùng xã; diện tích tự nhiên 319 ha; dân số (năm 2019): 524 người, nam 251, nữ 273; được công nhận ấp văn hóa.

**16.** **Ấp Ruộng Cạn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Một loại hình đất đai (Ruộng: là đất trồng trọt ở ngoài đồng, xung quanh thường có bờ thửa, chủ yếu để trồng lúa) + Tính từ (Cạn: Chỗ không còn nước).

Ấp Ruộng Cạn thuộc xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều thửa ruộng có địa thế cao, ít nước, dân gian còn gọi là ruộng gò.

Ấp Ruộng Cạn đông giáp ấp Xóm Đen, xã Bình Ân, tây giáp ấp Lò Gạch, thị trấn Tân Hòa, bắc giáp ấp Hiệp Trị, cùng xã, nam giáp ấp Xóm Gò, xã Tăng Hòa; diện tích tự nhiên 215 ha; dân số (năm 2019): 2.238 người, nam 1.069, nữ 1.169; được công nhận ấp văn hóa.

**17.** **Ấp Vàm Kinh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Công trình xây dựng (Kinh).

Ấp Vàm Kinh thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi là vàm của một con kinh (kinh Giữa).

Ấp Vàm Kinh đông giáp ấp Đèn Đỏ, cùng xã, tây giáp ấp Giồng Lãnh 2, xã Tăng Hòa, bắc giáp ấp Kinh Giữa, cùng xã, nam giáp sông Cửa Tiểu; diện tích tự nhiên 248 ha; ; dân số (năm 2019): 1.386 người, nam 672, nữ 714; được công nhận ấp văn hóa.

**18. Ấp Xóm Đen**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Màu sắc (Đen).

Địa danh Xóm Đen nguyên có tên là Xóm Nước Đen. Thời xưa, nơi đây là rừng rậm, lá cây rụng (thực vật) tích lũy lâu ngày kết hợp với những dòng chảy nhỏ trong rừng, tạo thành một vùng nước có màu đen, nên gọi là xóm Nước Đen. Về sau, gọi tắt thành Xóm Đen.

Ấp Xóm Đen thuộc xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, đông giáp ấp Trung, xã Tân Điền, tây giáp ấp Gò Me, cùng xã, bắc giáp ấp Kinh Dưới, cùng xã, nam giáp ấp Bà Lẩy 2, xã Tăng Hòa; diện tích tự nhiên 235 ha; dân số (năm 2019): 1.471 người, nam 720, nữ 751; được công nhận ấp văn hóa.

**19. Ấp Xóm Gò**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Địa hình thiên nhiên (Gò).

Ấp Xóm Gò thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có một gò cát.

Ấp Xóm Gò đông giáp ấp Giồng Lãnh 1, cùng xã, tây giáp Khu phố 1, thị trấn Tân Hòa, bắc giáp ấp Bà Lẫy 2, cùng xã, nam giáp ấp Trại Ngang, cùng xã; diện tích tự nhiên 173 ha; dân số (năm 2019): 1.023 người, nam 596, nữ 427; được công nhận ấp văn hóa.

**20. Ấp Xóm Rẫy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Một loại hình đất đai (Rẫy: là đất trồng các loại hoa màu, như rau, củ, quả,…).

Ấp Xóm Rẫy thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có xóm nhà làm nghề rẫy.

Ấp Xóm Rẫy đông giáp Biển Đông, tây giáp ấp Xóm Chủ, cùng xã, bắc giáp ấp Đôi Ma 2, xã Vàm Láng, nam giáp ấp Bắc 2, xã Tân Điền; diện tích tự nhiên 368 ha; dân số (năm 2019): 827 người, nam 392, nữ 435; được công nhận ấp văn hóa.

**21.** **Biển Lá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Biển) + Thực vật (Lá).

- Biển: Ở đây, không phải biển theo nghĩa thông thường, ý nói là là rộng mênh mông, bao la, bát ngát.

- Lá: ý nói là cây dừa nước dùng làm lá lợp nhà, dân gian có tên gọi “nhà lá” là nhà lợp bằng lá dừa nước.

Về địa danh Biển Lá, Việt Cúc giải thích nguồn gốc như sau: “Rạch Tổng Châu chạy dài lên phía bắc, hai bên rạch dừa nước (lá lợp nhà) xen mọc với cây cối rất sầm uất, nên được gọi là Biển Lá[[28]](#footnote-28)”. Địa danh này nay thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông.

**22**. **Đám Lá Tối Trời**

Đám Lá Tối Trời ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông xưa là nơi cô tịch, hoang vắng, vì bao bọc nhiều lớp rừng cây dà, cây cóc, dừa nước, cây bần,… mọc chen chúc, tàng cây cao bóng rợp che khuất ánh sáng. Ban ngày vào vùng ấy như đêm tối nên gọi là “đám lá tối trời”.

Năm 1863, quân Pháp chiếm Gò Công. Trương Định cùng nghĩa quân lui về đây làm căn cứ chống giặc vì đây là nơi hiểm yếu. Do bọn thám tử và nội gián chỉ điểm dẫn đường, giặc Pháp vây rừng và thâm nhập Đám lá tối trời định bắt sống Trương Định. Vào lúc nửa đêm, Trương Định phá vòng vây thoát ra ngoài nhưng do trúng đạn, để không rơi vào tay giặc, ông đã tuẫn tiết. Trong *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*, Nguyễn Liêng Phong viết:

*Tiếng đồn* ***đám lá tối trời****,*

*Có ông Trương Định trải phơi gan vàng.*

*Hiềm vì cơ chưởng nam minh,*

*Lưỡi gươm đâm bụng liều mình như chơi.*

*Nên hư số hệ ở trời,*

*Khá đem thành bại luận người hùng anh.*

**23**. **Khu phố** **Xóm Gò 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố: là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú ở một xã, phường, thị trấn) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Số từ (1).

Khu phố Xóm Gò 1 thuộc thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có một gò cát.

Khu phố Xóm Gò 1 đông giáp ấp Xóm Gò, xã Tăng Hòa, tây giáp hai khu phố Hòa Thơm 1 và 2, cùng thị trấn, bắc giáp khu phố Xóm Gò 2, cùng thị trấn, nam giáp ấp Trại Ngang, xã Tăng Hòa; diện tích tự nhiên 36 ha; dân số (năm 2019): 562 người, nam 284, nữ 278; được công nhận khu phố văn hóa.

**24. Khu phố Xóm Gò 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Số từ (2).

Khu phố Xóm Gò 2 thuộc thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có một gò cát.

Khu phố Xóm Gò 2 đông giáp ấp Xóm Gò, xã Tăng Hòa, tây giáp hai khu phố Hòa Thơm 1 và 2, cùng thị trấn, bắc giáp ấp Lò Gạch 2, cùng thị trấn, nam giáp khu phố Xóm Gò, cùng thị trấn; diện tích tự nhiên 30 ha; dân số (năm 2019): 612 người, nam 313, nữ 299; được công nhận khu phố văn hóa.

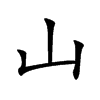
**25**. **Rừng Cóc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rừng: Điều 3 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, rừng là một hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật rừng, động vật rừng, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó cây gỗ, tre nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính có độ che phủ của tán rừng từ 0,1 trở lên. Rừng gồm rừng trồng và rừng tự nhiên trên đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.) + Thực vật (Cây cóc: là loại thân gỗ nhỏ, cao khoảng 10 m, thuộc họ tràm, vỏ thường được phơi khô để làm thuốc nhuộm, lá được dùng để nấu canh chua hoặc ăn trong những món lẩu).

Về địa danh Rừng Cóc, Việt Cúc giải thích nguồn gốc như sau: “Phía trong và phía ngoài chợ Tổng Châu, xóm ấp rất thưa, mỗi ấp độ hơn mười nhà. Ở phía đông cách chợ lối hai ngàn thước, thì là rừng rậm, toàn là cây cóc và cây dà, nên gọi là Rừng Cóc[[29]](#footnote-29)”. Địa danh này nay thuộc xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

**\* Địa hình thiên nhiên, động vật:**

**1. Ấp Sơn Quy A**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Sơn: : Núi) + Động vật (Quy: : Rùa) + Chữ (A: ấp Sơn Quy A để phân biệt với ấp Sơn Quy B).

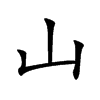
Địa danh Sơn Quy, nguyên có tên là Quy Nguyên , có nghĩa là Gò Rùa, bởi vì nơi đây, thuở lưu dân người Việt đến khai phá, có rất nhiều rùa sinh sống; cũng có thuyết cho rằng, giồng có hình vòng tròn và dài, giữa lại cao lên giống như một con rùa nằm, nên gọi là Gò Rùa.

Đây là tổ quán của đức Thái Hậu Từ Dụ (Từ Dũ). Vào giữa thế kỷ thứ XVIII, ông Phạm Đăng Long theo cha vào vùng Gò Công vốn hãy còn hoang vu. Là người giỏi Nho học, tinh thông phong thủy, địa lý, ông đi nhiều nơi tìm thế đất tốt để định cư, mong con cháu sau này phát tích, hưng vượng. Lúc ông đến Gò Rùa, thấy thế đất ở đây rất đẹp và có giếng nước ngọt, trong khi đó, toàn vùng Gò Công, giếng nước ngọt rất hiếm. Do đó, ông đã quy tập mồ mả 3 đời về đây và xây nhà ở gò đất này[[30]](#footnote-30). Ông Phạm Đăng Long kết hôn với bà Phan Thị Tánh sinh ra Phạm Đăng Hưng, sau này trở thành đại công thần của triều Nguyễn. Phạm Đăng Hưng là thân phụ của bà Từ Dụ (Từ Dũ), hoàng phi của vua Thiệu Trị, hoàng mẫu của vua Tự Đức.

Do Gò Rùa (Quy Nguyên) là quê ngoại của nhà vua, nên vua Tự Đức thay chữ Quy Nguyên thành Sơn Quy tức là Gò Rùa thành ra Núi Rùa, ý muốn nói nơi phát tích bên ngoại được vững bền như Núi Rùa, là một loại trong Tứ Linh (Long- Lân- Quy- Phụng) sống lâu lại hợp với Núi càng vững bền thêm mãi. Tại đây, vua Thiệu Trị rồi vua Tự Đức cho xây dựng ngôi Từ đường thích lý (bên ngoại của nhà vua) và cấp ruộng đất để phục vụ việc thờ phụng.

Ấp Sơn Quy A thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông, đông giáp ấp Sơn Quy B, cùng xã, tây giáp ấp Phục Nhứt, xã Thành Công, nam giáp ấp Lăng Hoàng Gia, cùng xã, bắc giáp ấp Ông Cai, cùng xã; diện tích tự nhiên 276 ha; dân số (2019): 2.030 người, nam 934, nữ 1.096; được công nhận Ấp văn hóa.

**2**. **Ấp Sơn Quy B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp: Xin xem mục từ ấp Bà Bèo) + Địa hình thiên nhiên (Sơn: : Núi) + Động vật (Quy: : Rùa) + Chữ (B: ấp Sơn Quy B để phân biệt với ấp Sơn Quy A).

Xuất xứ địa danh Sơn Quy, xin xem mục từ ấp Sơn Quy A.

Ấp Sơn Quy B thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông, đông giáp Ấp 6, xã Tân Tây, tây giáp ấp Sơn Quy A, cùng xã, nam giáp ấp Hưng Thạnh, xã Long Hưng, bắc giáp ấp Ông Non, cùng xã; diện tích tự nhiên 284 ha; dân số (2019): 1.980 người, nam 955, nữ 1.025; được công nhận Ấp văn hóa.

**3. Ấp Trại Cá**

##### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Công trình xây dựng (Trại: khu dân cư mới lập ra để khẩn hoang, chăn nuôi,..) + Động vật (Cá).

Ấp Trại Cá là khu dân cư thời xưa chuyên làm nghề đánh bắt và chế biến cá, thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, đông giáp ấp Giồng Lãnh 2, cùng xã, tây giáp ấp Giồng Tân, cùng xã, bắc giáp ấp Trại Ngang, cùng xã, nam giáp sông Cửa Tiểu; diện tích tự nhiên 336 ha; dân số (2019): 1474 người, nam 773, nữ 701; được công nhận Ấp văn hóa.

**4.** **Long Uông**

Địa danh Hán Việt được cấu tạo theo phương thức: Linh vật (Long: : Rồng) + Tính từ (Uông: : Yếu đuối).

Long Uông là tên rạch ở xã Tăng Hòa, thị trấn Tân Hòa và tên cống, tên cầu ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông. Rạch Long Uông có nhiều đoạn uốn khúc, quanh co như rồng. Theo Việt Cúc, thuở xưa, nơi đây là rừng già, cây cối rậm rạp, bùn lầy nước đọng, thú rừng rất nhiều và thường đi vào sông Cửa Tiểu, dấu chân giẫm nát thành một lối đi cong quẹo, lâu ngày nước chảy bùn trôi, theo dấu trũng xuống thành một con rạch. Dân gian xem hình thể như một con rồng yếu ớt nên đặt là Long Uông[[31]](#footnote-31).

**5.** **Trại Cá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trại) + Động vật (Cá).

Nguồn gốc của địa danh này được phản ảnh qua truyện tích dân gian như sau:

Xưa kia, bãi biển rạch Bùn chạy dài đến rạch Cùng (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông), phù sa bù đắp mỗi ngày một ít, cỏ tranh, lùm bụi mọc xen dưới rừng cây to, bóng mát. Nhiều rạch nước nhỏ chảy quanh co với các đầm nước đọng. Dưới bãi đất bồi là: sò, hến, cua, ốc.

Ngày ấy, vùng này dân chúng thưa thớt. Vì cá tôm quá nhiều nên mỗi ngày những người làm nghề chài lưới tìm chỗ khô ráo để phơi khô, làm mắm. Mỗi nhà giành một khoảng đất trống để phơi cá, tôm, nhiều nhà hợp lại thành xóm, chuyên nghề vựa cá, xẻ cá phơi khô nên gọi là xóm Trại Cá[[32]](#footnote-32).

Trại Cá gắn liền với chiến công oanh liệt của nghĩa quân Trương Định chống Pháp. Trong bài Văn tế điếu Trương Định, nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu có viết:

*Rạch Lá, Gò Công mấy trận, người đã thấy kinh*

*Cửa Khâu, Trại Cá các nơi, ai nghe cũng hãi.*

Về trận đánh này, truyện tích dân gian ở địa phương cho biết:

Thuở đàng cựu chống Pháp, có trận đánh Trại Cá của nghĩa quân Trương Định, làm cho binh Pháp kinh hải và tổn thất nặng nề.

Vì nơi đây là xóm vựa cá tôm, binh Pháp thường ra vào mua cá và khô, cung cấp cho binh sĩ.Thuở ấy vùng này còn rừng rậm sầm uất. Đàng ta thăm dò từ lâu, tìm kế phục binh, để đánh úp một phen. Vào tháng 11 âm lịch, biển lặng sóng êm, Bình Tây Đại tướng quân Trương Định cho trang bị hai chiếc thuyền buồm, với 100 binh sĩ, có cấp đội chỉ huy, khởi sự tại rừng già (Gia Thuận) đi ngã biển Vàm Láng lên Rạch Cùng, đổ bộ lên mé rừng phía trong Trại Cá rồi lẻn ra phục binh sẵn, gần đường lối đi của lính Pháp, thường hay ra vào mua tôm cá nơi đây.

Chờ đến một ngày sau, lính Pháp kéo vào như thường lệ, đang lúc mua khô và cá xong rút ra về. Binh ta nổ súng lịnh, áp ra xáp chiến, dùng gươm đao chém giết, lúc lính Pháp thình lình không đề phòng và trở tay không kịp, nên chết và bị thương gần hết. Chỉ thoát khỏi năm ba tên, nhưng ném cả khí giới và cá khô.

Binh ta đại thắng dọn dẹp chiến trường, lấy được mười hai khẩu súng, mấy chục viên đạn và rất nhiều quân trang khác[[33]](#footnote-33).

Hiện nay, xóm Trại Cá là một xóm dân cư trên những giồng đất cao, vườn cây trái sum xuê, thuộc thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông.

**\* Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

**Tỉnh Tiền Giang**

**Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc “nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước”. Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công  thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987,  Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện  Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho  là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã, phường, thị trấn** | **Diện tích (ha)**  **(Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)** | **Dân số**  **(người)** |
|
| **I** | **Huyện Cái Bè** | **42,089.82** | **291,627** |
| 1 | Thị trấn Cái Bè | 426.26 | 16,856 |
| 2 | An Thái Đông | 728.12 | 9,834 |
| 3 | Hậu Mỹ Phú | 1,120.44 | 7,306 |
| 4 | An Cư | 1,142.82 | 14,211 |
| 5 | Hậu Thành | 1,163.09 | 14,354 |
| 6 | Mỹ Đức Đông | 1,208.66 | 9,445 |
| 7 | Thiện Trí | 1,314.59 | 9,210 |
| 8 | Mỹ Hội | 1,377.24 | 8,383 |
| 9 | An Hữu | 1,411.36 | 17,263 |
| 10 | Hoà Hưng | 1,540.34 | 15,335 |
| 11 | Mỹ Lương | 1,608.97 | 10,370 |
| 12 | Tân Thanh | 1,634.06 | 10,427 |
| 13 | Mỹ Tân | 1,736.26 | 4,893 |
| 14 | Mỹ Lợi A | 1,747.61 | 10,298 |
| 15 | Đông Hoà Hiệp | 1,781.23 | 14,023 |
| 16 | Tân Hưng | 1,888.60 | 12,282 |
| 17 | An Thái Trung | 1,911.87 | 14,901 |
| 18 | Mỹ Lợi B | 1,912.95 | 7,414 |
| 19 | Mỹ Đức Tây | 1,975.46 | 13,965 |
| 20 | Hậu Mỹ Bắc B | 1,977.17 | 10,480 |
| 21 | Thiện Trung | 2,018.96 | 8,991 |
| 22 | Hoà Khánh | 2,253.21 | 20,142 |
| 23 | Mỹ Trung | 2,416.47 | 8,347 |
| 24 | Hậu Mỹ Bắc A | 2,626.04 | 12,787 |
| 25 | Hậu Mỹ Trinh | 3,168.04 | 10,110 |
| **II** | **Huyện Cai Lậy** | **29,599.36** | **186,583** |
| 1 | Hiệp Đức | 1,013.78 | 5,977 |
| 2 | Mỹ Thành Bắc | 1,748.73 | 8,075 |
| 3 | Cẩm Sơn | 1,241.58 | 8,009 |
| 4 | Hội Xuân | 1,168.68 | 8,880 |
| 5 | Mỹ Long | 1,280.75 | 9,158 |
| 6 | Phú Nhuận | 1,363.58 | 9,206 |
| 7 | Thạnh Lộc | 2,384.06 | 11,298 |
| 8 | Long Tiên | 1,644.10 | 12,001 |
| 9 | Long Trung | 1,511.30 | 12,141 |
| 10 | Phú Cường | 3,259.79 | 12,733 |
| 11 | Mỹ Thành Nam | 2,179.25 | 12,652 |
| 12 | Tân Phong | 2,469.99 | 12,594 |
| 13 | Phú An | 1,577.08 | 15,149 |
| 14 | Ngũ Hiệp | 2,780.00 | 16,117 |
| 15 | Tam Bình | 2,081.75 | 16,383 |
| 16 | Bình Phú | 1,894.94 | 16,210 |
| **III** | **Thị xã Cai Lậy** | **14,018.95** | **123,775** |
| 1 | Phường 1 | 220.53 | 11,427 |
| 2 | Phường 2 | 349.19 | 5,416 |
| 3 | Phường 3 | 335.75 | 3,323 |
| 4 | Phường 4 | 203.74 | 6,039 |
| 5 | Phường 5 | 255.62 | 7,499 |
| 6 | Phường Nhị Mỹ | 553.84 | 4,586 |
| 7 | Thanh Hoà | 672.58 | 5,061 |
| 8 | Tân Phú | 826.44 | 5,410 |
| 9 | Phú Quí | 835.34 | 6,405 |
| 10 | Mỹ Hạnh Trung | 996.26 | 7,251 |
| 11 | Mỹ Hạnh Đông | 1,609.86 | 8,617 |
| 12 | Nhị Quí | 787.70 | 10,422 |
| 13 | Tân Bình | 900.93 | 5,669 |
| 14 | Tân Hội | 1,375.81 | 11,029 |
| 15 | Mỹ Phước Tây | 2,029.64 | 13,200 |
| 16 | Long Khánh | 2,065.72 | 12,421 |
| **IV** | **Huyện Châu Thành** | **22,991.09** | **242,757** |
| 1 | Thị trấn Tân Hiệp | 74.49 | 4,995 |
| 2 | Dưỡng Điềm | 341.58 | 6,192 |
| 3 | Hữu Đạo | 469.64 | 4,570 |
| 4 | Tân Lý Tây | 509.46 | 11,148 |
| 5 | Thạnh Phú | 733.81 | 9,686 |
| 6 | Đông Hoà | 758.96 | 9,530 |
| 7 | Song Thuận | 783.92 | 6,442 |
| 8 | Bình Trưng | 893.71 | 9,140 |
| 9 | Phú Phong | 900.03 | 6,980 |
| 10 | Tân Hội Đông | 913.62 | 7,589 |
| 11 | Long An | 591.85 | 9,258 |
| 12 | Bàn Long | 925.63 | 8,352 |
| 13 | Tân Hương | 1,103.29 | 15,170 |
| 14 | Bình Đức | 755.29 | 13,215 |
| 15 | Kim Sơn | 1,169.09 | 10,085 |
| 16 | Thân Cửu Nghĩa | 1,244.81 | 19,201 |
| 17 | Điềm Hy | 1,429.48 | 9,020 |
| 18 | Long Hưng | 1,475.67 | 12,355 |
| 19 | Tân Lý Đông | 1,555.24 | 14,275 |
| 20 | Long Định | 1,779.10 | 14,359 |
| 21 | Nhị Bình | 1,889.68 | 16,930 |
| 22 | Tam Hiệp | 2,121.40 | 14,015 |
| 23 | Vĩnh Kim | 571.34 | 10,250 |
| **V** | **Huyện Tân Phước** | **33,321.74** | **57,561** |
| 1 | Thị trấn Mỹ Phước | 279.40 | 2,792 |
| 2 | Phú Mỹ | 1,340.10 | 7,862 |
| 3 | Tân Lập 2 | 1,647.54 | 2,278 |
| 4 | Tân Hoà Thành | 1,747.22 | 9,847 |
| 5 | Thạnh Hoà | 2,533.85 | 842 |
| 6 | Tân Hoà Đông | 2,677.93 | 1,593 |
| 7 | Thạnh Mỹ | 2,832.35 | 2,134 |
| 8 | Tân Lập 1 | 2,870.98 | 5,549 |
| 9 | Thạnh Tân | 3,319.80 | 1,892 |
| 10 | Hưng Thạnh | 3,348.75 | 6,836 |
| 11 | Tân Hoà Tây | 3,352.21 | 4,257 |
| 12 | Phước Lập | 3,475.54 | 8,936 |
| 13 | Mỹ Phước | 3,896.07 | 2,743 |
| **VI** | **Thành phố Mỹ Tho** | **8,154.10** | **220,014** |
| 1 | Phường 1 | 77.71 | 7,994 |
| 2 | Phường 2 | 70.81 | 13,743 |
| 3 | Phường 3 | 54.11 | 10,452 |
| 4 | Phường 4 | 79.36 | 16,570 |
| 5 | Phường 5 | 271.77 | 20,653 |
| 6 | Phường 6 | 311.30 | 23,448 |
| 7 | Phường 7 | 40.15 | 9,128 |
| 8 | Phường 8 | 69.70 | 11,954 |
| 9 | Phường 9 | 237.57 | 7,116 |
| 10 | Phường 10 | 282.90 | 10,477 |
| 11 | Phường Tân Long | 272.79 | 3,470 |
| 12 | Đạo Thạnh | 1,031.47 | 15,866 |
| 13 | Trung An | 1,063.03 | 21,667 |
| 14 | Tân Mỹ Chánh | 931.59 | 12,271 |
| 15 | Mỹ Phong | 1,130.60 | 16,534 |
| 16 | Phước Thạnh | 1,017.60 | 12,291 |
| 17 | Thới Sơn | 1,211.64 | 6,380 |
| **VII** | **Huyện Chợ Gạo** | **23,256.81** | **178,803** |
| 1 | Thị trấn Chợ Gạo | 307.67 | 7,525 |
| 2 | Hoà Tịnh | 704.65 | 6,286 |
| 3 | Bình Phan | 1,059.00 | 7,039 |
| 4 | Tân Bình Thạnh | 1,126.85 | 7,555 |
| 5 | Trung Hoà | 1,077.76 | 6,452 |
| 6 | Song Bình | 932.58 | 8,055 |
| 7 | Phú Kiết | 1,154.46 | 9,942 |
| 8 | Đăng Hưng Phước | 1,476.48 | 11,151 |
| 9 | Tân Thuận Bình | 1,225.72 | 10,323 |
| 10 | Long Bình Điền | 1,192.33 | 11,875 |
| 11 | Mỹ Tịnh An | 1,143.39 | 8,782 |
| 12 | Quơn Long | 1,330.55 | 9,538 |
| 13 | Thanh Bình | 1,399.60 | 9,535 |
| 14 | Hoà Định | 1,359.25 | 8,136 |
| 15 | Lương Hoà Lạc | 1,007.99 | 12,477 |
| 16 | Xuân Đông | 1,514.64 | 8,666 |
| 17 | An Thạnh Thuỷ | 1,573.59 | 12,503 |
| 18 | Bình Phục Nhứt | 1,805.76 | 12,358 |
| 19 | Bình Ninh | 1,864.54 | 10,605 |
| **VIII** | **Huyện Gò Công Tây** | **18,220.53** | **131,252** |
| 1 | Thành Công | 810.52 | 5,934 |
| 2 | Yên Luông | 1,049.62 | 8,347 |
| 3 | Bình Phú | 1,321.53 | 7,569 |
| 4 | Long Vĩnh | 1,221.50 | 7,455 |
| 5 | Đồng Sơn | 1,483.55 | 8,844 |
| 6 | Thạnh Trị | 1,426.25 | 9,676 |
| 7 | Bình Tân | 1,669.13 | 10,368 |
| 8 | Bình Nhì | 1,375.49 | 11,750 |
| 9 | Đồng Thạnh | 1,567.52 | 10,351 |
| 10 | Vĩnh Hựu | 1,908.62 | 11,450 |
| 11 | Thạnh Nhựt | 1,783.72 | 12,821 |
| 12 | Long Bình | 1,839.67 | 15,055 |
| 13 | Thị Trấn Vĩnh Bình | 763.41 | 11,632 |
| **IX** | **Huyện Gò Công Đông** | **26,768.16** | **142,797** |
| 1 | Thị trấn Tân Hoà | 325.01 | 6,830 |
| 2 | Tân Điền | 2,002.19 | 7,182 |
| 3 | Tăng Hoà | 1,745.67 | 9,836 |
| 4 | Phước Trung | 2,103.03 | 10,201 |
| 5 | Bình Ân | 1,337.50 | 9,855 |
| 6 | Tân Đông | 1,137.91 | 10,002 |
| 7 | Bình Nghị | 1,319.05 | 11,176 |
| 8 | Gia Thuận | 1,912.06 | 6,066 |
| 9 | Kiểng Phước | 4,038.74 | 15,178 |
| 10 | Tân Phước | 2,194.76 | 13,857 |
| 11 | Tân Thành | 6,618.98 | 13,976 |
| 12 | Thị trấn Vàm Láng | 600.00 | 14,302 |
| 13 | Tân Tây | 1,433.26 | 14,336 |
| **X** | **Thị xã Gò Công** | **10,198.49** | **96,877** |
| 1 | Phường 1 | 45.35 | 5,625 |
| 2 | Phường 2 | 71.33 | 7,673 |
| 3 | Phường 3 | 109.71 | 5,656 |
| 4 | Phường 4 | 137.66 | 6,507 |
| 5 | Phường 5 | 160.00 | 4,623 |
| 6 | Long Hưng | 657.22 | 5,241 |
| 7 | Long Hoà | 642.64 | 6,211 |
| 8 | Long Chánh | 768.26 | 5,584 |
| 9 | Long Thuận | 615.32 | 6,553 |
| 10 | Bình Đông | 2,244.87 | 13,776 |
| 11 | Bình Xuân | 2,786.41 | 16,056 |
| 12 | Tân Trung | 1,959.72 | 13,372 |
| **XI** | **Huyện Tân Phú Đông** | **22,211.31** | **40,501** |
| 1 | Phú Thạnh | 2,232.10 | 7,769 |
| 2 | Tân Thới | 2,138.26 | 10,248 |
| 3 | Tân Phú | 2,025.49 | 8,708 |
| 4 | Tân Thạnh | 2,237.03 | 4,374 |
| 5 | Phú Tân | 10,629.13 | 3,472 |
| 6 | Phú Đông | 2,949.30 | 5,930 |

*Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **TP**  **Mỹ Tho** | **TX**  **Cai Lậy** | **TX Gò Công** | **H. Cái Bè** | **H. Cai Lậy** | **H. Châu**  **Thành** |
| Diện tích (km2) | 81,541 | 140,189 | 101,985 | 420,898 | 295,993 | 229,910 |
| Dân số (người) | 270.704 | 23.775 | 96.877 | 291.627 | 242.757 | 186.583 |
| Mật độ dân (người/km2) | 3320 | 883 | 950 | 693 | 630 | 1056 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **H. Chợ**  **Gạo** | **H. Gò Công Đông** | **H. Gò Công Tây** | **H. Tân Phú Đông** | | **H. Tân Phước** |
| Diện tích (km2) | 232,568 | 267,681 | 182,205 | 222,113 | 333,217 | |
| Dân số (người) | 178.803 | 142.797 | 131.252 | 40.501 | 57.561 | |
| Mật độ dân (người/km2) | 769 | 533 | 720 | 182 | 172 | |

Nguồn: *Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Gò Công Đông:**

**1.** **Huyện Gò Công Đông**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Gò Công có 03 cách giải thích:

- Thứ nhất: Tên gọi Gò Công do nơi này vào lúc người Việt đến khai khẩn (thế kỷ XVII) là vùng đất gò có nhiều chim công, tên chữ Hán là Khổng Tước nguyên.

- Thứ hai: Đây là vùng đất gò có quán bán tạp hóa của bà Công, nên có tên gọi là gò Bà Công; về sau, gọi tắt thành Gò Công.

- Thứ ba: Ở xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định có địa danh núi Gò Công cao 198 m. Có thể, vào thế kỷ XVII, cư dân ở vùng núi Gò Công chuyển cư đến sinh sống và khai khẩn vùng đất mới. Tại đây, họ đã lấy tên Gò Công, vốn là quê hương bản quán, đặt tên cho nơi ở mới. Đây là trường hợp dịch chuyển địa danh do hiện tượng di dân.

Trong 03 cách giải thích nêu trên, cách giải thích thứ nhất được nhiều người chấp nhận nhất.

Huyện Gò Công Đông nằm ở phía Đông của vùng đất Gò Công và tỉnh Tiền Giang, nên có tên gọi là Gò Công Đông.

**Vị trí địa lý**:

Huyện Gò Công Đông phía Đông giáp Biển Đông; phía Tây giáp huyện Gò Công Tây và thị xã Gò Công; phía Nam giáp huyện Tân Phú Đông qua ranh giới tự nhiên là sông Cửa Tiểu, phía Bắc giáp huyện Cần Đước, tỉnh Long An và Thành phố Hồ Chí Minh (qua sông Vàm Cỏ và sông Soài Rạp).

**Diện tích tự nhiên:** 30.111,3 ha.

**Hành chính:**

Toàn huyện có 13 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 2 thị trấn: Tân Hòa (huyện lỵ), Vàm Láng và 11 xã: Bình Ân, Bình Nghị, Gia Thuận, Kiểng Phước, Phước Trung, Tân Điền, Tân Đông, Tân Phước, Tân Tây, Tân Thành, Tăng Hòa.

**Lịch sử hình thành:**

Huyện Gò Công Đông là vùng đất được khai phá sớm ở Tiền Giang. Trong các thế kỷ XVII – XVIII, vùng đất Gò Công Đông lúc đó lần lượt thuộc đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất Gò Công Đông thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Năm 1852, dưới đời vua Tự Đức, vẫn thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Gò Công Đông thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, hạt Thanh tra Gò Công. Năm 1871, vẫn thuộc hai tổng trên, hạt Tham biện Gò Công. Năm 1876, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng và tổng Hòa Lạc Hạ, Tiểu khu hành chính Gò Công. Năm 1900, thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công. Năm 1910, vùng đất Gò Công Đông vẫn thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công. Cụ thể như sau:

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng: Bình Thạnh, Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng: Bình Ân, Dương Phước, Hòa Nghị, Kiểng Phước, Tân Bình Điền, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tăng Hòa, Tân Thành, Thành Phố.

Năm 1913, tỉnh Gò Công giải thể để thành lập quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ thuộc quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1924, tỉnh Gò Công được tái lập. Từ đó đến năm 1954, vùng đất Gò Công Đông có hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ thuộc tỉnh Gò Công. Cụ thể như sau:

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng: Bình Ân, Dương Phước, Hòa Nghị, Kiểng Phước, Tân Bình Điền, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tăng Hòa, Tân Thành, Thành Phố.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ năm 1945-1951, xóa cấp “tổng”, và đổi tên “làng” thành “xã”, vùng đất Gò Công Đông có 17 xã (như đã nêu trên) thuộc tỉnh Gò Công; năm 1951, khi tỉnh Mỹ Tho (mới) được thành lập, còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò, vùng đất Gò Công Đông thuộc huyện Gò Công.

Từ năm 1954-1975, về phía chính quyền Sài Gòn, tháng 4-1955, vùng đất Gò Công Đông là quận Châu Thành, tỉnh Gò Công với 2 tổng: tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng, tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng. Quận lỵ là làng Thành phố.

Tháng 11/1956, hợp nhất tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho để thành lập tỉnh Định Tường; quận Châu Thành được đổi tên thành quận Gò Công, có 2 tổng, 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Long Thuận, chia ra như sau:

- Tổng Hòa Lạc Thượng: có 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Kiểng Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 07 xã: Bình Ân, Phước Trung (Dương Phước và Tân Duân Trung cũ), An Hòa (Hòa Nghị và Tân Duân Đông), Tân Bình Điền, Tăng Hòa, Tân Thành, Long Thuận (Thành Phố và Long Chánh cũ).

Năm 1963, tỉnh Gò Công tái lập, Năm 1965, quận Gò Công (nay tương ứng với vùng đất Gò Công Đông) được chia thành 2 quận: Quận Hòa Tân, quận lỵ đặt tại xã Tân Niên Tây với 09 xã; Quận Hòa Lạc, quận lỵ tại xã Tăng Hòa với 09 xã.

Năm 1970, vùng đất Gò Công Đông tương ứng với 2 quận Hòa Tân và Hòa Lạc. Cụ thể như sau:

- Quận Hòa Tân, quận lỵ đặt tại xã Tân Niên Tây với 10 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Thành Công, Vàm Láng.

- Quận Hòa Lạc, quận lỵ tại xã Tăng Hòa với 9 xã: An Hòa, Bình Ân, Bình Tân, Long Thuận, Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Bình Điền, Tân Thành, Yên Luông.

Các đơn vị hành chính này tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, từ 1957-1968, vùng đất Gò Công Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1968, tỉnh Gò Công được tái lập, vùng đất Gò Công Đông thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công. Năm 1972, tỉnh Gò Công được chia lại các đơn vị hành chính để phù hợp với tình hình thực tiễn trên chiến trường. Theo đó, vùng đất Gò Công Đông gồm có Vùng 2 (tương ứng với quận Hòa Tân theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn) và Vùng 4 (tương ứng với quận Hòa Lạc theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn). Các đơn vị hành chính này tồn tại đến ngày 30/4/1975.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng đặt lại huyện Đông thuộc tỉnh Gò Công. Năm 1976, tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho và thành phố Mỹ Tho để thành lập tỉnh Tiền Giang. Lúc này, huyện Đông sáp nhập với huyện Tây thành huyện Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP. Theo đó, chuyển thị xã Gò Công thành thị trấn Gò Công, là thị trấn huyện lỵ huyện Gò Công. Ngày 13/4/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP. Theo đó, chia huyện Gò Công thành hai huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây.

Huyện Gò Công Đông gồm thị trấn Gò Công và 16 xã: Bình Ân, Bình Đông, Bình Nghị, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Phú Đông, Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Điền, Tân Đông, Tân Phước, Tân Tây, Tân Thành, Tân Trung, Vàm Láng.

Ngày 13/2/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định 23-HĐBT. Theo đó, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa, là thị trấn huyện lỵ huyện Gò Công Đông. Ngày 16/2/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT. Theo đó, tách thị trấn Gò Công và một phần diện tích, dân số của hai xã Tân Đông, Bình Nghị để tái lập thị xã Gò Công. Huyện Gò Công Đông còn lại 35.942 ha diện tích tự nhiên và 149.845 người với 16 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 1 thị trấn và 15 xã.

Ngày 9/3/1992, chia xã Phú Đông thành hai xã Phú Đông và Phú Tân. Ngày 14/1/2002, tái lập xã Tăng Hòa trên cơ sở 1.745,67 ha diện tích tự nhiên và 9.568 người của thị trấn Tân Hòa. Cuối năm 2007, huyện Gò Công Đông có 18 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị trấn Tân Hòa và 17 xã: Bình Ân, Bình Đông, Bình Nghị, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Phú Đông, Phú Tân, Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Điền, Tân Đông, Tân Phước, Tân Tây, Tân Thành, Tân Trung, Vàm Láng.

Ngày 21/1/2008, Chính phủ ban hành Nghị định 09/2008/NĐ-CP. Theo đó: Chuyển 3 xã Bình Đông, Bình Xuân và Tân Trung về thị xã Gò Công quản lý. Tách 2 xã Phú Đông và Phú Tân để thành lập huyện Tân Phú Đông. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Gò Công Đông còn lại 26.768,16 ha diện tích tự nhiên và 143.418 người với có 13 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 1 thị trấn và 12 xã.

Ngày 30/9/2010, giải thể xã Vàm Láng để thành lập thị trấn Vàm Láng. Huyện Gò Công Đông có 2 thị trấn và 11 xã như hiện nay, bao gồm 2 thị trấn: Tân Hòa (huyện lỵ), Vàm Láng và 11 xã: Bình Ân, Bình Nghị, Gia Thuận, Kiểng Phước, Phước Trung, Tân Điền, Tân Đông, Tân Phước, Tân Tây, Tân Thành, Tăng Hòa. Năm 2020, huyện được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới; 02/02 thị trấn đạt chuẩn Văn minh đô thị.

Đặc sản: Mắm tôm chà, mắm tôm chua, mắm còng, nghêu Tân Thành, mực bò Tân Điền, các loại cá khô Vàm Láng, trái sơ ri tươi, mứt sơ ri, dưa hấu Đền Đỏ (Tân Thành), bánh nghệ Tân Tây,…

**Dân số:** 139.811 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 55triệu/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ tăng, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm.

Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu tính đến cuối năm 2019 đạt 9.564 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu đạt trung bình 10,8%/năm (giai đoạn 2016-2019), trong đó: Giá trị sản xuất ngành nông - ngư - lâm nghiệp đạt 6.306 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 65,93%), tốc độ tăng đạt 4,19%; giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.820 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 19,03%), tốc độ tăng đạt 16%; giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ đạt 1.438 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 15,04%), tốc độ tăng đạt 6,6%. Tổng số vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: 2.510 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch. Thu nhập bình quân đầu người của huyện hiện đạt 55,77 triệu đồng người/năm.

Tổng sản lượng thủy sản cả năm 2021 đạt tấn, chiếm tỷ lệ 90,4% so với kế hoạch (tăng 164 tấn so năm 2020), trong đó: sản lượng nuôi được 21.660 tấn, đạt 88,3% so với kế hoạch (tăng 1.164 tấn so với năm 2020), sản lượng khai thác biển được 55.000 tấn, đạt 91,3% so với kế hoạch (giảm 1.000 tấn so với năm 2020). Nuôi thủy sản với diện tích là 3.314 ha, đạt 98,5% so với kế hoạch (giảm 40 ha so với năm 2020). Trong đó: Nuôi tôm với diện tích là 839 ha, sản lượng được 3.160 tấn; nuôi nghêu với diện tích là 2.200 ha, ước sản lượng được 17.400 tấn; nuôi cá với diện tích là 275 ha, ước sản lượng được 1.100 tấn. Trong năm các mặt hàng thủy sản nuôi (đặc biệt là nghêu) có mức giá rất cao, giúp người nuôi mang về lợi nhuận cao.

Khai thác biển: hiện toàn huyện có khoảng 913 phương tiện đánh bắt thuỷ hải sản (giảm 09 phương tiện so với năm 2020), với tổng công suất là 355.588 CV. Trong đó: tàu đánh bắt xa bờ (từ 15m trở lên) là 690 phương tiện, với tổng công suất 339.988 CV, còn lại là các tàu có công suất nhỏ, đánh bắt gần bờ. Trong năm 2021, tình hình thời tiết tương đối thuận lợi cho hoạt động khai thác biển, đa số các tàu có công suất lớn đều có lãi, nhất là các phương tiện đánh bắt biển xa, nghề lưới. Tuy nhiên, tàu có công suất nhỏ, hoạt động chủ yếu nghề cào te hoạt động kém hiệu quả do nguồn lợi thủy sản ven bờ giảm.

**Giáo dục:**

Năm 2020, toàn huyện Gò Công Đông có 38 trường học công lập trên địa bàn các xã (11 trường mầm non, 16 trường tiểu học, 09 trường trung học cơ sở, 02 trường trung học phổ thông: Trường THPT Gò Công Đông và Trường THPT Nguyễn Văn Côn) hệ thống trường lớp được tăng cường đầu tư theo hướng đạt chuẩn quốc gia đã góp phần quan trọng vào công tác đào tạo nguồn nhân lực, cũng như phát triển văn hóa – xã hội của huyện. Trong giai đoạn 2011-2020, huyện đã đầu tư cải tạo, nâng cấp được 24 trường (cấp mầm non 08 trường, cấp tiểu học 11 trường, cấp trung học cơ sở 05 trường, cấp trung học phổ thông 02 trường) từ nguồn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, chương trình mục tiêu quốc gia cùng các nguồn vận động với tổng kinh phí 297,8 tỷ đồng, cho phép thành lập 04 nhóm trẻ tư thục đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương. Đến nay, toàn huyện có 31/36 trường đạt chuẩn về vật chất và trang thiết bị dạy học, tỷ lệ 86,1% (09/11 trường Mầm non, 16/16 trường Tiểu học, 06/09 trường THCS) trong đó số trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia: 22/36 , tỷ lệ 61,1% (05/11 trường Mầm non, 11/16 trường Tiểu học, 06/09 trường THCS). Các trường học còn lại (Mầm non 02 trường, Trung học cơ sở 03 trường) được UBND huyện, UBND các xã quan tâm tiếp tục đầu tư một số hạng mục để hoàn thành đạt chuẩn về cơ sở vật chất trong giai đoạn 2020 - 2025.

Toàn huyện có 27/41 trường đạt chuẩn quốc gia (gồm 08 trường mầm non, 13 trường tiểu học, 06 trường THCS), đạt tỷ lệ 65,85%, tăng 11,09% so với cùng kỳ. Tỷ lệ trường đạt chuẩn so với tổng số trường của từng bậc học là mầm non 61,54%, tiểu học 72,2%, trung học cơ sở 60%. Công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì và thực hiện. Năm 2020, huyện được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức 3, phổ cập giáo dục THCS mức 2, xóa mù chữ mức 2.

Chất lượng giáo dục các cấp học đều được nâng cao qua hằng năm; tỷ lệ trẻ cấp mầm non suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi hàng năm đều giảm. Có 100% trẻ 5 tuổi ra lớp mẫu giáo; 100% trẻ ra lớp được khám sức khỏe định kỳ. Hàng năm huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, không có học sinh cấp tiểu học bỏ học; có trên 99% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, các chỉ số luôn được duy trì, củng cố vững chắc; đặc biệt là công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa, các môn năng khiếu luôn được quan tâm và đã đạt được nhiều thành tích tốt; có trên 98% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đăng ký tuyển sinh vào lớp 6. Chất lượng hai mặt giáo dục cấp trung học cơ sở ngày càng được củng cố, nâng cao; tỷ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt trên 99% và tỷ lệ thi đỗ vào lớp 10 trung học phổ thông đều đạt trên 80%. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông, tỷ lệ đỗ đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước.

Hiện nay, đa số các trường học trên địa bàn huyện có khuôn viên đủ diện tích theo quy định trường chuẩn quốc gia; có đầy đủ phòng học, phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, ...; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bảng, bàn ghế của giáo viên và đều đạt chuẩn; các khu công trình công cộng; hệ thống lưới điện đảm bảo phục vụ hoạt động của nhà trường; các trường đều có hệ thống công nghệ thông tin, có kết nối Internet, có Website riêng; 100% các trường đang sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, có hệ thống thoát nước, sân chơi, bãi tập, khu nhà vệ sinh riêng cho học sinh, giáo viên, có tách riêng cho nam, nữ đảm bảo theo quy định; khu sân chơi, bãi tập có cây xanh, bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, cụ thể:

**Y tế:**

Toàn huyện 13 Trạm Y tế (tất cả đều đạt chuẩn Quốc gia), 02 cơ sở Trung tâm Y tế tuyến huyện với 44 bác sĩ, 61 y sĩ, 27 dược sĩ, 27 nữ hộ sinh. Công tác khám chữa bệnh tại cơ sở trong toàn huyện được nâng chất, tinh thần thái độ phục vụ bệnh nhân ngày càng tốt hơn, tạo được lòng tin trong nhân dân. Trong năm 2021, toàn huyện có 198.655 trường hợp khám chữa bệnh (tính từ ngày 01/01/2021); trong đó trẻ em dưới 05 tuổi là 7.555 trường hợp; khám bảo hiểm y tế 141.532 trường hợp. Công tác tuyên truyền, vận động các cặp vợ chồng trong tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, sàng lọc trước sinh và sơ sinh được tập trung thực hiện. Kết quả thực hiện: tỷ lệ sàng lọc trước sinh là 68,72% so với chỉ tiêu 62%; tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 91,43% so với chỉ tiêu 88%; Tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại 78,70 % so với chỉ tiêu 75%.

Đến tháng 5/2020, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện đạt tỷ lệ 97,04%, trong đó 11/11 xã xây dựng nông thôn mới đều đạt trên 85% (trong đó cao nhất là 03 xã bãi ngang, ven biển: Kiểng Phước, Phước Trung và Gia Thuận, đạt tỷ lệ 100%; thấp nhất là xã Tân Đông, đạt tỷ lệ 85,6%). Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, 100% Trạm y tế xã đều có bác sĩ; cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, góp phần cải thiện đáng kể các chỉ số sức khỏe cộng đồng. Hết năm 2018 toàn huyện có 11/11 xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) toàn huyện tính đến tháng 12/2019 là 1.334/9.728 trẻ em (chiếm 13,7%, giảm 6,7% so với năm 2011), 11/11 xã đều có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, thể thấp còi dưới 16% (trong đó xã có tỷ lệ thấp nhất là xã Tân Điền, chiếm 9,6%; xã có tỷ lệ cao nhất là xã Kiểng Phước, chiếm 16,0%).

**Giao thông:**

Hiện nay, trên địa bàn 13 xã thị trấn của huyện có 05 tuyến đường tỉnh (ĐT) đi qua với tổng chiều dài 50,13km: ĐT 862, ĐT 871, ĐT 873B, ĐT 871B, ĐT 871C); tổng số 12 tuyến đường huyện (ĐH): ĐH 01, ĐH 02, ĐH 03, ĐH 04, ĐH 05, ĐH 06, ĐH 07, ĐH 08, ĐH 08B, ĐH 09, ĐH 10, ĐH 11 với tổng chiều dài 89.567m. Năm 2020, toàn bộ 12 tuyến đường huyện đã được nhựa hóa đạt cấp đường tối thiểu loại VI. Đạt tỷ lệ 100% theo quy định (tăng 59,3% so với năm 2011).

Trên toàn hệ thống đường huyện có tổng số 23 cầu và 09 cống được xây dựng với kết cấu bê tông cốt thép kiên cố đảm bảo phù hợp với đường cấp VI theo quy hoạch. Tuy nhiên có một số cầu do được đầu tư xây dựng trước khi xây dựng mở rộng đường nhưng hiện nay còn đảm bảo tải trọng phù hợp với đường cấp VI nên chưa đầu tư xây dựng để sử dụng đồng bộ với đường. Những cầu này trong thời gian tới huyện sẽ chú trọng đầu tư xây dựng mở rộng và nâng tải trọng để sử dụng đồng bộ với đường.

Hàng năm, công tác duy tu sửa chữa các tuyến đường huyện quản lý luôn được chú trọng với kinh phí phân bổ khoảng 3 tỷ đồng/năm. Ủy ban nhân dân huyện giao Phòng Kinh tế tế và Hạ tầng thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các điểm hư hỏng trên các tuyến đường huyện để có biện pháp duy tu dặm vá khắc phục đảm bảo an toàn giao thông và bảo dưỡng công trình giao thông được sử dụng lâu dài.

Hệ thống giao thông thủy trên địa bàn tạo lợi thế lớn trong lưu thông liên thông với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận như Bến Tre, Long An, Trà Vinh. Huyện Gò Công Đông có trên 20 km giáp biển; có đoạn sông Soài Rạp nối liền với sông Vàm Cỏ và có sông Cửa Tiểu chạy ra sông Tiền. Đồng thời có 2 cửa sông lớn ở 2 đầu Nam, Bắc thông ra Biển Đông. Phía Đông nối liền huyện Cần Giờ, cảng Hiệp Phước, Thành Phố Hồ Chí Minh qua sông Soài Rạp, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu qua Biển Đông.

Trên địa bàn huyện có 03 tuyến thủy nội địa (tuyến sông Cần Lộc, tuyến kênh Hội Đồng Quyền và tuyến sông Long Uông) tổng chiều dài là 7,52 km. Trên 03 tuyến đường thủy nội địa này, trong năm 2019 huyện lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống báo hiệu giao thông đường thủy nội địa để các phương tiện thủy lưu thông được thuận lợi và an toàn.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 03 bến khách ngang sông đang hoạt động vận chuyển hành khách và hàng hóa gồm: Bến khách Phước Trung (hiện đã bàn giao cho huyện Tân Phú Đông quản lý), bến khách Vàm Láng và bến khách Gia Thuận; các bến đều có giấy phép hoạt động và đảm bảo các điều kiện an toàn.

Hàng năm, huyện đều xây dựng kế hoạch kiểm tra hoạt động của các tuyến thủy nội địa, các bến khách, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

**Văn hóa:**

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được xã hội hóa phong phú lành mạnh. Công tác thông tin cổ động phục vụ kịp thời yêu cầu nhiệm vụ chính trị địa phương. Tổ chức nhiều hoạt động vui chơi giải trí ngày lễ, tết, ngày hội truyền thống góp phần xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Quản lý nhà nước về văn hóa thực hiện chặt chẽ hơn. Hoạt động thư viện, bảo tồn, bảo tàng, di tích được tổ chức thực hiện theo yêu cầu đặt ra. Các di tích lịch sử, lịch sử - văn hóa; chiến tích cách mạng được trùng tu, sữa chửa kịp thời. Các hoạt động thể dục - thể thao được duy trì tập luyện thường xuyên; công tác đào tạo, bồi dưỡng vận động viên thể thao thành tích cao được quan tâm thực hiện. Đài truyền thanh huyện, xã, thị trấn được đầu tư mới, mạng lưới truyền thanh cơ sở được duy trì và phủ sóng đến tận ấp, khu phố tạo điều kiện tiếp cận các nguồn thông tin cho Nhân dân.

Phong trào xây dựng gia đình văn hóa được triển khai tuyên truyền vận động từ năm 1984. Qua quá trình vận động đăng ký xây dựng và tổ chức bình xét danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm có trên 90% hộ đạt 3 tiêu chuẩn Gia đình văn hóa theo quy định.

Xây dựng ấp văn hóa: tháng 6/1998 ấp Gò Táo xã Tân Đông là ấp văn hóa đầu tiên của huyện được công nhận. Đến năm 2012, toàn huyện có 101 ấp, khu phố được công nhận danh hiệu văn hóa, đạt tỉ lệ 100%; đến năm 2020 có 95/95 ấp, khu phố (giảm 6 ấp, khu phố do sáp nhập) văn hóa được công nhận lại, đạt tỉ lệ 100%.

Xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị: đến năm 2020 toàn huyện có 11/11 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt tỉ lệ 100%; 02/02 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, đạt tỉ lệ 100%.

Xây dựng danh hiệu văn hóa công cộng: đến nay huyện đã công nhận 34 cơ sở thờ tự văn hóa, 38 con đường văn hóa, 05 chợ văn hóa và 01 công viên văn hóa.

Quản lý di tích: trên địa bàn huyện có 01 Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, 13 Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh.

Các công trình văn hóa, thể thao được đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho nhân dân; đã xây dựng hoàn chỉnh Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện; 12 trung tâm văn hóa - thể thao xã, thị trấn; 34 nhà văn hóa liên ấp.

**Du lịch:**

Gò Công Đông là một trong hai huyện của tỉnh Tiền Giang giáp Biển Đông với chiều dài là 18,5 km; là đơn vị trọng điểm phát triển kinh tế biển của tỉnh (nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, hậu cần nghề cá, du lịch sinh thái). Có khu du lịch biển Tân Thành được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt khu du lịch sinh thái biển Tân Thành diện tích 80,36 ha; 01 Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, 13 Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh trong đó có 05 di tích du khách thường xuyên đến tham quan.

Năm 2020, trên địa bàn huyện có 01 khu du lịch Biển Tân Thành và 01 điểm du lịch Vườn táo chú 6 Hồi, xã Tân Thành. Hàng năm, huyện đón trên 50.000 lượt khách đến tham quan tại khu du lịch biển Tân Thành và và di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện. Bình quân hàng năm lượng khách du lịch tăng khoảng từ 2 - 3% chủ yếu là lượng khách nội địa, khách quốc tế chiếm khoảng 1% lượng khách đến dụ lịch tại các điểm trên địa bàn huyện.

Bên cạnh đó, còn chú trọng đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ cho du lịch: Cải tạo và xây dựng mới toàn bộ hệ thống đê và kè chắn sóng khu vực biển Tân Thành; đầu tư mở rộng di tích Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định và tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử - văn hóa đã được công nhận.

Đầu tư xúc tiến, quảng bá du lịch bằng các hình thức như: thực hiện chương trình “Món ngon Phương Nam” và “Rong ruổi đất Phương Nam”; thực hiện “Ký sự truyền hình qua 9 cửa sông”; chương trình “Một thoáng Gò Công”; thực hiện tập phim “Xứ sở của nghiêu và câu chuyện về xóm Đèn Đỏ”; chương trình Món ngon Phương Nam “Đặc sản Gò Công”. Đồng thời, phối hợp với Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn (Saigontourist Group) tổ chức khảo sát sản phẩm du lịch trên địa bàn huyện, để hình thành các tour du lịch, khai thác các thị trường du lịch trong và ngoài nước.

**Thể thao:**

Xác định đây là lực lượng chính để duy trì và phát triển phong trào thể dục, thể thao địa phương. Do đó các cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể quan tâm và tăng cường đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh, đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của nhân dân, hưởng ứng tham gia và lựa chọn các môn thể thao phù hợp để luyện tập, thu hút đông đảo mọi người ở các thành phần, lứa tuổi, giới tính, tham gia tập luyện thường xuyên tại các Câu lạc bộ, Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Truyền thanh huyện, Trung tâm Văn hóa-Thể thao các xã, thị trấn... với nhiều nội dung và hình thức tập luyện ở các môn: bóng đá, bóng chuyền, chạy bộ, võ Taekwondo, võ cổ truyền, thể dục dưỡng sinh,... Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông đã triển khai kế hoạch phát động tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Phát động Toàn dân luyện tập môn bơi phòng, chống đuối nước... Qua phát động có 5.950 cán bộ, học sinh và quần chúng tham gia. Đến nay, số người tập luyện thể dục, thể thao đạt 41.89% dân số; đạt 28.5% hộ gia đình tập luyện thể dục, thể thao. Hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn huyện ngày càng phát triển mạnh, tăng cường sức khỏe cho mọi người, mọi giới, tác động đến việc nâng cao hiệu quả và nâng suất trong lao động, sản xuất, học tập, đẩy mạnh tiến độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn huyện.

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân huyện quan tâm tập trung chỉ đạo việc quy hoạch, đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, kêu gọi đầu tư, xã hội hóa, xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở đáp ứng nhu cầu của các tầng lớp nhân dân. Cơ sở vật chất tổ chức thi đấu tuyến huyện được củng cố đảm bảo cho thi đấu và phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, đến nay có 12/13 xã, thị trấn đã thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao từng bước hoạt động có hiệu quả, trong đó việc xây dựng củng cố thể dục, thể thao quần chúng ở cơ sở, xã nông thôn mới đã được quy hoạch từng bước theo tiêu chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng 12/13 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, thị trấn với kinh phí 70 tỷ đồng; 34 Nhà văn hóa liên ấp với kinh phí 45 tỷ đồng; xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện với kinh phí 56,3 tỷ đồng nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao cho nhân dân.

Ngoài nhiệm vụ trọng tâm về tăng cường quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thể dục, thể thao và phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao thì việc xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao được các cấp lãnh đạo tỉnh và huyện đặc biệt quan tâm.

Điều nổi bật trong 10 năm qua là tổ chức thành công 2 lần Đại hội thể dục, thể thao các cấp lần VII và lần VIII; 13/13 xã, thị trấn tổ chức tốt Đại hội Thể dục, thể thao cấp cơ sở, thu hút nhiều vận động viên tham dự so với lần Đại hội trước, số môn thi đấu nhiều hơn, chất lượng chuyên môn được nâng lên một bước, đánh dấu sự phát triển mới của phong trào thực sự là Ngày hội thể thao của toàn dân. Huyện đã tổ chức 40 giải thi đấu cấp huyện với 4.962 vận động viên tham dự. Phát hiện, bồi dưỡng vận động viên trẻ để bổ sung cho lực lượng vận động viên của huyện ở các bộ môn. Tham gia 48 giải cấp tỉnh đạt nhiều thành tích. Các trường đều được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất theo yêu cầu của ngành giáo dục và đào tạo, phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế của địa phương, giáo viên thể dục của các trường hiện nay là giáo viên chuyên trách không còn tình trạng kiêm nhiệm.

Ngoài các giải đấu cấp huyện, huyện còn đăng cai tổ chức các giải cấp tỉnh, chào mừng các sự kiện chính trị trọng đại của tỉnh và huyện, qua các giải đăng cai tổ chức và tham gia thi đấu đều được đánh giá cao và góp phần nâng cao uy tín của ngành thể dục, thể thao huyện nhà. Các hoạt động trên đã góp phần tác động và thúc đẩy phong trào thể dục - thể thao thành tích cao trên địa bàn không ngừng phát triển.

**Tổng số liệt sĩ:** 2.650 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 445 Bà mẹ.

**2.** **Thị trấn Tân Hòa**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

市鎮 Thị trấn: Đơn vị hành chính dưới tỉnh, huyện; trên ấp.

新和市鎮 Tân Hòa thị trấn

**Vị trí địa lý:**

Thị trấn Tân Hòa là trung tâm của huyện Gò Công Đông; phía Đông giáp xã Tăng Hòa; phía Tây giáp xã Phước Trung; phía Nam giáp xã Tăng Hòa và xã Phước Trung; phía Bắc giáp xã Bình Nghị.

**Diện tích** **tự nhiên:** 323,21 ha.

**Hành chính:**

Toàn thị trấn gồm có 5 khu phố: Dương Phú, Hòa Thơm 1, Hòa Thơm 2, Xóm Gò, Lò Gạch.

**Lịch sử hình thành:**

Thị trấn Tân Hòa được thành lập năm 1979 trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu của xã Tăng Hòa. Năm 2019, thị trấn được công nhận đạt chuẩn “Văn minh đô thị”.

**Dân số:** 5.675 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 61 triệu/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Năm 2020, giá trị tổng sản lượng toàn ngành đạt 30,4 tỷ đồng. Thị trấn có 02 nghiệp đoàn, 01 tổ hợp tác.

Hoạt động thương mại - dịch vụ cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Trên địa bàn có 01 chợ trung tâm của huyện, 01 cửa hàng bách hóa xanh, 01 cửa hàng điện máy xanh, 08 doanh nghiệp tư nhân và 593 hộ kinh doanh - dịch vụ cá thể.

**Giáo dục**

Thị trấn có 03 trường học: Trường mầm non Tân Hòa (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Hòa (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Tân Hòa.

Thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 5 y sĩ. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,5% (2021).

**Giao thông:**

Tất cả các tuyến đường trong thị trấn đều được trải nhựa và bê tông.

**Văn hóa:**

Thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, trong đó nhà văn hóa thị trấn đạt chuẩn quy định. Thị trấn có các câu lạc bộ hát với nhau, câu lạc bộ đờn ca tài tử. Tất cả các khu phố đều đạt danh hiệu khu phố văn hóa. Hàng năm tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 92% và có trên 85% gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa” 3 năm liên tục

Tuyên truyền cổ động trực quan lễ tết dương lịch, lễ tết cổ truyền, các ngày lễ lớn trong năm và Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Thị trấn có sân vận động, sân bóng chuyền, sân cầu lông, thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao. Tham gia giải bóng đá cấp huyện.

**Tổng số liệt sĩ:** 106 liệt sĩ

**Tổng số Bà mẹ Việt nam anh hùng:** 12 Bà mẹ.

**3.** **Thị trấn Vàm Láng**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Láng).

- Vàm: Theo Vương Hồng Sển*,* Vàm là biến âm từ Khmer “pàm” hoặc “piam” nghĩa là cửa sông”[[34]](#footnote-34)

Theo Lê Trung Hoa, Vàm là tiếng Việt gốc Khmer: piăm, là nơi con rạch đổ ra sông lớn. Piăm có khả năng biến thành vàm; bởi vì, phụ âm tắc môi - môi “p” chuyển thành phụ âm xát môi - răng “v” là hiện tượng phổ biến: Kam**p**ot (một tỉnh ở Campuchia) - Cần **V**ọt (cách đọc của người Việt); còn âm chính “ă” chuyển đổi với “a” đã có tiền lệ: h**ằ**ng (tháng) - h**à**ng (tháng); (đại) b**à**ng – (cánh) b**ằ**ng,… Do đó, piăm hoàn toàn có thể biến thành vàm[[35]](#footnote-35).

- Láng:  là vùng đất thấp khá rộng, ngập nước, có nhiều tôm cá, thực vật, như cỏ lác, đưng,…[[36]](#footnote-36).

Việt Cúc đã giải thích tên Vàm Láng như sau: “Khúc ngoài cửa rạch Cần Lộc giáp với biển khá rộng và sâu, gọi là họng vàm. Cách họng vàm một khoảng rừng cây khuất tịch, phía trên có cái hà lãng ở giữa hơi sâu, chứa nước ngọt, cá lội, hươu nai thường đến uống nước, nên đặt là Láng Lộc:

*“Anh đi đóng đáy Bãi Ngang,*

*Ngó qua láng Lộc thấy nàng lượm tôm”.*

Sau này, vì vàm sông gần Láng Lộc, người xưa đặt tên chung là Vàm Láng[[37]](#footnote-37)”.

**Vị trí địa lý:**

Thị trấn Vàm Láng nằm về phía Đông Bắc huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp sông Xoài Rạp, phía Bắc giáp xã Gia Thuận (huyện Gò Công Đông) và sông Xoài Rạp, phía Tây và phía Nam giáp xã Kiểng Phước (huyện Gò Công Đông).

**Diện tích tự nhiên:** 751,82 ha.

**Hành chính:**

Thị trấn hiện có 07 khu phố: khu phố 1, khu phố 2, khu phố Lăng 1, khu phố Lăng 2, khu phố Lăng 3, khu phố Chợ 1, khu phố Chợ 2.

**Lịch sử hình thành:**

Về phía chính quyền Sài Gòn, năm 1967, xã Vàm Láng được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu của xã Kiểng Phước, thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công. Về phía chính quyền cách mạng, từ năm 1968-1972, xã Vàm Láng thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã Vàm Láng thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công.

Sau ngày 30/4/1975, tháng 5/1975 xã Vàm Láng có tên là xã Phước Vĩ thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công. Năm 1976, xã Phước Vĩ hợp nhất với xã Kiểng Phước thành xã Kiểng Lễ thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Tháng 4/1979, xã Kiểng Lễ được tách ra thành 02 xã Kiểng Phước và xã Vàm Láng. Ngày 23/11/1990, xã Vàm Láng được điều chỉnh địa giới. Sau khi điều chỉnh, xã Vàm Láng có 1.743,32 ha và 10.843người.

Tháng 9/2010, xã Vàm Láng được chính phủ phê duyệt điều chỉnh địa giới hành chính, tách 1 phần diện tích và dân số về xã Kiểng Phước để thành lập thị trấn Vàm Láng. Năm 2020, thị trấn được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị và trở thành đô thị loại IV.

**Dân số:** 13.508 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 76,04triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Khai thác và chế biến thủy hải sản là kinh tế mũi nhọn của địa phương, năm 2020, thi trấn có 527 phương tiện đánh bắt, 01 Nghiệp đoàn khai thác thủy sản với hơn 300 công đoàn viên, 18 tổ hợp tác khai thác thủy sản (114 hộ - 226 phương tiện), 01 Hợp tác xã khai thác thủy sản (20 hộ - 20 phương tiện, vốn điều lệ là 100 triệu đồng). Tổng sản lượng khai thác đạt 149.300 tấn (2020).

Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thị trấn Vàm Láng có sự chuyển biến tích cực. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 11,4 %. Năm 2020, trên địa bàn có 117 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; 06 doanh nghiệp, công ty.

Thương mại - dịch vụ có 210 hộ kinh doanh buôn bán sỉ và lẻ, cung ứng lượng hàng hóa lớn cho tàu thuyền. Phát triển thêm nhiều điểm kinh doanh buôn bán, với nhiều ngành nghề, mô hình đa dạng, nhất là dịch vụ phục vụ ngành đánh bắt thủy sản. Duy trì hoạt động bến đò khách đi Đồng Hòa, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hành khách và hàng hoá, việc mua bán của nhân dân được thuận lợi.

Ngoài ra, bến xe Vàm Láng được đầu tư xây dựng, nâng cấp ngày càng đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân. Thị trấn có 01 bến cảng và 01 chợ phục vụ thường xuyên ngày và đêm theo thủy triều lên xuống khi thuyền đánh bắt vào bờ. Cảng cá Vàm Láng cung cấp từ 20 – 30 ngàn tấn cá, tôm, mực, ghẹ,… mỗi năm.

**Giáo dục:**

Toàn thị trấn có 4 trường học: 01 trường trung học cơ sở; 02 trường tiểu học; 01 trường mầm non.

Năm 2020, tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình bậc tiểu học đạt 100%, học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp đạt 100%, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, đạt chuẩn Quốc gia về xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trên địa bàn có: 01 Trạm y tế tại khu phố Chợ 1, có 10 nhân viên, bao gồm bác sĩ, y sĩ, nữ hộ sinh, cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Trạm y tế đạt Chuẩn quốc gia về Y tế xã; đơn vị tiên tiến về Y dược cổ truyền, xếp hạng xuất sắc về công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình; công tác phòng chống dịch bệnh được khống chế tốt.

**Giao thông**

Tất cả các tuyến đường nội thị đều được nhựa hóa và bê tông hóa.

**Văn hóa:**

Đầu năm 2020, toàn thị trấn có 3.103/3.103 hộ đăng ký gia đình văn hóa đạt 100%. Qua bình xét cuối năm có 2.525/3.103 hộ được công nhận gia đình văn hóa đạt 81,37% tăng 0.29 % so với năm 2019. Trong đó, có trên 70% số hộ gia đình văn hóa được công nhận 3 năm liền liên tục trở lên.

Trên địa bàn thị trấn có 07 khu phố lần lượt được ban chỉ đạo huyện thẩm định và công nhận là khu phố văn hóa từ năm 2010 - 2019. Hàng năm, 100% khu phố văn hóa đều được ban chỉ đạo cấp trên tái công nhận lại.

Tại thị trấn có các điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao, đảm bảo phục vụ tốt cho người dân và thu hút trên 60% số người dân tham gia.

Các khu phố đều có câu lạc bộ như câu lạc bộ Ông Bà Cháu, câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững; câu lạc bộ đờn ca tài tử,… Mỗi khu phố đều có đội thể dục, thể thao đều tham gia và giao lưu tốt các hoạt động của thị trấn tổ chức.

Câu lạc bộ đờn ca tài tử thị trấn hoạt động vào ngày thứ năm hàng tuần, hàng năm, đều có tổ chức giao lưu với các đơn vị trong và ngoài huyện. Mỗi năm, thị trấn đều tổ chức hội thi văn nghệ và tham gia nhiều hoạt động hội thi, hội diễn, liên hoan do cấp huyện tổ chức.

Hoạt động đoàn kết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được quan tâm thực hiện; thị trấn có 01 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh là Lăng Ông Nam Hải thuộc khu phố Lăng 2, 01 bia ghi danh liệt sĩ thuộc khu phố 3, 02 con đường văn hóa, 03 cơ sở thờ tự văn hóa và một số đình, miểu,... Các di tích này đều được bảo vệ và trùng tu hàng năm; các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian vẫn được bảo tồn và phát huy có hiệu quả.

**Du lịch:**

Có 01 di tích cấp tỉnh: Lăng Ông Nam Hải tại khu phố Lăng 2, thị trấn Vàm Láng, thu hút đông đảo du khách đến chiêm bái và tham quan.

**Thể thao:**

Hàng năm, thị trấn đều tổ chức giải giao lưu, thi đấu bóng đá.

Phong trào “Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được triển khai rộng khắp và được nhân dân hưởng ứng tích cực bằng nhiều hình thức như đi bộ, chạy bộ, chạy xe đạp, tập dưỡng sinh, bóng đá, bóng chuyền… Số người và số hộ gia đình tham gia tập luyện thể thao thường xuyên hàng năm đều tăng từ 1 - 2%. Năm 2020, số người tập luyện TDTT thường xuyên là 4.968/16.024 người đạt 31% và số hộ đạt “Gia đình tập luyện thể dục thể thao” năm 2020 là 948/3.433 hộ đạt 27,61%.

Việc phổ cập bơi phòng, tránh đuối nước cho trẻ trong độ tuổi được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm. Qua điều tra, khảo sát hiện nay trên địa bàn thị trấn có 1.026/2.051 trẻ trong độ tuổi được phổ cập bơi chiếm tỷ lệ 50,02%, chủ yếu học bơi từ gia đình, trường học, các cơ sở hồ bơi ngoài địa bàn thị trấn vì hiện nay trên địa bàn thị trấn không có bể bơi, hồ bơi để phổ cập cho các em.

**Tổng số liệt sĩ:** 83 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** Không.

**4.** **Xã Bình Ân**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

殷 Ân: Thịnh, đầy đủ, phong phú

平殷社: Bình Ân Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Ân nằm ở trung tâm huyện Gò Công Đông; phía Đông giáp xã Tân Điền; phía Tây giáp xã Tân Đông, xã Bình Nghị và xã Long Thuận (thị xã Gò Công); phía Nam giáp xã Bình Nghị và xã Tăng Hòa; phía Bắc giáp xã Tân Đông và xã Kiểng Phước.

**Diện tích tự nhiên:** 11.337,57 ha.

**Hành chính:**

Xã gồm có 5 ấp: Gò Me, Kinh Trên, Kinh Dưới, Chợ Bến và Xóm Đen.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Ân thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng[[38]](#footnote-38) Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Bình Ân, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Bình Ân thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Bình Ân, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Bình Ân thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Bình Ân thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Ân thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Bình Ân thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 9.693 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 53.970.000 đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế**

Về cơ cấu kinh tế, xã xác định nông nghiệp là chủ yếu. Về cây lúa, diện tích gieo trồng là 817,58 ha. Tổng sản lượng là 13.900 tấn/năm, trong đó có 80% diện tích lúa chất lượng cao. Có xây dựng cánh đồng lớn 50 ha ở ấp Xóm Đen. Diện tích trồng màu là 82,64 ha, chủ yếu gồm rau cải, ớt, ngò, hành,... Diện tích trồng cây lâu năm tăng lên 314,08 ha, chủ lực là Sơri 180,6 ha, Thanh long 9,27 ha và một số loại như mít, ổi, xoài,...

Về chăn nuôi, nhiều hộ dân chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi chuồng trại quy mô lớn. Năm 2020, đàn heo có 1.700 con, ước sản lượng 352 tấn/năm; đàn dê 2.357 con, ước sản lượng 82 tấn/năm.; đàn bò 405 con, ước sản lượng 102 tấn/năm; đàn gà 236.600 con, ước sản lượng 355 tấn/năm. Diện tích ao nuôi cá nước ngọt toàn xã là 28,03 ha, chủ yếu phục vụ tiêu dùng tại hộ và xuất bán nhỏ lẻ, ước 185 tấn/năm.

**Giáo dục:**

Năm học 2020-2021, duy trì sỉ số bậc mẫu giáo đạt 100%, bậc tiểu học đạt 100%, bậc trung học cơ sở đạt 99,5%.

Đạt chuẩn Quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Bình Ân, Trường tiểu học Nguyễn Thị Tư (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Bình Ân (đạt chuẩn Quốc gia).

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế, bao gồm: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 nữ hộ sinh, 02 dược sĩ, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Vận động các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,44%.

**Giao thông:**

Tất cả các tuyến đường xã, đường ấp, đường ngõ xóm đều được nhựa hóa, bê tông hóa, cứng hóa, đảm bảo thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân và giao thương hàng hóa.

**Văn hóa:**

Duy trì tốt hoạt động đờn ca tài tử tại nhà văn hóa xã 2 lần/tuần.

Đầu năm 2020, có 2.851/2.851 hộ trong toàn xã đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, đạt 100%. Cuối năm bình xét có 2.686/2.851 hộ đạt 3 tiêu chí đạt tỷ lệ 94,21%.

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định; có 5/5 ấp được công nhận ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp.

Duy trì và nâng chất các câu lạc bộ, đội nhóm về phòng chống bạo lực gia đình, tuyên truyền đạo đức lối sống gia đình Việt Nam, triển khai thực hiện đề án “Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam”.

**Du lịch:** Không.

**Thể thao:**

Hoạt động thể dục - thể thao được duy trì, thu hút đông đảo nhân dân, cán bộ công chức, học sinh tham gia. Năm 2020, xã có số người tham gia luyện tập thân thể thường xuyên 3.254/11.830 người, đạt 27,21%, có 805/2.851 hộ gia đình thể thao, đạt 28,24%.

Năm 2012, xã được Ủy ban Nhân dân huyện công nhận xã có phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Năm 2020, xã có 05 điểm sinh hoạt thể dục thể thao; trong đó có 3 sân bóng chuyền ở các ấp, 01 sân bóng chuyền xã và 01 sân bóng đá của xã, thành lập 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền của xã và các ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền thường xuyên luyện tập và tham gia thi đấu giao hữu, tranh giải cấp xã và cấp huyện.

**Tổng số liệt sĩ:** 246 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 56 Bà mẹ.

**5**. **Xã Bình Nghị**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

誼: Nghị: Hữu nghị

平誼社: Bình Nghị Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Nghị nằm ở phía Tây của huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp xã Tăng Hòa và xã Bình Ân, phía Tây giáp xã Bình Tân, phía Nam giáp thị trấn Tân Hòa và xã Phước Trung, phía Bắc giáp xã Long Hòa và xã Long Thuận.

**Diện tích tự nhiên:** 1.319,05 ha.

**Hành chính:**

Xã gồm có 5 ấp: Hòa Bình, Thạnh Hòa, Vạn Thành, Hiệp Trị và Ruộng Cạn.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Nghị và Tân Duân Đông thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, hai thôn thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Bình Nghị (năm 1910, được đổi tên thành làng Hòa Nghị) và làng Tân Duân Đông thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Hòa Nghị và làng Tân Duân Đông thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, hai làng này thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Bình Nghị và xã Tân Duân Đông, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Hòa Nghị và làng Tân Duân Đông thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975); chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, hai xã Hòa Nghị và Tân Duân Đông thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, hai xã Hòa Nghị và Tân Duân Đông hợp nhất thành xã An Hòa, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã An Hòa thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công; chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1956, là xã Bình Nghị và xã Tân Duân Đông, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1956-1968, là xã An Hòa, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã An Hòa thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã An Hòa được đổi tên thành xã Bình Nghị thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Bình Nghị thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 1987, một phần diện tích và dân số của xã được điều chỉnh về thị xã Gò Công. Năm 2014, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 11.175 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 62.8900.000 đồng/người/năm (2022).

**Kinh tế**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là trồng lúa; năng suất bình quân khoảng 7 - 8 tấn/ha, sản lượng bình quân hàng năm đạt 5.500 tấn. Ngoài ra, người dân còn trồng rau màu, cây ăn trái, cỏ phục vụ chăn nuôi, chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, gia trại và buôn bán nhỏ,...

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: Trường mầm non Bình Nghị, Trường tiểu học Bình Nghị (đạt chuẩn Quốc gia) và Trường trung học cơ sở Nguyễn Trọng Dân (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về chống mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế, bao gồm: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Các ấp đều có tổ y tế.

Năm 2020, toàn xã có 10.142/11.222 người dân tham gia BHYT, đạt tỷ lệ 90,38%.

**Giao thông:**

Tất cả các tuyến đường xã, liên ấp, ngõ xóm đều được trải nhựa, bê tông, tạo sự thuận lợi cho việc đi lại và giao thương hàng hóa của nhân dân.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định, 02 nhà văn hóa liên ấp, các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa, có các câu lạc bộ đờn ca tài tử, hát với nhau, phòng chống bạo lực gia đình,...

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có các sân bóng đá mini, sân bóng chuyền và sân cầu lông; có câu lạc bộ thể dục dưỡng, đội bóng đá, bóng chuyền của xã thường xuyên thi đấu giao hữu và các giải do huyện tổ chức.

**Tổng số liệt sĩ:** 246 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 10 Bà mẹ.

**6.** **Xã Gia Thuận**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

嘉 Gia: tốt đẹp, phúc lành

順 Thuận: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ

嘉順社: Gia Thuận Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Gia Thuận nằm ven cửa sông Xoài Rạp, ở phía Bắc của huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp sông Soài Rạp, phía Tây giáp xã Tân Phước và Tân Tây, phía Nam giáp xã Tân Tây, xã Kiểng Phước, thị trấnVàm Láng, phía Bắc giáp xã Tân Phước và sông Soài Rạp

**Diện tích tự nhiên:** 2.090,56 ha.

**Hành chính:**

Xã Gia Thuận có 06 ấp: ấp 1; ấp 2; ấp 3; ấp 4; ấp 5; ấp 6.

**Lịch sử hình thành:**

Vào đời vua Tự Đức, thôn Gia Thuận nguyên là đồn điền do Trương Định khai khẩn, được thành lập năm 1853 thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, làng Gia Thuận nhập vào làng Tân Phước. Năm 1924, làng Gia Thuận được tái lập, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Gia Thuận, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Gia Thuận thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Gia Thuận, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Gia Thuận thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Gia Thuận thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Gia Thuận thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Gia Thuận thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Gia Thuận thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 6.468 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,19 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Gia Thuận là một xã nông nghiệp có vị trí thuận lợi về giao thông; từ năm 2010, hạ tầng kinh tế - xã hội của xã phát triển mạnh. Nhân dân làm kinh tế nhờ vào các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp; trong đó cây lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, hoa màu chiếm một vị trí quan trọng về diện tích, năng suất và sản lượng trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp của xã.

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đa dạng, phong phú. Đặc biệt, xã có Cụm công nghiệp I Gia thuận 50 ha thu hút hàng ngàn lao động.

**Giáo dục:**

Xã có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và trung học cơ sở. Tất cả đều đạt chuẩn Quốc gia. Đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Xã có 01 trạm y tế với 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình, đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; 01 phòng khám y học cổ truyền. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 95%.

**Giao thông:**

Xã Gia Thuận có Đường tỉnh 871B, Đường huyện 02, Đường huyện 06 chạy qua, Ngoài ra, xã còn có các tuyến đường xã, đường liên ấp, đường ngõ xóm đã được nhựa hóa, bê tông hóa và cứng hóa; có 02 bến đò ngang Gia Thuận - Lý Nhơn (huyện Cần Gờ, TP Hồ Chí Minh).

Giao thông đường thủy của xã thuận lợi. Xã có hệ thống kênh mương khá dày đặc với 19 tuyến, gồm 3 tuyến kênh trục, 6 tuyến kênh huyện, 10 tuyến kênh xã; tổng chiều dài 26.077m.

**Văn hóa:**

Xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn quy định, 6 ấp được công nhận ấp Văn hóa, có 01 di tích văn hóa - lịch sử cấp Quốc gia (Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định), có 02 cơ sở thờ tự văn hóa (Thánh tịnh Vĩnh Sơn Quang, Chùa Hồng Liên).

**Du lịch:**

Xã có 01 di tích văn hóa - lịch sử cấp Quốc gia (Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định) thu hút đông đảo du khách khắp nơi đến tham quan, chiêm bái.

**Thể thao:**

Phong trào tập luyện thể dục - thể thao của xã được nhân dân tích cực hưởng ứng.

Xã có 01 đội bóng đá và 01 đội bóng chuyền, thường xuyên luyện tập và tham gia thi đấu giao hữu, tranh giải cấp xã và cấp huyện.

**Tổng số liệt sĩ:** 198 liệt sĩ.

**Tổng số số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 26 Bà mẹ.

**7.** **Xã Kiểng Phước**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

境 Kiểng (cảnh): Sáng sủa

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

境福社 Kiểng Phước Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Kiểng Phước nằm về phía Đông - Đông Bắc của huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp thị trấn Vàm Láng và Biển Đông, phía Tây giáp xã Tân Đông và xã Tân Tây, phía Nam giáp xã Bình Ân và xã Tân Điền, phía Bắc giáp xã Gia Thuận.

**Diện tích tự nhiên:** 4.038,74 ha.

**Hành chính:**

Xã có 12 ấp: Xóm Mới, Giá Dưới, Giá Trên, Xóm Đình, Bồ Đề, Xóm Tựu, Xóm Chủ, Cầu Xây, Xóm Rẫy, Chợ, Xóm Lưới, Đôi Ma.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long có thôn Toàn Phước thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Toàn Phước được đổi thành phường Toàn Phước, thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, phường Toàn Phước được đổi thành thôn Kiểng Phước, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, từ năm 1900, làng Kiểng Phước thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công, từ năm 1913, làng này thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Kiểng Phước thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Kiểng Phước, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Kiểng Phước thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Kiểng Phước, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Kiểng Phước thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Kiểng Phước thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Kiểng Phước thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau ngày 30/4/1975, xã Kiểng Phước thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công. Năm 1976, xã Phước Vĩ hợp nhất với xã Kiểng Phước thành xã Kiểng Lễ thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Tháng 4/1979, xã Kiểng Lễ được tách ra thành 02 xã Kiểng Phước và xã Vàm Láng. Kể từ đó, xã Kiểng Phước thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 16.285 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55,5 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là nông nghiệp; trong đó cây lúa, thanh long chiếm một vị trí quan trọng về diện tích, năng suất và sản lượng trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp của xã. Bên cạnh đó, chăn nuôi gia súc, gia cầm với số lượng đàn vật nuôi (bò, heo, dê, gà, vịt,...) ngày càng gia tăng. Ngoài ra, xã có vị trí ven biển nên ngành đánh bắt, nuôi trồng, sơ chế thủy hải sản khá phát triển.

**Giáo dục:**

Xã có 01 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở đều được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Xã có 01 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 10 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; 01 phòng khám y học dân tộc; đảm bảo tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%.

**Giao thông:**

Xã Kiểng Phước có Đường tỉnh 871, Đường huyện 02, Đường huyện 07 chạy ngang qua. Đồng thời, xã có các tuyến xã, liên ấp, ngõ xóm đều được nhựa hóa, bê tông hóa và cứng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân và giao lưu buôn bán giữa xã với các địa phương khác.

Giao thông đường thủy của xã thuận lợi. Xã có hệ thống kênh/kinh rạch khá dày đặc với 37 tuyến, tổng chiều dài 70,567km. Trong đó: tỉnh quản lý 8 tuyến, huyện quản lý 12 tuyến, xã quản lý 17 tuyến.

**Văn hóa:**

Xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, tất cả các ấp đều được công nhận ấp Văn hóa và có nhà văn hóa ấp; có 01 di tích văn hóa - lịch sử cấp tỉnh (Đình làng Kiểng Phước), có 02 cơ sở thờ tự văn hóa (Tuệ Tĩnh Đường chùa Phước Quang, Hưng Kiểng Tự).

**Du lịch:** Xã chưa có khu du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 02 sân bóng đá mini (Hoàng Anh, ấp Xóm Lưới), 01 sân bóng chuyền công cộng ở ấp Cầu Xây, có 01 đội bóng đá nam của xã, 02 đội bóng chuyền da, hơi nam, nữ, có 01 đội thể dục dưỡng sinh, 02 hồ bơi mini di động, 02 đội bóng đá nam tiểu học, 01 đội bóng đá nam trung học cơ sở.

**Tổng số liệt sĩ:** 299 liệt sĩ.

**Tổng số số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 64 Bà mẹ.

**8.** **Xã Phước Trung**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

忠 Trung: Trung thành

福忠社 Phước Trung Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phước Trung nằm ở phía Tây Nam của huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp thị trấn Tân Hòa và xã Tăng Hòa, phía Tây giáp xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, phía Nam giáp sông Cửa Tiểu và xã Tăng Hòa, phía Bắc giáp xã Bình Nghị và xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây.

**Diện tích tự nhiên:** 2.120,22 ha.

**Hành chính:**

Xã có 7 ấp: Nghĩa Chí, Tân Xuân, Dương Quới, Dương Hòa, Thanh Nhung 1, Thanh Nhung 2, Hiệp Trị.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Dương Phước, thôn Tân Duân Trung, thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Dương Phước thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định; thôn Tân Duân Trung thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, hai thôn này thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Dương Phước và làng Tân Duân Trung thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Dương Phước và làng Tân Duân Trung thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, hai làng này thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Dương Phước và xã Tân Duân Trung, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Dương Phước và làng Tân Duân Trung thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975); chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, hai xã Dương Phước và Tân Duân Trung thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, hai xã Dương Phước và Tân Duân Trung hợp nhất thành xã Phước Trung, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Phước Trung thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công; chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1956, là xã Dương Phước và xã Tân Duân Trung, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1956-1968, là xã Phước Trung, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Phước Trung thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Phước Trung thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Phước Trung thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 10.201 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 58 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Nông nghiệp là ngành sản xuất chính trong cơ cấu kinh tế của xã. Trong nông nghiệp thì ngành trồng trọt giữ vị trí đặc biệt quan trọng, cây lúa là cây trồng chủ yếu, chiếm hầu hết diện tích canh tác. Năm 2020, diện tích trồng lúa là 1118 ha, năng suất bình quân 5,8 tấn/vụ/ha. Ngoài ra, người dân còn trồng cây màu (khoai, bắp, dưa,,…), rau cải, cây ăn trái (dừa, xoài, nhãn, chanh, bưởi,…).

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Phước Trung (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học Phước Trung (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học cơ sở Phước Trung.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Xã có 1 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; 07 tổ y tế ở 07 ấp.

Tỷ lệ người dân tham gia bào hiểm y tế đạt 94%.

**Giao thông:**

Có 05 tuyến Đường huyện: 03, 04, 09, 08, 08b đi ngang qua xã với chiều dài là 22 km đã được trải nhựa. Đường xã được bê tông hóa, đường ấp được cứng hóa, tổng chều dài 12.907m đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Xã có sông Cửa Tiểu chảy ngang qua, kết hợp với hệ thống kênh/kinh rạch trên địa bàn xã, tạo nên sự thuận lợi của mạng lưới giao thông thủy.

**Văn hóa:**

Xã có 01 trung tâm văn hóa thể thao, đạt chuẩn theo quy định; 03 nhà văn hóa liên ấp (NVH liên ấp Thanh Nhung 1 và Thanh Nhung 2, NVH liên ấp Tân Xuân và Nghĩa Chí, NVH liên ấp Dương hòa và Dương Qưới). Có 07/07 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa.

**Du lịch:**

Có Khu du lịch sinh thái biển Tân Thành nằm trên tuyến Đường huyện 09, thu hút du khách khắp nơi đến tham quan.

**Thể thao:**

Xã có 01 Trung tâm văn hóa - thể thao, thu hút nhân dân đến tập luyện thể dục, thể thao. Các nhà văn hóa liên ấp đều có sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân tập thể dục,…

**Tổng số liệt sĩ:** 158 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 32 Bà mẹ.

**9.** **Xã Tăng Hòa**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

増 Tăng: Tăng thêm lên

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

増和社 Tăng Hòa Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tăng Hòa nằm về phía Đông Nam huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp xã Tân Thành, phía Tây giáp thị trấn Tân Hòa và xã Phước Trung, phía Nam giáp sông Cửa Tiểu, phía Bắc giáp xã Bình Ân và xã Tân Điền.

**Diện tích tự nhiên:** 1.745,67 ha.

**Hành chính:**

Xã có 09 ấp: Giồng Lãnh 1, Giồng Lãnh 2, Trại Cá, Giồng Tân, Trại Ngang, Giồng Đình, Xóm Gò, Bà Lẫy 1, Bà Lẫy 2.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tăng Huy và An Hòa, thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn Tăng Huy và An Hòa hợp nhất thành thôn Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tăng Hòa thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tăng Hòa thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1924, làng Tăng Hòa thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tăng Hòa thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tăng Hòa thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tăng Hòa thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quân Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tăng Hòa thuộc thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, sau khi điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu để thành lập thị trấn Tân Hòa, xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 10.214 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 64 triệu đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế:**

Kinh tế trên địa bàn xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong đó trồng lúa chất lượng cao là chủ lực với tổng sản lượng bình quân hàng năm là 12.600 tấn/năm. Ngoài ra, người dân còn trồng rau màu (rau cải, ớt, ngò, hành,...), trồng cây ăn trái (mãng cầu xiêm, thanh long ruột đỏ, xoài cát chu,…), chăn nuôi theo hướng quy mô vừa và lớn (năm 2020, xã có đàn heo: 718 con, đàn dê: 8.159 con, đàn bò: 879 con, đàn gia cầm: 80.600 con), nuôi cá.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tăng Hòa (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Võ Thị Lớ (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Võ Văn Dánh.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về Xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,72%.

**Giao thông:**

Hệ thống giao thông nông thôn cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại và phục vụ sản xuất, sinh hoạt trong nhân dân. Tất cả các tuyến đường trong xã đều được trải nhựa, bê tông và đá xanh.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa đạt chuẩn quy định, được công nhận xã Văn hóa năm 2019. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa. Năm 2020, toàn xã có 2.825/2.991 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, tỷ lệ 94,45%, có 04 con đường văn hóa, có 3/4 cơ sở thờ tự văn hóa, có các câu lạc bộ đờn ca tài tử, hát với nhau,…

**Du lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Năm 2020, toàn xã có số người tham gia luyện tập thân thể thường xuyên 4.475/10.214 người, đạt 43,81%, có 819/2.991 hộ gia đình thể thao, đạt 27,38%.

Xã có 09 điểm sinh hoạt thể dục, thể thao, trong đó có 03 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông xã. Đã thành lập 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền của xã và các ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền thường xuyên luyện tập và tham gia thi đấu giao hữu, tranh giải cấp xã và cấp huyện.

**Tổng liệt sĩ:** 226 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VNAH**: 33 người Bà mẹ.

**10**. **Xã Tân Điền**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

田 Điền: Ruộng đồng

新田社 Tân Điền Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Điền nằm ở phía Đông Nam huyện, phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp xã Bình Ân và xã Kiểng Phước, phía Nam giáp xã Tân Thành và xã Tăng Hòa, phía Bắc giáp xã Kiểng Phước.

**Diện tích đất tự nhiên:** 2.522,75 ha.

**Hành chính:**

Xã Tân Điền có 06 ấp: ấp Hộ, ấp Nam, ấp Trung, ấp Bắc 1, ấp Bắc 2 và ấp Rạch Bùn.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, có hai thôn Bình Điền và An Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1885, hai làng Bình Điền và An Điền hợp nhất lấy tên là Tân Bình Điền, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ. Từ năm 1900, làng Tân Bình Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Bình Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Tân Bình Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Bình Điền, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tân Bình Điền thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Bình Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tân Bình Điền, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tân Bình Điền thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tân Bình Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tân Bình Điền thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Bình Điền được đổi thành xã Tân Điền, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Tân Điền thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 7.226 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 54,950 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Tân Điền là xã có vị trí chiến lược rất quan trọng, nằm trong khu vực phòng thủ của tỉnh, huyện, nên được cấp trên quan tâm, đầu tư phát triển đồng bộ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh.

Kinh tế chủ yếu của xã kinh tế biển, với diện tích 137 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt,… Trong đó mặt nước sông ngòi là 62 ha, nuôi cá nước ngọt 40 ha, nuôi tôm, cá mặn - lợ là 35 ha.

Xã có tiềm năng nuôi trồng thủy sản và dịch vụ rất lớn. Nguồn lợi thủy sản hàng năm giải quyết từ 250 nghìn đến 300 nghìn ngày công lao động và cho thu nhập đáng kể từ người nuôi đến nhân công lao động.

**Giáo dục:**

Trên địa bàn xã có 03 Trường học gồm: Trường trung học cơ sở Võ Văn Kiết, Trường tiểu học Tân Điền và Trường mầm non Tân Điền. Cả 03 trường đều được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Công tác phổ cập giáo dục mần non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ đều đạt chuẩn Quốc gia.

**Y tế:**

Trạm y tế xã Tân Điền đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Mạng lưới y tế ấp phủ đều 6/6 ấp.Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%.

**Giao thông:**

Xã Tân Điền có tuyến Đường tỉnh 871C đoạn chạy ngang qua xã dài 3,255km, Đường huyện 07 đoạn chạy ngang qua xã dài 5,310 km.

Toàn xã có 04 tuyến đường ấp, 28 tuyến đường ngõ xóm, 01 tuyến đường kết nối với các tuyến đường trên địa bàn xã. Năm 2020, các tuyến đường này đã được cứng hóa 3.937m/8.368m đạt 47,04% và không còn lầy lội vào mùa mưa.

**Văn hóa:**

Xã Tân Điền được Ủy ban Nhân dân tỉnh công nhận xã văn hóa. Có 6/6 ấp được công nhận ấp văn hóa.

Xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao với diện tích 1.716 m2, gồm 01 hội trường sức chứa trên 200 chỗ ngồi, có trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, đảm bảo phục vụ cho các lễ hội văn hóa, văn nghệ quần chúng nhân dân; 01 Trung tâm học tập cộng đồng gắn với Nhà văn hóa xã; 01 Phòng Thông tin - Truyền thông; 01 Phòng Hành chính; 01 Thư viện xã. Ngoài ra, xã có 02 Nhà văn hóa liên ấp và các trụ sở ấp thường xuyên được duy tu, sửa chữa kịp thời để phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng*.*

Xã còn có 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử, được duy trì phong trào sinh hoạt, giao lưu. Bên cạnh đó, các ấp thường xuyên tổ chức phong trào văn hóa văn nghệ và thể thao quần chúng nhằm tạo sân chơi văn hóa bổ ích cho người dân trên địa bàn xã.

**Thể thao:**

Xã có 01 phòng luyện tập thể thao đơn giản, 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá mini, 01 sân cầu lông và nhiều khoảng trống khác có thể tập luyện các môn thể thao như đá cầu, đi bộ, thể dục dưỡng sinh,…

**Du lịch:**

Xã có điểm du lịch, tham quan là Bãi đá ở bãi biển Rạch Bùn.

**Tổng số liệt sĩ:** 213 liệt sĩ

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 62 Bà mẹ.

**11. Xã Tân Đông**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

東 Đông: Phía đông

新東社 Tân Đông Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã nằm về phía Đông Nam của huyện; phía Đông giáp xã Kiểng Phước; phía Tây giáp xã Long Hưng, thị xã Gò Công; phía Nam giáp xã Long Thuận, thị xã Gò Công; phía Bắc giáp xã Tân Tây

**Diện tích tự nhiên:** 1.137,91 ha.

**Hành chính:**

Xã Tân Đông có 8 ấp: Bờ Kinh, Xóm Dinh, Chùa Đất Đỏ, Cầu Bà Trà, Gò Lức, Gò Táo, Bà Lãnh, Ông Gồng.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Niên Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tân Niên Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tân Niên Đông, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tân Niên Đông thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tân Niên Đông thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Niên Đông được đổi thành xã Tân Đông, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Tân Đông thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Tháng 9/2020, xã được Chủ tịch Nước ký quyết định phong tặng danh hiệu xã Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Năm 2020, xã đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số**: 11.403 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 62,5 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Tân Đông là xã thuần nông có trên 85% hộ dân sống bằng nông nghiệp, số còn lại làm nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

Đối với nghề trồng lúa*,* xã chú trọng ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho nông dân. Nhờ đó, năng suất lúa từ 4 tấn/ha/vụ lên 6 đến 8 tấn/ha/vụ. Xã thành lập hợp tác xã rau an toàn ấp Bờ Kinh và hợp tác xã trái sơ ry Tân Đông. Năm 2020, xã có 03 công ty, 09 doanh nghiệp, 280 cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ trên địa bàn, thu hút khoảng 3.000 lao động.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế**:

Xã có trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm là 93% (2020).

**Giao thông:**

Xã có Đường tỉnh 871 đi qua 7km; đường xã và đường liên ấp dài 22km, được trải nhựa hoặc bê tông theo chuẩn nông thôn mới, rất thuận tiện trong việc giao thông đi lại của người dân

**Văn hóa:**

Đình Tân Đông xây dựng 1907, là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, được đầu tư trùng tu sửa chữa khang trang, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa đời sống tâm linh của người dân địa phương, là địa chỉ tham quan du lịch của du khách trong và ngoài tỉnh.

Năm 2014, xã được công nhận xã văn hóa; có trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn quy định, các ấp có nhà văn hóa ấp.

**Du lịch:**

Xã có Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh Đình Tân Đông thu hút người dân trong và ngoài xã đến chiêm bái, tham quan.

**Thể thao:**

Xã có 1 sân vận động 7.000 m², tại ấp Gò Táo, ngoài ra còn có 3 sân mi ni (sân bóng đá cỏ nhân tạo) tại ấp Gò Táo; ấp Ông Gồng và ấp Chùa Đất Đỏ. Ngoài ra, còn có sân bóng chuyền, sân cầu lông,... tại trung tâm văn hóa - thể thao xã.

**Tổng số liệt sĩ**: 178 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 25 Bà mẹ.

**12. Xã Tân Phước**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

新福社 Tân Phước Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Phước là một xã nằm phía Bắc huyện Gò Công Đông; phía Đông giáp xã Gia Thuận và xã Tân Tây; phía Tây giáp xã Long Hựu Tây, huyện Cần Đước, tỉnh Long An (cách bởi sông Vàm Cỏ); phía Nam giáp xã Tân Trung, thị xã Gò Công; phía bắc giáp xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh (cách bởi sông Vàm Cỏ).

**Diện tích tự nhiên**: 1259 ha.

**Hành chính:**

Xã có 8 ấp: ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6, ấp 7, ấp 8, ấp 9.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, từ năm 1900, làng Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Phước, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tân Phước thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tân Phước, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tân Phước thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tân Phước thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Phước thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 13.582 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 56.000.000 đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế**

Xã thực hiện mô hình Cánh đồng lớn với diện tích 50 ha, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển theo mô hình kinh tế trang trại, bình quân sản lượng xuất chuồng 50 tấn/năm.

Xác định đánh bắt, nuôi thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn nên xã vận động nhân dân phát triển vùng nuôi thủy sản ở các nơi có điều kiện, duy trì, ổn định phương tiện đánh bắt. Năm 2020, diện tích nuôi thủy sản 114,69 ha, sản lượng bình quân hàng năm 1.400 tấn; tổng số phương tiện đánh bắt thủy sản 118, trong đó có 66 phương tiện đánh bắt xa bờ, sản lượng đánh bắt bình quân hàng năm 5.126 tấn.

Duy trì diện tích đất rừng 60,95 ha, thực hiện tốt chủ trương giao khoán đất rừng cho 30 hộ dân. Đồng thời hàng năm vận động Nhân dân trồng mới 50.000 cây phân tán.

Năm 2020, xã có 23 doanh nghiệp và có 422 cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

**Giáo dục:**

Xã được công nhận chuẩn quốc gia về chống mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Xã có 04 trường học: 01 trường mầm non (đạt chuẩn Quốc gia), 02 trường tiểu học (đạt chuẩn Quốc gia), 01 trường trung học cơ sở.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Năm 2020, tỷ lệ ngườ dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,85%.

Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình mục tiêu Y tế Quốc gia.

**Giao thông:**

Đường xã, đường liên ấp, đường ngõ xóm đều đã được trải nhựa, bê tông hoặc cứng hóa, thuận lợi cho việc lưu thông và giao thương hàng hóa của nhân dân. Hệ thống kênh/kinh rạch mỗi năm đều được nạo nét, phục vụ tốt cho thủy lợi và giao thông đường thủy.

**Văn hóa:**

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký thực hiện và trên 96% hộ đạt các tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn quy định, 8/8 ấp được công nhận ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp.

**Thể thao:**

Phong trào rèn luyện sức khỏe được đông đảo nhân dân tích cực hưởng ứng. Năm 2020, xã có 03 hồ bơi, 03 sân bóng đá mini (sân cát), 07 sân bóng chuyền, 03 sân cầu lông phục vụ tốt cho nhu cầu thể thao của người dân.

Hằng năm, nhân dịp các ngày lễ lớn, nhất là vào dịp Mừng Đảng, Mừng xuân, xã đều tổ chức các giải thi đấu bóng chuyền, cầu lông và các trò chơi dân gian.

**Du lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Tổng số liệt sĩ:** 291 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 39 Bà mẹ.

**13. Xã Tân Tây**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

西 Tây: Phía tây

新西社 Tân Tây Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Tây nằm về phía Bắc huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp xã Kiễng Phước, phía Tây giáp xã Tân Trung, thị xã Gò Công, phía Nam giáp xã Tân Đông, phía Bắc giáp xã Tân Phước và xã Gia Thuận.

**Diện tích tự nhiên:** 1.452,79 ha.

**Hành chính:**

Xã có 7 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6, ấp 7.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Niên Tây, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tân Niên Tây thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tân Niên Tây, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tân Niên Tây thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tân Niên Tây thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Niên Tây được đổi thành xã Tân Tây, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Tân Tây thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 13.549 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 61,36triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là nông - lâm - ngư nghiệp, chiếm 44,54%;  người dân tích cực chuyển đổi mùa vụ, sản xuất từ 3 vụ lúa thành 2 vụ lúa, chuyển đổi từ trồng lúa sang cây ăn trái, rau màu để thích ứng biến đổi khí hậu. Xã có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, thu hút trên 100 xã viên. Tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp là 15,18%, thương mại - dịch vụ 40,28%.

**Giáo dục:**

Toàn xã có 4 trường học: Trường trung học cơ sở Võ Văn Chỉnh; Trường tiểu học Tân Tây 1, Trường tiểu học Tân Tây 2; Trường mầm non Tân Tây.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trên địa bàn xã có: 01 Trạm y tế xã và 01 Trung tâm y tế huyện Gò Công Đông cơ sở Tân Tây do huyện quản lý.

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y đạt 95,35%.

**Giao thông:**

Tất cả các tuyến đường xã, đường liên ấp, đường ngõ xóm với tổng chiều dài khoảng 11.000 m đều được trải nhựa, bê tông và cứng hóa, thuận lợi cho việc đi lại lưu thông hàng hóa của nhân dân.

Các tuyến kênh/kinh rạch đều được nạo nét hàng năm, phục vụ tốt cho giao thông thủy và thủy lợi.

**Văn hóa:**

Có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 02 Nhà văn hóa liên ấp; 7/7 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa; 8/13 cơ sở thờ tự văn hóa; 7 Câu lạc bộ đờn ca tài tử; 3592/3592 gia đình đăng ký gia đình văn hóa, đạt 100% đăng ký; có 02 di tích văn hóa - lịch sử cấp tỉnh: Mộ ông Nguyễn Ngọc Chấn ở ấp 7 và Mả Bà Tương ở ấp 5.

**Du lịch:**

Do xã có 02 di tích văn hóa - lịch sử cấp tỉnh nên thu hút Nhân dân trong và ngoài xã đến chiêm bái, tham quan.

**Thể thao:**

Các hoạt động thể dục - thể thao diễn ra ở sân Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và sân 02 Nhà văn hóa liên ấp, có 1 sân vận động và 02 Câu lạc bộ bóng đá.

**Tổng số liệt sĩ:** 238 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 29 Bà mẹ.

**14. Xã Tân Thành**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

成 Thành: Thành công

新成社 Tân Thành Xã.

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Thành nằm ở phía Đông Nam huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp xã Tăng Hòa, phía Nam giáp sông Cửa Tiểu, phía Bắc giáp xã Tân Điền.

**Diện tích tự nhiên:** 8.848,77 ha.

**Hành chính:**

Xã có 10 ấp: Đèn Đỏ, Vàm Kinh, Cây Bàng, Cầu Muống, Tân Phú, Kinh Ngang, Láng, Bà Canh, Chợ và Kinh Giữa.

**Lịch sử hình thành:**

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1873, làng Tân Thành được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số hai làng Bình Ân và Tân Hòa, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ. Từ năm 1900, làng Tân Thành thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Thành thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Tân Thành thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Thành, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tân Thành thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Thành thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tân Thành, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tân Thành thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tân Thành thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tân Thành thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Thành thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1976, xã Tân Thành hợp nhất với xã Tân Bình Điền thành xã Tân Điền. Từ năm 1979, xã Tân Thành được tách ra từ xã Tân Điền, thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2023, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 13.281 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 62,79 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Nhân dân chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp (trồng lúa, trồng cây ăn tái, rau màu,…), nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản và các nghề kinh doanh dịch vụ khác.

**Giáo dục:**

Xã có 4 trường học: Trường trung học cơ sở Võ Duy Linh (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Thành 1 (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Thành 2 (đạt chuẩn Quốc gia), Trường mầm non Tân Thành.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Xã có 1 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình, 10/10 ấp có tổ y tế ấp.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,5%.

**Giao thông:**

Xã có 01/01 tuyến đường trục xã được nhựa hóa hoặc bê tông tổng chiều dài 2.290m đạt 100%, 07/07 tuyến đường trục ấp được trải nhựa và bê tông, tổng chiều dài 11.665m, có hệ thống chiếu sáng công cộng, có 49/49 tuyến đường ngõ xóm được cứng hóa, tổng chiều dài 15.065m, 01 tuyến đường nối với các khu vực sản xuất được cứng hóa đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa của nhân dân, xe cơ giới đi lại thuận lợi, tổng chiều dài là 3.100/3.100m.

**Văn hóa:**

Xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn với diện tích 1.500 m2, có hội trường trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, đảm bảo phục vụ cho các lễ hội văn hóa văn nghệ quần chúng nhân dân; 01 Trung tâm học tập cộng đồng, 01 Phòng Thông tin - Truyền thông, 01 Phòng Hành chính. Xã có các câu lạc bộ: Hát với nhau, Đờn ca tài tử.

10/10 ấp đều có trụ sở ấp văn hóa và 04 Nhà văn hóa liên ấp: Nhà văn hóa liên ấp Kinh Ngang - Bà Canh - Tân Phú; Nhà văn hóa liên ấp Chợ - Láng, Nhà văn hóa liên ấp Kinh Giữa - Vàm Kinh và nhà văn hóa liên ấp Cây Bàng - Đèn Đỏ - Cầu Muống.

**Du lịch:**

Xã có Khu du lịch sinh thái biển Tân Thành, thu hút đông đảo du khách đến tham quan, tắm biển, thưởng thức các món ăn đặc sản biển, nhất là nghêu.

**Thể thao:**

Tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã có sân và 01 phòng luyện tập thể thao đơn giản, có thể tập luyện các môn thể thao, như đá cầu, đi bộ, thể dục dưỡng sinh; xã có 2 sân bóng đá mini sân cát, 02 khu vui chơi trẻ em do tư nhân đầu tư tại ấp chợ ấp Đèn Đỏ, 02 sân bóng chuyền, 02 sân bóng đá ở các điểm trường; sân cầu lông trên 500m2.

**Tổng số liệt sĩ:** 237 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 31 Bà mẹ.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

**Đường tỉnh:**

1. **Đường tỉnh 862**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (862).

Đường tỉnh 862, có số hiệu đường bộ ĐT.862; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, cạnh Bến xe thị xã Gò Công); điểm cuối: Đèn đỏ (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 21,140 km.

**2.** **Đường tỉnh 871**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871).

Đường tỉnh 871, có số hiệu đường bộ ĐT.871; điểm đầu: Ngã tư Nguyễn Văn Côn (Phường 3, thị xã Gò Công); điểm cuối: Cảng cá Vàm Láng (thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 13,236 km.

**3.** **Đường tỉnh 871B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871B).

Đường tỉnh 871B, có số hiệu đường bộ ĐT.871B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Trung, thị xã Gò Công); điểm cuối: Tiếp giáp Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, huyện Gò Công Đông; chiều dài: 7,840 km.

4. **Đường tỉnh 871C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871C).

Đường tỉnh 871C, có số hiệu đường bộ ĐT.871C; điểm đầu: Ngã tư Bình Ân (xã Long Thuận, thị xã Gò Công); điểm cuối: Đê biển xã Tân Điền (huyện Gò Công Đông); chiều dài: 11,180 km.

5. **Đường tỉnh 873**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (873).

Đường tỉnh 873, có số hiệu đường bộ ĐT.873; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Ngã ba xã Thành Công, huyện Gò Công Tây và xã Long Chánh, thị xã Gò Công); điểm cuối: Quốc lộ 50 (xã Bình Đông, thị xã Gò Công); chiều dài: 13,942 km.

6. **Đường tỉnh 873B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (873B).

Đường tỉnh 873B, có số hiệu đường bộ ĐT.873B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, thị xã Gò Công); điểm cuối: Đường đê sông Vàm Cỏ (xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 17,558 km.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Gò Công Đông: 21 địa danh**

**Đường huyện: 12 địa danh.**

**1. Đường huyện 01**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (01).

Đường huyện 01 có số hiệu đường bộ ĐH.01; điểm đầu: Cầu Gò Xoài, giáp ranh thị xã Gò Công (xã Tân Phước); điểm cuối: Chợ Rạch Già (Ngã tư Rạch Già - ĐH.02, xã Tân Phước); chiều dài: 5,160 km; chiều rộng: 3,5 - 5 m.

**2. Đường huyện 02**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (02).

Đường huyện 02 có số hiệu đường bộ ĐH.02; điểm đầu: Ngã ba đường Võ Duy Linh - Đường 16/2 (thị trấn Tân Hòa); điểm cuối: Ngã ba giao với ĐH.10 (xã Tân Phước); chiều dài: 17,982 km; chiều rộng: 7 m.

**3. Đường huyện 03**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (03).

Đường huyện 03 có số hiệu đường bộ ĐH.03; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (thị trấn Tân Hòa); điểm cuối: Đường huyện 09 (xã Phước Trung); chiều dài: 4,710 km; chiều rộng: 3,5 - 5 m.

**4. Đường huyện 04**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (04).

Đường huyện 04 có số hiệu đường bộ ĐH.04; điểm đầu: Ngã ba đường Thủ Khoa Huân - đường 30/4 (thị trấn Tân Hòa); điểm cuối: Bến đò Phước Trung (xã Phước Trung); chiều dài: 3,755 km; chiều rộng: 5 m.

**5. Đường huyện 05**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (05).

Đường huyện 05 có số hiệu đường bộ ĐH.05; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (xã Bình Nghị); điểm cuối: Đường tỉnh 871C (xã Bình Ân); chiều dài: 3,890 km; chiều rộng: 5 - 6 m.

**6. Đường huyện 05B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (05) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 05B có số hiệu đường bộ ĐH.05B; điểm đầu: Đường huyện 05 (xã Bình Nghị); điểm cuối: Đường tỉnh 862 (xã Tăng Hòa); chiều dài: 5,800 km; chiều rộng: 3,5 - 5 m.

**7. Đường huyện 06**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (06).

Đường huyện 06 có số hiệu đường bộ ĐH.06; điểm đầu: Đường tỉnh 873B (xã Tân Phước); điểm cuối: Đường huyện 02 (xã Gia Thuận); chiều dài: 2,450 km; chiều rộng: 4 -5 m.

**8. Đường huyện 07**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (07)

Đường huyện 07 có số hiệu đường bộ ĐH.07; điểm đầu: Cống Vàm Kinh, Đường huyện 08 (xã Tân Thành); điểm cuối: Đê biển Gò Công (xã Kiểng Phước); chiều dài: 14,200 km; chiều rộng: 5 - 7 m.

**9. Đường huyện 08**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (08).

Đường huyện 08 có số hiệu đường bộ ĐH.08; điểm đầu: Cống Rạch Gốc (xã Tân Thành); điểm cuối: Đường huyện 04 (xã Phước Trung); chiều dài: 5,400 km; chiều rộng: 3,5 m.

**10. Đường huyện 08B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (08) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 08B có số hiệu đường bộ ĐH.08B; điểm đầu: Đường huyện 04 (xã Phước Trung); điểm cuối: Cống Long Uông (xã Phước Trung); chiều dài: 3,510 km; chiều rộng: 3,5 m.

**11. Đường huyện 09**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (09).

Đường huyện 09 có số hiệu đường bộ ĐH.09; điểm đầu: Cống Long Uông (xã Phước Trung); điểm cuối: Công Rạch Già, ranh huyện Gò Công Tây (xã Phước Trung); chiều dài: 7,510 km; chiều rộng: 3,5 m.

**12. Đường huyện 10**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (10).

Đường huyện 10 có số hiệu đường bộ ĐH.10; điểm đầu: Đường tỉnh 871 (thị trấn Vàm Láng); điểm cuối: Cống Vàm Tháp (xã Tân Phước); chiều dài: 16,500 km; chiều rộng: 3,5 m.

**Đường phố: 09 địa danh.**

**1. Đường 16 tháng 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (16 tháng 2)

Sự kiện lịch sử:

Ngày 16/2/1962, địch huy động 2 đại đội bảo an và bọn tề xã tiến hành càn quét, bình định xã Tăng Hòa thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công. Về phía lực lượng cách mạng, ta bố trí đơn vị C206 và đại đội 1 thuộc tiểu đoàn 261 phục kích ở Xóm Gò, xã Tăng Hòa. Bị đánh bất ngờ, địch thiệt hại nặng nề: 2 đại đội bảo an bị diệt gọn, gồm 93 tên, trong đó có tên trung úy Thinh, bắt sống 53 tên, thu 97 súng các loại, phá hủy 03 xe quân sự. Với chiến thắng Xóm Gò, ta đã đánh bại một bước kế hoạch bình định của địch, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng ở Gò Công tiến lên mạnh mẽ.

Đường 16 tháng 2 có điểm đầu: Đường tỉnh 862 (ĐT.862); điểm cuối: Đường huyện 02 (ĐH.02); chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 7 m.

**2. Đường 30-4**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (30-4)

Sự kiện lịch sử:

Ngày 30/4/1975, thường được gọi là Ngày 30 tháng 4 - Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là sự kiện chấm dứt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam khi quân giải phóng tiến vào dinh “Độc Lập”, tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh cùng nội các tuyên bố đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam vào trưa ngày 30/4/1975. Chiến thắng ngày 30/4/1975 đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước; đồng thời, mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên cả nước bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng này đã đi vào lịch sử nước ta và của thế giới như một trang sử chói lọi ở những năm 70 của thế kỷ XX, mang tầm vóc quốc tế và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Đường 30-4có điểm đầu: ĐT.862; điểm cuối: ĐH.04; chiều dài: 1,630 km; chiều rộng: 8 m.

**3. Đường Nguyễn Văn Côn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Côn).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN VĂN CÔN**

**(1893 – 1981)**

Nguyễn Văn Côn, tên thật là Nguyễn Hoài Ngọc, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1893 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nỗ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 5-1945, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công. Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1981, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Côn có điểm đầu: ĐT.862; điểm cuối: Đường Nguyễn Trãi; chiều dài: 1,540 km; chiều rộng: 10 m.

**4. Đường Trương Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Tiểu sử danh nhân:

**TRƯƠNG ĐỊNH**

**(1820 – 1864)**

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có “*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*”. Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*”. Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức “*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*”. Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục.Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực “Đám lá tối trời” ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ.

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: “Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di”. Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Hiện nay, ở thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), thành phố Quảng Ngãi (tỉnh Quảng Ngãi), Thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội,… và nhiều tỉnh, thành khác đều có đường phố mang tên ông. Đồng thời, tên ông còn được đặt cho một trường trung học phổ thông ở thị xã Gò Công.

Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông cũng được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử quốc gia năm 2004.

Đường Trương Định có điểm đầu: ĐT.862; điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Côn; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 15 m.

**5. Đường Thủ Khoa Huân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Vị trí đứng đầu khoa thi và tên danh nhân (Thủ Khoa Huân).

Tiểu sử danh nhân:

**THỦ KHOA HUÂN**

**(1830 – 1875)**

Thủ khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân sinh năm 1830 tại thôn Tịnh Giang, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo).

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương “Trăng soi dòng Bảo Định” của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên đường phố và trường học tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Thủ Khoa Huân có điểm đầu: Đường Nguyễn Trãi; điểm cuối: Đường 30 tháng 4; chiều dài: 0,700 km; chiều rộng: 7 m.

**6. Đường Khu dân cư Khối vận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa điểm quần cư (Khu dân cư) + Tổ chức chính trị (Khối vận: viết tắt từ “Khối dân vận”, là cơ quan tham mưu trực tiếp và thường xuyên cho cấp ủy các cấp về công tác dân vận của Đảng, công tác tôn giáo, công tác dân tộc,...). Đường chạy ngang qua khu dân cư có cơ quan Khối vận đóng trụ sở.

Đường Khu dân cư Khối vận có điểm đầu: Đường Trương Định; điểm cuối: Đường 30 tháng 4; chiều dài: 0,340 km; chiều rộng: 6 m.

**7. Đường Khu Lương Thực cũ**

##### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Danh từ (Khu: vùng được giới hạn, với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh) + Danh từ (**Lương thực: là sản phẩm được thu hoạch từ các loại cây lương thực, chủ yếu dùng làm lương thực cho người, là nguồn cung cấp chính về năng lượng và chất bột trong khẩu phần thức ăn) + Tính từ (Cũ). Đường chạy ngang qua khu có kho chứa lương thực nhưng không còn sử dụng (cũ).**

Đường Khu Lương Thực cũ có điểm đầu: Đường 16 tháng 2; điểm cuối: Ranh đất của nhân dân; chiều dài: 0, 200 km; chiều rộng: 6 m.

**8. Đường Võ Duy Linh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Võ Duy Linh).

Tiểu sử danh nhân:

**VÕ DUY LINH**

**(1919 – 1968)**

Võ Duy Linh, tên thật là Võ Văn Di, sinh năm 1919 tại làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Năm 1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia Đội Du kích xã, rồi lần lượt giữ các chức vụ Xã đội trưởng, Huyện ủy viên kiêm Bí thư xã.

Sau khi Hiệp định Genève (năm 1954) được ký kết, ông tiếp tục làm Huyện ủy viên Gò Công, được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Đây là thời kỳ chính quyền Ngô Đình Diệm được Mỹ giật dây thẳng tay khủng bố, đàn áp quần chúng. Vì thế, phong trào cách mạng ở Gò Công bị tổn thất nghiêm trọng, hàng loạt cán bộ hoặc bị địch bắt bớ, giết hại hoặc theo chủ trương của cấp trên phải “điều lắng” tạm lánh đi nơi khác.

Năm 1957, chấp hành mệnh lệnh của tổ chức, ông chuyển đổi địa bàn hoạt động lên Sài Gòn. Với tinh thần tiến công cách mạng cao độ, không sợ gian khổ, hy sinh, chỉ một năm sau (năm 1958), ông trở về Gò Công đang bị địch bình định trắng, kiên trì bám đất, bám dân, gầy dựng lại cơ sở cách mạng, phát động quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình, chống tố cộng, diệt cộng.

Ngày 21-1-1960, ông đại diện cho Huyện ủy Gò Công dự Hội nghị triển khai Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng do Tỉnh ủy Mỹ Tho triệu tập. Tại hội nghị quan trọng này, ông được phân công nhiệm vụ phát động cuộc “Đồng khởi” ở huyện Gò Công (nay là huyện Gò Công Đông và TX. Gò Công) và huyện Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông).

Tháng 2-1960, ông trở về căn cứ Rừng Sác, thành lập Ban Cán sự Đảng hai huyện Gò Công và Hòa Đồng; trong đó Ban Cán sự Đảng huyện Gò Công do ông làm Bí thư. Cùng với tập thể Ban Cán sự, ông đã ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang cách mạng; đồng thời, lãnh đạo, chỉ đạo hai lực lượng này thực hiện liên tục các cuộc tấn công và nổi dậy trong suốt năm 1960, phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền địch ở cơ sở, chấm dứt thời kỳ thoái trào ở Gò Công, mở ra bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở địa phương, tiến cùng nhịp độ phát triển trong toàn tỉnh.

Tháng 6-1961, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy Gò Công. Với trách nhiệm của mình, ông đã chỉ đạo xây dựng các cơ quan Huyện ủy, cơ sở đảng từ huyện xuống tận xã, ấp; xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang huyện. Từ năm 1961 - 1963, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, phong trào du kích chiến tranh, phá “Ấp chiến lược”, đấu tranh chính trị và công tác binh vận ở huyện Gò Công phát triển mạnh mẽ, được Tỉnh ủy công nhận và tuyên dương là huyện có phong trào phát triển mạnh và vững chắc trong toàn tỉnh.

Đầu năm 1963, ông được cấp trên cử đi học; rồi được điều lên tỉnh, là Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Trưởng Ban An ninh tỉnh. Dưới sự chỉ đạo của ông, Ban An ninh tỉnh và các huyện được kiện toàn, đã đập tan âm mưu chống phá cách mạng của địch bằng phương thức tình báo, gián điệp mà chúng đang ráo riết triển khai để thực hiện kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược.

Đầu năm 1964, ông được Tỉnh ủy cử trở lại Gò Công với nhiệm vụ Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy. Trong thời kỳ ông làm Bí thư Huyện ủy, hệ thống cơ sở đảng vẫn được giữ vững, cán bộ bám chặt trong dân, vùng giải phóng được củng cố, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, hoạt động vũ trang của bộ đội địa phương và du kích xã, ấp phát triển mạnh mẽ, mặc dù địch tăng cường đánh phá rất ác liệt nhằm thực hiện âm mưu biến nơi đây thành mô hình bình định kiểu mẫu của bọn chúng.

Tháng 10-1967, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Gò Công (vừa mới được tái lập theo quyết định của Khu ủy Khu 8), ông cùng tập thể Huyện ủy ráo riết lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân huyện nhà chuẩn bị lực lượng về mọi mặt, nhất là lực lượng vũ trang, tuyển quân, hậu cần, dân công, sẵn sàng thực hiện lệnh nổi dậy và tiến công của cấp trên.

Đúng 2 giờ ngày mùng 2 Tết Mậu Thân (ngày 01-02-1968), theo kế hoạch của Tỉnh ủy, ông phát lệnh cho bộ đội địa phương và du kích các xã thuộc huyện Gò Công nổ súng tiến công địch trên địa bàn toàn huyện; đồng thời, chi viện cho bộ đội tỉnh tiến công vào thị xã Gò Công, khiến địch bị tổn thất nặng nề, phần lớn đồn bót, tháp canh của bọn chúng đều bị ta tiêu diệt; các xã trên địa bàn huyện, như Tân Thành, Tân Bình Điền, Bình Ân, Bình Xuân, Phước Trung thành lập Ủy ban nhân dân giải phóng cấp xã.

Sau đó, ông chỉ huy lực lượng vũ trang huyện đánh địch phản kích. Ngày 16-2-1968, trên đường đi công tác từ vùng C về vùng A, ông bị địch phục kích, đã anh dũng chiến đấu, hy sinh tại ấp Gò Một, xã Tân Niên Đông (nay là xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông).

Sau năm 1975, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Bí danh của ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông.

Đường Võ Duy Linh có điểm đầu: ĐT.862; điểm cuối: ĐH.02; chiều dài: 0,750 km; chiều rộng: 8 m.

**9. Đường Nguyễn Trãi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trãi).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TRÃI**

**(1380 - 1442)**

**Nguyễn Trãi (1380 - 1442), quê gốc ở làng Chi Ngại, huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang (nay thuộc thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương). Ông là con trai của Nguyễn Phi Khanh và bà Trần Thị Thái, là cháu ngoại của Trần Nguyên Đán.**

Thi đỗ Thái học sinh năm 1400, Nguyễn Trãi từng làm quan dưới triều Hồ. Sau khi nước ta bị rơi vào ách cai trị của nhà Minh (1407), Nguyễn Trãi tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Ông trở thành mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn trong việc bày tính mưu kế cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với chính quyền đô hộ nhà Minh. Ông là khai quốc công thần và là văn thần có uy tín ở thời đầu nhà Hậu Lê. Tuy nhiên, năm 1442, toàn thể gia đình Nguyễn Trãi bị giết chết trong vụ án Lệ Chi Viên. Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho ông.

Nguyễn Trãi cũng là một nhà văn hoá lớn, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của văn học và tư tưởng Việt Nam. Ông được coi là anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá của Việt Nam. Năm 1980, Nguyễn Trãi được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Danh nhân văn hoá thế giới.

Đường Nguyễn Trãi có điểm đầu: Công viên Tân Hòa; điểm cuối: Đường Thủ Khoa Huân; chiều dài: 1,500 km; chiều rộng: 7 m.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Gò Công Đông: 13 địa danh.**

**Khái niệm Cầu**

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch[,](https://wiki.edu.vn/wiki/index.php?title=H%E1%BB%93) hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

**Trên Đường tỉnh 862: 02 địa danh**

**1. Cầu Tân Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hòa).

- Vị trí: Km 7+906, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 862.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tăng Hòa

- Quy mô: 3 nhịp dài 56,6m; mặt BTCT 7m (1,5+7+1,5); dầm BTTA 18,6m; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 1994

**2. Cầu Tân Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thành).

- Vị trí: Km 12+370, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 862.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Champeaux

- Quy mô: 1 nhịp dài 25,24m; mặt BTCT 7m; khổ cầu 10m; 5 Dầm BTTA 24,54m; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 2002

**Trên Đường tỉnh 871: 01 địa danh**

**Cầu Xóm Gồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ vùng (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Động tác (Gồng: thuật vận nội công trong võ thuật). Xóm Gồng là xóm dân cư nổi tiếng giỏi võ nghệ.

- Vị trí: Km 7+630, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Xóm Gồng.

- Quy mô: 3 nhịp dài 26,3m (2x6,5+12,5); mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; nhịp giữa dầm BTTA , nhịp biên bản có sườn BTCTđổ tại chổ; Htt: +1.60

- Tải trọng (Tấn): HL93[[39]](#footnote-39)

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

**Trên Đường tỉnh 871B: 03 địa danh**

**1. Cầu Vàm Tháp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Công trình xây dựng (Tháp).

- Vị trí: Km 2+755, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871B.

- Cầu bắc qua: Rạch Vàm Tháp

- Quy mô: 3 nhịp dài 56,6m; mặt BTCT rộng 12m; khổ cầu 13m; dầm BTTA 8 dầm/ nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

**2. Cầu** **Xã Sách**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ làng xã thời xưa (Xã trưởng gọi tắt là Xã) + Tên người (Sách).

- Vị trí: Km 5+906, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871B.

- Cầu bắc qua: Rạch Xã Sách.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m); mặt BTCT rộng 12m; khổ cầu 13m; dầm BTTA 8 dầm/ nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

**3. Cầu Xóm Gồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ vùng (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Động tác (Gồng: thuật vận nội công trong võ thuật). Xóm Gồng là xóm dân cư nổi tiếng giỏi võ nghệ.

- Vị trí: Km 6+231, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871B.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Xóm Gồng.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,1m (3x12,5); mặt BTCT rộng12m; khổ cầu 13m; dầm BTTA 8 dầm/ nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

**Trên Đường tỉnh 871C: 04 địa danh**

**1. Cầu** **Kinh/Kênh** **Cặp Xóm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Động từ (Cặp: các vật có liên quan với nhau) + Địa danh chỉ vùng (Xóm). Kinh/Kênh Cặp Xóm là kinh/kênh nằm cạnh xóm dân cư.

- Vị trí: Km 8+817, Xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871C.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cặp Xóm

- Quy mô: 1 nhịp dài 9,44m; mặt BTCT rộng 4,4m; dầm BTDƯL.

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

**2. Cầu** **Kinh/Kênh 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (1).

- Vị trí: Km 9+193, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871C.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 1

- Quy mô: 1 nhịp dài 15,44m; mặt BTCT rộng 4,4m; dầm BTDƯL

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

**3. Cầu** **Kinh/Kênh 3**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (3).

- Vị trí: Km 10+555, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871C.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 3

- Quy mô: 3 nhịp dài 39,44m; mặt BTCT rộng 4,4m; dầm BTDƯL

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

**4. Cầu** **Kinh/Kênh U Du**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cây U du).

- Vị trí: Km 9+530, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871C.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh U Du

- Quy mô: 1 nhịp dài 12,44m; mặt BTCT rộng 4,4m; dầm BTDƯL

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

**Trên Đường tỉnh 873B: 02 địa danh**

**1. Cầu Giáo Hộ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Nghề nghiệp (Thầy giáo) + Tên người (Hộ).

- Vị trí: Km 10+917, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, trên Đường tỉnh 873B

- Cầu bắc qua: Rạch Tổng Châu

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTTA; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): H.93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

**2. Cầu Ông Non**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Non).

- Vị trí: Km 8+267, xã Tân Trung - xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, trên Đường tỉnh 873B

- Cầu bắc qua: Rạch Láng Nứa

- Quy mô: 3 nhịp dài 74,04m (3x24,68); mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTTA; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

**Trên Quốc lộ 50: 01 địa danh**

**Cầu Sơn Quy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Sơn: 山: Núi) + Động vật (Quy: 龜: Rùa).

Sơn Quy, nguyên có tên là Quy Nguyên (龜原), có nghĩa là Gò Rùa, bởi vì nơi đây, thuở lưu dân người Việt đến khai phá, có rất nhiều rùa sinh sống; cũng có thuyết cho rằng, giồng có hình vòng tròn và dài, giữa lại cao lên giống như một con rùa nằm, nên gọi là Gò Rùa.

Đây là tổ quán của đức Thái hậu Từ Dụ (Từ Dũ). Vào giữa thế kỷ thứ XVIII, ông Phạm Đăng Long theo cha từ Quảng Ngãi vào vùng Gò Công vốn hãy còn hoang vu để lập nghiệp. Là người giỏi Nho học, tinh thông phong thủy, địa lý, ông đi nhiều nơi tìm thế đất tốt để định cư, mong con cháu sau này phát tích, hưng vượng. Lúc ông đến Gò Rùa, thấy thế đất ở đây rất đẹp và có giếng nước ngọt, trong khi đó, toàn vùng Gò Công, giếng nước ngọt rất hiếm. Do đó, ông đã quy tập mồ mả 3 đời về đây và xây nhà ở gò đất này[[40]](#footnote-40). Ông Phạm Đăng Long kết hôn với bà Phan Thị Tánh sinh ra Phạm Đăng Hưng, sau này trở thành đại công thần của triều Nguyễn. Phạm Đăng Hưng là thân phụ của bà Từ Dụ (Từ Dũ), hoàng phi của vua Thiệu Trị, hoàng mẫu của vua Tự Đức.

Do Gò Rùa (Quy Nguyên) là quê ngoại của nhà vua, nên vua Tự Đức thay chữ Quy Nguyên thành Sơn Quy tức là Gò Rùa thành ra Núi Rùa, ý muốn nói nơi phát tích bên ngoại được vững bền như Núi Rùa, là một loại trong Tứ Linh (Long - Lân - Qui - Phụng) sống lâu lại hợp với Núi càng vững bền thêm mãi. Tại đây, vua Thiệu Trị rồi vua Tự Đức cho xây dựng ngôi Từ đường thích lý (bên ngoại của nhà vua) và cấp ruộng đất để phục vụ việc thờ phụng.

- Vị trí: km46+624

- Cầu bắc qua: Rạch Sơn Quy

- Số nhịp: 5

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

- Chiều dài: 126,6 m

- Chiều rộng: 10 m

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

**Cống:**

**1. Cống Long Uông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Long: 龍: Rồng; Uông: 尪: Yếu đuối).

Theo Việt Cúc, thuở xưa, nơi đây là rừng già, cây cối rậm rạp, bùn lầy nước đọng, thú rừng rất nhiều và thường đi vào sông Cửa Tiểu, dấu chân giẫm nát thành một lối đi cong quẹo, lâu ngày nước chảy bùn trôi, theo dấu trũng xuống thành một con rạch. Dân gian xem hình thể như một con rồng yếu ớt nên đặt là Long Uông[[41]](#footnote-41).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1989; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 8 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 2.400 ha.

**2.** **Cống Rạch Bùn Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được[[42]](#footnote-42)) + Vật chất (Bùn: là đất lẫn với nước thành một chất sền sệt) + Tính từ (Mới)

Cống ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2011; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 7,5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 2.500 ha.

**3.** **Cống Vàm Kinh/Kênh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh: là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy)

Cống ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1973; là loại cống hộp, số cửa 4 , chiều rộng 2 x 2 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 2.000 ha.

**4.** **Cống Vàm Tháp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Công trình xây dựng (Tháp: Theo Việt Cúc, thời xưa, nơi đây có một tháp cổ; hiện nay, không còn dấu tích[[43]](#footnote-43))

Cống ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 4,5 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 2.000 ha.

**\* Cống lớn:**

**Cống Rạch Bùn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Vật chất (Bùn).

Cống ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1974; là loại cống hộp, số cửa 4, chiều rộng 1,8x2 m, sâu 2,32 m, diện tích phục vụ 2.000 ha.

**\* Cống vừa và nhỏ:**

**1. Cống Bình Đông 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đông) + Số hiệu (2).

Cống ở xã Bình Đông, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2006; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,8 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 150 ha.

**2. Cống Cầu Kiều**

## Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Loại hình cầu (Cầu kiều là một loại cầu bắc ra giữa hồ nước để làm trò chơi vào dịp đầu xuân xưa kia[[44]](#footnote-44)).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1995; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 60 m, sâu 0,6 m, diện tích phục vụ 10 ha.

**3. Cống Chủ Khá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương chủ, gọi tắt là Chủ) + tên người (Khá).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2001 ; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 150 ha.

**4.** **Cống C1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chữ cái la tinh (C) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2005; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 300 ha.

**5**. **Cống C2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chữ cái la tinh (C) + Số hiệu (2).

Cống ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2005; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 300 ha.

**6.** **Cống Dương Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Dương Hòa).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2001; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,43 m, diện tích phục vụ 200 ha.

**7. Cống Dưới Đê nhánh 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Vị trí (Phía dưới) + Công trình xây dựng (Đê) + Danh từ (Nhánh: Cái nhỏ hơn, phân ra từ cái chính, nhưng vẫn nối liền với cái chính) + Số hiệu (2).

Cống ở ấp Rạch Bùn, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2012; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 1 m, diện tích phục vụ 65 ha.

**8. Cống Dưới Đê nhánh 3**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Vị trí (Phía dưới) + Công trình xây dựng (Đê) + Danh từ (Nhánh) + Số hiệu (3).

Cống ở ấp Rạch Bùn, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2012; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 1 m, diện tích phục vụ 75 ha

**9.** **Cống Gia Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Gia Thuận).

Cống ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,5 m, sâu 2,6 m, diện tích phục vụ 1.200 ha.

**10.** **Cống Nghĩa Chí**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Nghĩa Chí).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2007; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,27 m, diện tích phục vụ 350 ha.

**11.** **Cống Rạch Dà**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây dà: là loại cây mọc trong rừng ngập mặn, thân bụi hay nhỡ, có khi cao đến 15 m; gỗ dùng trong xây dựng, làm xuồng ghe, làm than củi cho nhiệt lượng cao; vỏ cây dùng để nhuộm dây câu, lưới, buồm, ăn với trầu, đắp cầm máu vết thương. Rạch Dà còn được gọi là Rạch Già).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1993; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 4,5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 750 ha.

**12.** **Cống Rạch Gốc (Xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Danh từ (Gốc).

Cống ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1973; là loại cống hộp, số cửa 3, chiều rộng 1 m, sâu 0,7 m, diện tích phục vụ 300 ha.

**13.** **Cống Rạch Gốc (Thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) +Danh từ (Gốc).

Cống ở thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1994; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 1.000 ha.

**14.** **Cống Số 1 Vàm Láng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 1) + Địa danh Việt gốc Khmer (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Láng: là vùng đất thấp khá rộng, ngập nước, có nhiều tôm cá, thực vật, như cỏ lác, đưng,…[[45]](#footnote-45)).

Cống ở thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 400 ha.

**15.** **Cống Số 2 Bến Chùa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Bến: là chỗ bờ sông, người ta thường xây bậc lên xuống để lấy nước, tắm giặt, xếp dỡ hàng hoá, như bến đò, bến tàu,… Sau đó, bến còn bao gồm luôn cả bến xe trên đường bộ) + Công trình xây dựng mang yếu tố tôn giáo (Chùa là nơi thờ Phật, các cơ sở thờ tự của Phật giáo; đồng thời, cũng là chỗ tu học, lễ bái của Tăng Ni và Phật tử).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1978; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 1 m, diện tích phục vụ 20 ha.

**16.** **Cống Tân Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) Địa danh hành chính (Xã Tân Thành).

Cống ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1999; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 400 ha.

**17.** **Cống Tiêu Rạch Xẽo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Động từ (Tiêu nước) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Xẽo: Theo *Đại Nam quấc âm tự vị* của Huình Tịnh Paulus Của, “xẽo là đàng (đường) nước vắn tắt, ngọn rạch nhỏ như cái cựa gà[[46]](#footnote-46)”. Xẽo là để chỉ con rạch cùng, nước chảy vào chảy ra chỉ có một đầu. Xẽo có hai loại: xẽo to có công dụng dẫn nước lên ruộng hay vận chuyển lúa; xẽo nhỏ vừa làm ranh giới giữa khu vườn này với khu vườn khác hoặc dùng để dẫn nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, tưới tiêu, làm bến đậu ghe xuồng[[47]](#footnote-47),…

Cống ở ấp Xóm Rẫy, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1994; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 165 ha.

**18.** **Cống Tưới Rạch Xẻo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Động từ (Tưới nước) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Xẽo).

Cống ở ấp Xóm Rẫy, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1976; là loại cống hộp, số cửa 3, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 265 ha.

**19.** **Cống Xã Sách**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) +

Cống ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 400 ha.

**20.** **Cống Xóm Gồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Đơn vị cư trú (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Động tác (Gồng: thuật vận nội công trong võ thuật). Xóm Gồng là xóm dân cư nổi tiếng giỏi võ nghệ.

Cống ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1992; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2,15 m, diện tích phục vụ 1.000 ha.

**Đê:**

**Khái niệm**

Theo Điều 3 Luật Đê điều năm 2006:

Đê là công trình ngăn nước lũ của sông hoặc ngăn nước biển, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân loại, phân cấp theo quy định của pháp luật.

Đê điều là hệ thống công trình bao gồm đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê và công trình phụ trợ.

**1. Đê biển Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

Đê Biển Gò Công kéo dài từ thị trấn Vàm Láng đến xã Kiểng Phước, xã Tân Điền, xã Tân Thành của huyện Gò Công Đông, có điểm đầu là Đường tỉnh 871 và điểm cuối cống Rạch Gốc, được xây dựng trước năm 1975.

Từ năm 1998, từ nguồn kinh phí của Trung ương và địa phương, tỉnh Tiền Giang cho đầu tư nâng cấp, cải tạo mặt đê, làm kè chân đê chống xói lở,… Hiện tại (năm 2022), toàn bộ mặt đê biển Gò Công đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 21,200 m, chiều rộng 7,5 m, cao trình 3,5 m - 4 m, có khả năng chống chịu bão cấp 9.

Đê biển Gò Công có vai trò quan trọng trong công tác phòng chống lụt bão và là tuyến giao thông trọng yếu ven biển. Đê biển Gò Công hôm nay, không chỉ là pháo đài khá vững chắc ngăn nước biển dâng tràn mà còn là tuyến đường giao thông ven biển, có khả năng phục vụ phương tiện có tải trọng dưới 10 tấn. Nhờ đó, cuộc sống, sản xuất, sinh hoạt của hàng chục nghìn hộ dân vùng ngọt hóa Gò Công đã được an toàn.

**2.** **Đê Cửa sông Gò Công 1 (Ven sông Cửa Tiểu)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Cửa sông) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công) + Số hiệu (1).

Đê kéo dài qua các xã Tân Thành, Phước Trung, Tăng Hòa của huyện Gò Công Đông, có điểm đầu: Đường tỉnh 877, điểm cuối: cửa rạch Long Uông, được xây dựng năm 1997; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 11.220 m, chiều rộng 4 m - 6 m, cao trình 2,22 m - 2,65 m.

**3. Đê Cửa sông Gò Công 1 (Ven sông Soài Rạp)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Cửa sông) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công) + Số hiệu (1).

Đê kéo dài qua các xã Tân Phước, Gia Thuận, Kiểng Phước, thị trấn Vàm Láng của huyện Gò Công Đông, có điểm đầu: cống Vàm Tháp, điểm cuối: Đường tỉnh 871, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 16.500 m, chiều rộng 4 m - 5 m, cao trình 2,6 m - 3 m.

**4.** **Đê Nhánh 2 (Bờ Bắc kinh/kênh Trần Văn Dõng)**

##### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Danh từ (Nhánh: cái nhỏ hơn, phân ra từ cái chính, nhưng vẫn nối liền với cái chính + Số hiệu (2).

Đê ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, có điểm đầu: đê Dự Phòng, điểm cuối: cống Rạch Bùn Cũ, được xây dựng năm 2013; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 611 m, chiều rộng 4 m, cao trình 2,8 m - 3,8 m.

**5. Đê Nhánh 3 (Bờ Nam kinh/kênh Trần Văn Dõng)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Danh từ (Nhánh) + Số hiệu (3).

Đê ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, có điểm đầu: đê Dự Phòng, điểm cuối: cống Rạch Bùn Cũ, được xây dựng năm 2013; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 593 m, chiều rộng 4 m, cao trình 3 m - 3,9 m.

**\*** **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

**Bến xe:**

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Khái niệm bến xe khách:**

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Loại bến xe khách** | | | | | |
| Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 | Loại 5 | Loại 6 |
| 1 | Diện tích mặt bằng (tối thiểu) | m2 | 15.000 | 10.000 | 5.000 | 2.500 | 1.500 | 500 |
| 2 | Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 | 5.000 | 3.000 | 1.000 | 500 | 160 | 80 |
| 3 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 | 2.000 | 1.500 | 900 | 400 | 30 | 20 |
| 4 | Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến) | m2 | 500 | 300 | 150 | 100 | 50 | 30 |
| 5 | Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu) | vị trí | 50 | 40 | 30 | 20 | 10 | 6 |
| 6 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | chỗ | 100 | 60 | 30 | 20 | 10 | 10 |
| 7 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) | - | Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện |
| 8 | Diện tích khu vực làm việc | - | Bình quân 4,5 m2/người | | | | | |
| 9 | Diện tích văn phòng dành cho Y tế | - | Tối thiểu 10 m2 | | | |  | |
| 10 | Diện tích khu vệ sinh | - | > 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD) | | | | | |
| 11 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ | - | Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích | | | | | |
| 12 | Đường xe ra, vào bến | - | riêng biệt | | | chung  (rộng tối thiểu 7,5 m) | | |
| 13 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách | - | Có mái che | |  | | | |
| 14 | Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến | - | Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng | | |  | | |
| 15 | Hệ thống cung cấp thông tin | - | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động | | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn | |  | |
| 16 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến | - | Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến | | Có phần mềm quản lý bến xe | |  | |

**1. Bến xe Tân Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hòa).

Bến xe Tân Hòa, mã số (63)17, tọa lạc tại thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, diện tích 800 m², xếp loại 6.

**2. Bến xe Vàm Láng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Thị trấn Vàm Láng).

Bến xe Vàm Láng, mã số (63)27, tọa lạc tại Đường tỉnh 871, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, diện tích 500 m², xếp loại 6.

**\*Bến phà:**

**Khái niệm**

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

**Bến phà Phước Trung - Phú Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Phước Trung - Xã Phú Đông).

Bến phà Phước Trung - Phú Đông bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông với xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**\*Y tế tuyến huyện:**

**Trung tâm Y tế huyện Gò Công Đông**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Gò Công Đông).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Gò Công Đông:

+ Địa chỉ: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3571055

+ Trang thông tin điện tử: http://tttytgocongdong.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: gocongdong.ttytdp@tiengiang,gov.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 11.112,25 m2; diện tích sử dụng: 3.944,78 m2

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 253; trong đó Nam: 88; Nữ: 165.

Trung tâm Y tế huyện Gò Công Đông được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số - kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm, phòng, chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

+ Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; phối hợp thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, y tế ấp và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế ấp và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

+ Về dân số - kế hoạch hoá gia đình và sức khoẻ sinh sản: tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, chỉ báo thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hoá gia đình; chỉ đạo, hướng dẫn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình cho các bộ phận chuyên môn thuộc Trung tâm và tuyến y tế cơ sở.

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế huyện Gò Công Đông có 05 chi bộ với 89 đảng viên; lãnh đạo đơn vị gồm 01 giám đốc và 02 phó giám đốc; Công đoàn cơ sở có 25 tổ công đoàn với 268 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 25 đoàn viên.

Trung tâm có 05 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Điều dưỡng, Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe; 10 khoa chuyên môn: Lâm sàng (06 khoa): Khoa Cấp cứu và Nội tổng hợp, Khoa Khám bệnh, Khoa Phụ sản, Khoa Ngoại, Khoa Nhi, Khoa Y dược học cổ truyền – Phục hồi chức năng; Cận lâm sàng (02 khoa): Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược; các khoa thuộc hệ y tế dự phòng (02 khoa): Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm, Khoa Kiểm soát bệnh tật. Bệnh viện thuộc Trung tâm được xếp hạng 3 với 150 giường bệnh theo chỉ tiêu, thực kê 171 giường bệnh.

Đồng thời, Trung tâm có 01 phòng khám đa khoa và 13 trạm y tế thị trấn, xã: Phòng khám Đa khoa Tân Hòa, Trạm Y tế thị trấn Tân Hòa, thị trấn Vàm Láng, Trạm Y tế 11 xã: Bình Ân, Bình Nghị, Gia Thuận, Kiểng Phước, Phước Trung, Tân Điền, Tân Đông, Tân Phước, Tân Tây, Tân Thành, Tăng Hòa.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 01; Bác sĩ chuyên khoa 1: 12; Bác sĩ chuyên khoa 2: 01; Cử nhân đại học: 81; Cử nhân cao đẳng: 69; Trung học: 85; Trình độ khác: 04.

\* **Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Bia lưu niệm/tưởng niệm:**

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

**Bia lưu niệm Chiến thắng Xóm Gò**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Xóm Gò).

Di tích Chiến thắng Xóm Gò tọa lạc tại thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông được xây dựng năm 1990 do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, gồm Bia Chiến thắng và và vườn hoa kiểng chung quanh, có hàng rào rộng khoảng 240 m². Bia có diện tích xây dựng khoảng 20 m2, cao 4 m, đế bia cao 1 m (bê tông, đá mài), thân bia được đỡ bởi 06 trụ bê tông cốt thép vuông 20cm, bên trên đắp nổi 04 chữ: “Chiến thắng Xóm Gò” sơn màu đỏ, bên dưới hàng chữ đắp nổi phù điêu diễn biến trận đánh trên nền đỏ. Phù điêu đắp nổi 20 người, 02 chiếc xe của địch bị bắn cháy sơn màu vàng. Diện tích phù điêu khoảng 7,5 m2.

Bên dưới chân bia là nội dung tóm tắt lịch sử của di tích được khắc âm nét chữ in hoa trên đá hoa cương có nội dung như sau: *“Nơi đây ngày 26-2-1962, Tiểu đoàn 261, lực lượng 206, du kích và nhân dân Gò Công đã tiêu diệt tên Tổng Thinh ác ôn và 02 đại đội địch. Bắt sống 53 tên (trong đó nhiều tên tề có nợ máu với nhân dân). Phá hủy 03 xe quân sự, thu toàn bộ vũ khí và quân trang quân dụng. Trận Xóm Gò đã góp phần ngăn chặn kế hoạch bình định của Mỹ ở Gò Công”.*

Di tích lịch sử “Chiến thắng Xóm Gò” được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

**Công viên/Vườn hoa:**

**Khái niệm:**

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

**Công viên Thị trấn Tân Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hòa).

Công viên được hình thành năm 2000, cải tạo và nâng cấp năm 2016, tọa lạc tại thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, diện tích 3.585 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, lộc vừng, giáng hương, dương,…); cây tạo dáng (cau vua, sứ trắng, hoa giấy, cây phát tài,...), cây lá màu và thảm cỏ; thiết bị tập thể dục ngoài trời, đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước, đường nội bộ được lát gạch Tezzaro,…

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

**\* Chợ**

**-** Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, “Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi,ngày nhất định”[[48]](#footnote-48).

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: “Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung vàcầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa ngườisản xuất, người mua bán và người tiêu dùng”[[49]](#footnote-49).

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: “Chợ là nơi tụ họp buôn bán”; “chợ búa là nơi tụ họp bày bánhàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định muabán”[[50]](#footnote-50).

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành vàphát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vựcdân cư”[[51]](#footnote-51).

**\* Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”[[52]](#footnote-52).

**\* Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác  
nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu “Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ gócnhìn văn hóa học”, Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[[53]](#footnote-53):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI** | **LOẠI HÌNH CHỢ** |
| 1 | Theo thời gian họp chợ | - Chợ sáng  - Chợ hôm  - Chợ chiều  - Chợ đêm  - Chợ phiên |
| 2 | Theo lịch sử | - Chợ truyền thống  - Chợ hiện đại (siêu thị) |
| 3 | Theo khu vực địa lý | - Chợ quê  - Chợ ven đô  - Chợ đô thị  - Chợ đồng bằng  - Chợ miền núi |
| 4 | Theo quy mô hành chánh | - Chợ làng  - Chợ xã (liên làng)  - Chợ huyện (liên xã)  - Chợ thị trấn  - Chợ thị xã |
| 5 | Theo tình chất, quy mô trao đổi hàng hóa | - Chợ đầu mối  - Chợ bán lẻ  - Chợ chuyên doanh  - Chợ tổng hợp |
| 6 | Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ | - Chợ vải  - Chợ trâu  - Chợ trái cây  - Chợ hải sản |
| 7 | Theo quy mô xây dựng | - Chợ kiên cố  - Chợ bán kiên cố  - Chợ tạm |

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[[54]](#footnote-54):

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[[55]](#footnote-55):

- Chợ loại 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- Chợ loại 2: Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- Chợ loại 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa  
được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua  
bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

**\* Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[[56]](#footnote-56):

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

**Chợ ở huyện Gò Công Đông: 16 địa danh**

**1. Chợ Ấp 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Ấp 2).

Chợ loại 3, ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, diện tích 2.500 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**2. Chợ Bình Ân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Ân).

Chợ loại 3, ở xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, diện tích 2.281 m², có 55 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**3. Chợ Bình Nghị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Nghị).

Chợ loại 3, ở xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, diện tích 480 m², có 63 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**4. Chợ Biển Tân Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh tự nhiên (Biển) + Địa danh hành chính (xã Tân Thành).

Chợ loại 3, ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, diện tích 386 m², có 50 hộ kinh doanh thủy hải sản (nghêu, cá, sam biển, ghẹ, cua, tôm,…), ăn uống,...

**5. Chợ Đèn Đỏ**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng và tính chất (Đèn Đỏ: Ngọn hải đăng được xây dựng dưới thời Pháp, buổi tối được thắp sáng, có ánh sáng màu đỏ, cho tàu thuyền được lưu thông dễ dàng, nay không còn).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (ấp Đèn Đỏ, xã Tân Thành)

Chợ loại 3, ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.080 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa, thủy hải sản,…

**6. Chợ Gia Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Gia Thuận).

Chợ loại 3, ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, diện tích 445 m², có 25 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**7. Chợ Giồng Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình tự nhiên (Giồng: âm trại của “vồng”, là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[[57]](#footnote-57)) + Tên người (Tân).

Chợ loại 3, ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.800 m², có 22 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**8. Chợ Gò Công Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (huyện Gò Công Đông).

Chợ loại 2, ở thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.273 m², có 200 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**9. Chợ Kiểng Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Kiểng Phước).

Chợ loại 3, ở xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, diện tích 3.080 m², có 138 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**10. Chợ Tân Điền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Điền).

Chợ loại 3, ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, diện tích 4.372 m², có 38 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**11. Chợ Tân Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Tân: 新: Mới mẻ; Phú: 富: giàu có.

Chợ loại 3, ở xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, diện tích 2.600 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**12. Chợ Tân Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Phước).

Chợ loại 3, ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.125 m², có 41 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**13. Chợ Tân Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Thành).

Chợ loại 3, ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, diện tích 858 m², có 52 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**14. Chợ Tân Tây (Chợ Tổng Châu)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Tây).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Chức vụ hành chính thời xưa (Cai tổng) + Tên người (Trần Văn Châu). Chợ do Cai tổng Trần Văn Châu (Tổng Châu) lập.

Địa danh chợ Tổng Châu gắn liền với sự tích sau đây:

Cách tỉnh lỵ Gò Công 6 cây số, đến phía dưới miễu Bà Rô một đỗi, có gò đất rộng, gọi là Bà Đình. Nơi đây thuở xưa có lập một cái chợ, với vài căn nhà nho nhỏ lợp lá, khi mới có chợ, mua bán thưa thớt vì dân cư chưa đông.

Sau đó độ năm ba năm, có ông Chánh Tổng Trần Văn Châu và con ông là Tổng kim, dời cái chợ nầy về gần bên rạch, hiện bến chợ bây giờ (1969) gọi là chợ Tổng Châu. Ông có công dời đi, và cất lại nhiều căn, cũng còn lợp lá. Hai bên chợ có hai dãy nhà phố, buôn bán tạp hóa, số người mua bán lần lần đông hơn trước. Những xóm ấp gần chợ, dân chúng đến ở đông hơn các ấp khác.

Phía trong và phía ngoài chợ, xóm ấp rất thưa, mỗi ấp độ hơn mười nhà. Ở phía đông cách chợ lối hai ngàn thước, thì là rừng rậm, toàn là cây cóc và cây dà, nên gọi rừng cóc. Phía tây cách ngăn cái rạch Tổng Châu, rạch chạy dài lên phía bắc, hai bên rạch dừa nước (lá lợp nhà) xen mọc với cây rất sầm uất, gọi là Biển Lá.

Dân các nơi về ở làm ăn, với nghiệp đốn củi và mở ruộng. Đàn bà đi vào rừng đốn cây cóc, cạo lột lấy lớp da cây, phơi khô gánh lên Gò Công bán cho tiệm khách trú (người Hoa); họ mua để làm màu nhuộm và đào củ cỏ cú (hương phụ, một loại dược thảo) bán lấy tiền sanh sống rất dễ dàng[[58]](#footnote-58).

Chợ loại 2, ở xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, diện tích 600 m², có 200 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**15. Chợ Vạn Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Vạn: 萬: Vạn, mười ngàn; Thành: 成: hoàn thành).

Chợ loại 3, ở xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.856 m², có 32 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**16. Chợ Vàm Láng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (thị trấn Vàm Láng).

Chợ loại 3, ở thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.500 m², có 132 hộ kinh doanh thủy hải sản (nghêu, cá, sam biển, ghẹ, cua, tôm,…), ngư cụ, ăn uống,...

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên khu công nghiệp, kho, trạm:**

**\* Khu công nghiệp:**

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

**Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang**

\* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Khu công nghiệp) + Loại hình sản xuất - kinh doanh (Theo Khoản 6, Điều 3 của Luật Dầu khí 1993, Dịch vụ dầu khí  là các hoạt động liên quan đến tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí do Nhà thầu phụ tiến hành) + Địa danh Việt gốc Khmer (Soài Rạp: gọi trại từ tiếng Khmer: Prêk Crôy Phkăm, có nghĩa là Rạch Mũi Đất) hoặc Địa danh chỉ Thực vật (Cây soài/xoài) và Tính từ (Rậm rạp) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

\* Khái quát Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang:

Tiền thân của Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang là Khu công nghiệp tàu thủy Soài Rạp và chủ đầu tư là Tập đoàn Tàu thủy Việt nam (Vinashin). Đến năm 2010, Khu công nghiệp tàu thủy Soài Rạp được Thủ tướng Chính phủ cho chuyển đổi tên và công năng thành Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang với chức năng năng là khu công nghiệp chuyên ngành phục vụ cho ngành dầu khí tại Công văn số 1983/TTg-KTN ngày 01/11/2010 và được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp quyết định thành lập vào năm 2011 do Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư.

Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang có diện tích khoảng 285 ha, nằm trên địa bàn xã Gia Thuận và thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, có vị trí rất thuận tiện trong việc phát triển nền kinh tế biển và đặc biệt cho ngành công nghiệp Dầu khí Việt Nam.

Đây là địa điểm tập trung xây dựng các nhà máy chế tạo phục vụ cho ngành Dầu khí như: Nhà máy chế tạo ống thép Dầu khí (PV Pipe); Nhà máy chế tạo bình bồn Dầu khí; Nhà máy sản xuất kết cấu kim loại dầu khí; Nhà máy sản xuất que hàn Dầu khí; Khu cảng dịch vụ tổng hợp…. Với vị trí nằm trong vành đai phát triển công nghiệp của các tỉnh phía Nam với hệ thống sông ngòi chằng chịt và chịu ảnh hưởng của các khu công nghiệp lân cận như: Khu công nghiệp Bến Lức, Khu công nghiệp Long An, Khu công nghiệp Tân Hương, Khu căn cứ dịch vụ dầu khí Vũng Tàu, Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang sẽ là địa điểm đầu tư mang lại lợi ích bền vững cho các nhà đầu tư  trong và ngoài nước.

Năm 2022, Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang lắp đầy 13,08% diện tích đất công nghiệp với 01 dự án là Nhà máy chế tạo ống thép Dầu khí với vốn đầu tư đăng ký 2.175,595 tỷ đồng.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

**Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

**Trường trung học phổ thông:**

**1.Trường Trung học phổ thông Gò Công Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Huyện Gò Công Đông).

Địa chỉ: Tỉnh lộ 871, ấp Gò lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.840441.

Trang thông tin điện tử: http://thptgocongdong.tiengiang.edu.vn/

Email: [c3gocongdong.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c3gocongdong.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1982, Phân hiệu Tân Tây trực thuộc Trường Trung học phổ thông Trương Định được thành lập. Năm 1985, trên cơ sở Phân hiệu Tân Tây, Trường Trung học phổ thông Gò Công Đông được thành lập theo Công văn số 429/UB ngày 05/9/1985 của UBND tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 11/QĐ-TL ngày 27/9/1985 của UBND huyện Gò Công Đông. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Huyện Gò Công Đông.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 40 đảng viên nam: 16; nữ: 24; Đảng ủy: 07; nam: 04; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 84 công đoàn viên; nam: 29; nữ: 55. Đoàn thanh niên: 1.516; nam: 577; nữ: 939.

Tổng số viên chức: 80; trong đó nam: 27; nữ: 53. Tổng số giáo viên: 73; nam: 22; nữ: 51. Thạc sĩ: 07; Cử nhân (đại học): 71; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung cấp: 01. Tổng số học sinh: 1.818; nam: 735; nữ: 1.083.

Tổng diện tích: 20.629,7 m²; diện tích sử dụng: 20.629,7m².

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu (trong đó có một phần là 01 tầng trệt và 02 tầng lầu, Phòng làm việc: 12; Phòng học: 42; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: có 01 nhà đa năng; Nhà vệ sinh: 04.

**2. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Côn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Côn).

Địa chỉ: Số 13, đường Nguyễn Văn Côn, khu phố Hòa Thơm, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.846150.

Trang thông tin điện tử: thptnguyenvancon.tiengiang.edu.vn

Email: [c3nguyenvancon.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c3nguyenvancon.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1984, Phân hiệu Tân Hòa trực thuộc Trường Trung học phổ thông Trương Định được thành lập. Năm 1987, trên cơ sở Phân hiệu Tân Hòa, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Côn được thành lập theo Quyết định số 40/QĐ-UB ngày 17/11/1987 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường :

#### NGUYỄN VĂN CÔN

**(1894 – 1982)**

Nguyễn Văn Côn, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1894 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nỗ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1982, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên công viên ở thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Tượng của ông cao 3,5 m, trong đó chân dung cao 1,2 m được đúc bằng đồng; đế tượng cao 2,3 m bằng bê tông cốt thép, ốp đá granit, được tôn trí tại chính giữa sân Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Côn.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 38 đảng viên; nam: 15; nữ: 23; Chi ủy: 09; nam: 07; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 69 công đoàn viên; nam: 31; nữ: 38. Đoàn thanh niên: 1.049 đoàn viên; nam: 345; nữ: 795.

Tổng số viên chức: 69; nam: 31; nữ: 38. Tổng số giáo viên: 63; nam: 29; nữ: 34. Thạc sĩ: 10; Cử nhân (đại học): 54; trung học: 01; khác: 04.

Tổng số học sinh: 1.459; nam: 582; nữ: 857.

Tổng diện tích: 17.914,8 m²; diện tích sử dụng: 17.914,8m².

Trường có ba dãy lầu, mổi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, Phòng làm việc: 08; Phòng học: 36; Phòng thí nghiệm: 06; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: có 01 nhà đa năng, 01 hồ bơi; Nhà vệ sinh: 09 phòng.

**Trường Trung học cơ sở:**

**1. Trường Trung học cơ sở Bình Ân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Ân).

Địa chỉ: Ấp Kinh Dưới, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733. 948018

Trang thông tin điện tử: thcsbinhan.tiengiang.edu.vn

Email: [c2binhangcd@tiengiang.edu.vn](mailto:c2binhangcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Bình Ân được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Ân và Trường Phổ thông cấp II Bình Ân hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Ân. Năm 1992, bộ phận Cấp II được tách ra để thành lập Trường Trung học cơ sở Bình Ân theo Quyết định số 28/QĐ.UB ngày 26 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Ân.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 08; nữ: 13; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 29 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 69 đoàn viên; nam: 27; nữ: 42. Đội thiếu niên: 445 đội viên; nam: 255; nữ: 190.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 12; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 21; nam: 11; nữ: 10. Cử nhân (Đại học): 18; Cử nhân (Cao đẳng): 08.

Tổng số học sinh: 507; nam: 281; nữ: 226.

Tổng diện tích: 7.000 m2; diện tích sử dụng: 7.000 m2.

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**2. Trường Trung học cơ sở Đoàn Hồng Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Hồng Phước).

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733847779

Trang thông tin điện tử: Trường THCS Đoàn Hồng Phước

Email: thcsvamlang@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Vàm Láng được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Vàm Láng và Trường Phổ thông cấp II Vàm Láng hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Vàm Láng. Năm 1994, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, hợp nhất với bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Kiểng Phước để hình thành Trường Trung học cơ sở liên xã Kiểng Phước – Vàm Láng. Năm 2008, Trường Trung học cơ sở liên xã Kiểng Phước - Vàm Láng được tách ra, hình thành Trường Trung học cơ sở Vàm Láng. Năm 2018, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Đoàn Hồng Phước theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**ĐOÀN HỒNG PHƯỚC**

**(1914 – 1967)**

Đoàn Hồng Phước sinh năm 1914 tại làng Mỹ Lệ, quận Cần Đước, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An).

Tháng 8-1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà. Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (tháng 9-1945), ông gia nhập bộ đội và chiến đấu ở chiến trường Gò Công. Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và chỉ huy chiến đấu, ông lần lượt trải qua các chức vụ: năm 1946, Trưởng phân đội vũ trang; năm 1947, Đại đội trưởng Đại đội 889; năm 1948 - 1950, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 305 kiêm Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Gò Công; năm 1951, Chỉ huy trưởng khu vực Gò Công. Trong thời gian giữ những trọng trách này, ông đã góp công lớn trong việc xây dựng lực lượng vũ trang Gò Công từ tỉnh xuống đến tận cơ sở ngày càng vững mạnh trên nền tảng thế trận chiến tranh nhân dân; chỉ huy các đơn vị bộ đội đánh thắng nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, làm thất bại kế hoạch bình định của bọn chúng; tạo nên thế và lực của ta có bước tiến vượt bậc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Năm 1952, sau khi tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Tân An thành tỉnh Mỹ Tho (còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò), ông đảm nhận chức vụ Bí thư Huyện ủy Gò Công. Với cương vị này, ông cùng với tập thể Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở Gò Công phát triển mạnh mẽ. Đến tháng 3-1954, các cơ quan, ban ngành và bộ đội Gò Công đã giải tán xong bọn tề xã và hội đồng hương chính của chính quyền địch ở trong huyện; hàng loạt đồn bót địch bị bức rút. Do có thành tích xuất sắc, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Gò Công vinh dự được đón rước ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh do Trung ương trao tặng.

Vinh dự lớn ấy đã tạo cho Huyện ủy và nhân dân Gò Công có thêm quyết tâm chiến đấu giành thắng lợi cuối cùng. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy do ông làm Bí thư, tháng 4-1954, lực lượng vũ trang huyện đã diệt gọn một tiểu đoàn địch, thu toàn bộ vũ khí. Tháng 5-1954, lực lượng địa phương kết hợp với Tiểu đoàn 309 đánh đoàn xe của địch từ Đồng Sơn đi thị xã Gò Công, tiêu diệt hơn 100 tên lính, tên tỉnh trưởng Gò Công thoát chết chạy thục mạng về thị xã.

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (20-7-1954), ông tập kết ra miền Bắc, công tác trong quân đội. Năm 1961, với quân hàm trung tá, ông được Bộ Quốc phòng bổ nhiệm làm Đoàn trưởng Đoàn 759 theo Quyết định số 97/QP ngày 23-10-1961 do Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Hoàng Văn Thái ký. Đoàn 759 được giao nhiệm vụ chi viện vũ khí cho miền Nam bằng đường biển, mở ra Đường Hồ Chí Minh trên biển. Do tính chất, nhiệm vụ đặc biệt nên Đoàn 759 được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương.

Ngay sau khi thành lập, ông đã chỉ đạo Đoàn tổ chức cho thủy thủ ở các đội tàu thuộc Đoàn 759 học tập văn hóa, kỹ thuật, chính trị, huấn luyện về hàng hải nhằm nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là lý tưởng cách mạng và năng lực đi biển. Cuối năm 1961, ông và Ban Chỉ huy Đoàn đã hoàn thành việc soạn thảo Đề án công tác của Đoàn 759. Đề án đã được Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng thông qua với các nội dung chính như sau:

- Phương tiện vận chuyển: Trước mắt tận dụng những phương tiện thô sơ, nửa hiện đại, tổ chức nghiên cứu để có các đội tàu tương đối hiện đại, trọng tải lớn, có thể hoạt động quanh năm, không phụ thuộc vào thời tiết, gió bão. Khi có thời cơ sẽ sử dụng những tàu có sức chở từ 200 tấn đến 500 tấn mỗi chiếc để vận chuyển hàng.

- Phương châm hoạt động: Vừa bằng phương thức hợp pháp vừa bất hợp pháp, lấy hoạt động hợp pháp làm phương thức chủ yếu. Quá trình vận chuyển phải chủ động, táo bạo, bất ngờ, hết sức lợi dụng sơ hở của địch để đưa hàng đến bến. Đồng thời phải có sẵn phương án thật mưu trí đối phó với địch khi bị lộ, kiên quyết chiến đấu bảo vệ hàng, nếu cần thì nổ tàu để giữ bí mật.

- Trước khả năng đối phó quyết liệt của địch nên cho phép Đoàn nếu gặp khó khăn có thể đưa 50% số hàng đến nơi cũng là hoàn thành nhiệm vụ.

- Căn cứ khả năng, kinh nghiệm, con người, phương tiện, bài học rút ra từ những chuyến thuyền đi trước, hướng đột phá của Đoàn là Nam Bộ (bao gồm Khu 7 Đông Nam Bộ, Khu 8 Trung Nam Bộ và Khu 9 Tây Nam Bộ), sau đó sẽ phát triển ra Khu 6 Nam Trung Bộ và Khu 5 Trung Trung Bộ.

Trên cơ sở đó, ông và Ban Chỉ huy Đoàn 759 đã tổ chức nhiều đoàn tàu “không số”, bí mật vận chuyển hàng trăm ngàn tấn vũ khí, trang bị kỹ thuật, thuốc chữa bệnh và hàng chục ngàn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc vào miền Nam. Đường Hồ Chí Minh trên biển đã cùng với Đường Hồ Chí Minh trên bộ (Đường Trường Sơn) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam, góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và bọn tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Ngày 17-8-1967, ông từ trần tại Thanh Hóa, để lại niềm tiếc thương cho đồng chí và đồng đội. Trong quá trình công tác, ông vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Chiến sĩ hạng Nhì, Huân Chương Độc lập hạng Nhì, Huy hiệu Nam Bộ kháng chiến. Tên ông được đặt tên đường ở phường Hòa Thạnh, quân Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường trung học cơ sở ở thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 09; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 14. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 03; nữ: 03. Đội thiếu niên: 553 đội viên; nam: 282; nữ: 271.

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 17; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 27; nam: 16; nữ: 11. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân (Cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 714; nam: 376; nữ: 338.

Tổng diện tích: 8.011,5 m2; Diện tích sử dụng: 5.511,5m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 11 phòng; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**3. Trường Trung học cơ sở Lê Quốc Việt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Lê Quốc Việt).

Địa chỉ: Ấp Bờ Kinh, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.571.123

Trang thông tin điện tử: http://thcslequocviet.tiengiang.edu.vn

Email: [c2lequocvietgcd@tiengiang.edu.vn](mailto:c2lequocvietgcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Tây được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây và Trường Phổ thông cấp II Tân Tây hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Tây. Năm 1993, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Tây. Năm 2008, một phần của Trường Trung học cơ sở Tân Tây được chia tách thành Trường Trung học cơ sở Tân Đông theo Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 2013, Trường Trung học cơ sở Tân Đông được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Lê Quốc Việt theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**LÊ QUỐC VIỆT**

**(1924 – 1952)**

Lê Quốc Việt, bí danh Hồ Điệp, sinh năm 1924 tại làng Kiểng Phước, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1944, ông tham gia cách mạng tại xã nhà. Năm 1947, ông là Bí thư Quận ủy Quận 2, tỉnh Gò Công (một phần huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang hiện nay). Năm 1948, ông được đề bạt làm Bí thư Huyện ủy Huyện Đông, tỉnh Gò Công (nay là huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang). Năm 1951, ông là Bí thư Huyện ủy Gò Công, tỉnh Mỹ Tho (nay là thị xã Gò Công, các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang).

Với cương vị Bí thư Huyện ủy, ông cùng với Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh chỉ đạo công tác mở lớp đào tạo cán bộ gồm Chủ tịch, Bí thư, chi ủy viên được tổ chức tại Rừng Sát, có hơn 100 cán bộ, đảng viên đến dự lớp nhằm nâng cao trình độ lý luận và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên; xây dựng cơ sở cách mạng; chống lại âm mưu gián điệp của địch, cần phát hiện các tổ chức phản động và đường dây gián điệp của chúng, dùng biện pháp hành chính để trấn áp, phân loại theo tính chất, mục đích hoạt động, phạm vi hoạt động của các nhóm, các tổ chức phản động để đối xử đúng chính sách; phân chia đại đội địa phương quân huyện làm hai bộ phận, trong đó một bộ phận thành lực lượng vũ trang tuyên truyền, giáo dục quần chúng, tổ chức binh vận hỗ trợ cán bộ đi công tác và bảo vệ hai khu căn cứ du kích ở Phú Thạnh Đông và Gia Thuận; đẩy mạnh chiến tranh du kích và phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Nhờ đó, phong trào cách mạng ở huyện Gò Công từ chỗ hết sức khó khăn đã dần dần phục hồi, một số địa phương cán bộ đã bám được cơ sở, phá tề, diệt ác, giữ thế phong trào; đã dập tắt được vụ gián điệp vô cùng nguy hiểm, các tổ chức phản động đều bị phát hiện, những tên tay sai, bọn cơ hội, bọn điệp ngầm chui vào các tổ chức cách mạng, cả những người bị địch lợi dụng đều bị phát giác và được xử lý đúng mức.

Tháng 7-1952, ông bị địch phục kích, bắn hy sinh tại xã Tân Thới (nay thuộc huyện Tân Phú Đông). Là một cán bộ cách mạng trung kiên, năng động, ông đã kiên trì bám trụ, chỉ đạo phong trào đấu tranh của nhân dân Gò Công ngày càng phát triển mạnh mẽ. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 07; nữ: 11. Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04. Đội thiếu niên: 505 đội viên; nam: 256; nữ: 249.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 13; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 29; nam: 12; nữ: 17. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân (Cao đẳng): 06; Trung cấp Y sĩ đa khoa: 01.

Tổng số học sinh: 511; nam: 260; nữ: 251.

Tổng diện tích: 9.230,7m2; diện tích sử dụng: 9.230,7m2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 09; phòng thí nghiệm - thực hành: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**4. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trọng Dân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trọng Dân).

Địa chỉ: Ấp Vạn Thành, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733846059

Trang thông tin điện tử: [http://thcsnguyentrongdan.tienggiang.edu.vn](http://thcsnguyentrongdan.tienggiang.edu.vn/)

Email: [C2nguyentrongdangcd@tiengiang.edu.vn](mailto:C2nguyentrongdangcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Bình Nghị được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Nghị và Trường Phổ thông cấp II Bình Nghị hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Nghị. Năm 1992, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Bình Nghị theo Quyết định số 281/QĐ.UB ngày 26 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 2013, Trường Trung học cơ sở Bình Nghị được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trọng Dân. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN TRỌNG DÂN**

**(1917 – 1971)**

#### Nguyễn Trọng Dân, bí danh Tư Hiệu, Bảy Dân, sinh năm 1917 tại làng Bình Nghị, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Tháng 8-1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông gia nhập đội du kích xã chiến đấu chống thực dân Pháp khi bọn này quay trở lại xâm chiếm Gò Công. Sau đó, ông lần lượt giữ các vụ Xã đội trưởng, Bí thư xã Bình Nghị, Huyện ủy viên huyện Gò Công.

Sau hiệp định Genève (tháng 7-1954), ông được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Tuy bị địch theo dõi ráo riết, nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, xây dựng cơ sở cách mạng ở các xã ven biển của huyện và lãnh đạo quần chúng ở những nơi đó đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, đòi chính quyền Diệm thi hành hiệp định Genève, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Năm 1958, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng ở Gò Công vô cùng ác liệt. Do đó, theo sự phân công của cấp trên, ông đi “điều lắng” ở Sài Gòn và Tây Ninh. Nhưng chỉ một năm sau, mặc dù tình hình cách mạng ở địa phương còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng ông vẫn trở về Gò Công hoạt động, gầy dựng lại cơ sở cách mạng và tham gia lãnh đạo phong trào “Đồng Khởi” ở huyện nhà.

Năm 1961, ông được bầu làm Huyện ủy viên huyện Gò Công. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, phong trào nổi dậy, tiến công, phá ấp chiến lược và chiến tranh du kích của huyện tiếp tục được đẩy mạnh.

Năm 1969, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Gò Công, Bí thư Thị xã ủy Gò Công. Đây là thời kỳ địch tập trung lực lượng, tiến hành phản kích ở khắp nơi trong tỉnh với mức độ ngày càng khốc liệt. Tại thị xã Gò Công, nhiều cơ sở cách mạng bị vỡ lở và không ít cán bộ đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

Tuy vậy, ông vẫn bám trụ tại nhà của một cơ sở ở bến xe thuộc nội ô thị xã để tiện việc lãnh đạo phong trào cách mạng ở một địa bàn vô cùng trọng yếu đối với ta cũng như đối với địch ở tỉnh Gò Công. Dưới sự lãnh đạo của Thị xã ủy, phong trào cách mạng ở thị xã vẫn được giữ vững và ngày càng phát triển. Được sự chỉ đạo trực tiếp của ông, Thị xã ủy đã tổ chức hàng trăm cuộc mít tinh với sự tham gia của hàng chục ngàn quần chúng, đấu tranh chống địch cào nhà, càn quét, bắt lính, cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, chống bắt gia đình cách mạng “đi học nội trú”, đòi trở về quê cũ làm ăn,… Phong trào binh vận phát triển mạnh, ta đã động viên, giáo dục hàng trăm gia đình binh sĩ học tập chủ trương của cách mạng, xây dựng cơ sở nội tuyến cách mạng trong hàng ngũ binh lính, vận động nhiều binh sĩ bỏ ngũ, hợp tác với cách mạng, cung cấp vũ khí, tin tức hoặc đấu tranh không đôn quân, không đổi đi nơi khác, tạo thuận lợi cho các cuộc đấu tranh của nhân dân. Phong trào diệt ác phá kềm được đẩy mạnh, ta đã diệt hàng chục tên công an, tề ấp, cảnh cáo, giáo dục hàng trăm tên khác, khiến cho nhiều tên phải bỏ trốn, nghỉ việc,… Những cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân, phong trào binh vận, diệt ác phá kềm chứng tỏ cơ sở Đảng và cách mạng bất chấp sự đánh phá điên cuồng của địch, vẫn tồn tại vững chắc trong nội ô thị xã; đồng thời, nó đã hỗ trợ tích cực cho các cuộc tiến công quân sự nhằm tiêu diệt địch của lực lượng vũ trang tỉnh nhà.

Sáng ngày 20-01-1971, ông bị địch bắt. Mặc dù bị tra tấn rất dã man, nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần và khí tiết, nhất quyết không khai báo, thậm chí, không để cho địch trói. Bất lực trước ý chí gang thép của người chiến sĩ cộng sản chân chính, bọn địch đã hèn hạ bắn chết ông ngay tại chỗ. Ông đã anh dũng hy sinh trong niềm tiếc thương, mến phục của đồng bào thị xã Gò Công. Mặc dù, chính quyền địch ra sức bưng bít, o ép, đe dọa, nhưng đám tang của ông có hàng ngàn người đến dự và đưa tiễn linh cửu đến nơi yên nghỉ cuối cùng tại xã Bình Nghị.

Ông là một cán bộ cách mạng trung kiên, bất khuất, không sợ hy sinh, gian khổ, luôn bám sát cơ sở, lãnh chỉ đạo phong trào cách mạng ở thị xã Gò Công trong thời kỳ khó khăn, ác liệt, góp phần quan trọng vào sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh cách mạng trên địa bàn toàn tỉnh.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công và tên trường trung học cơ sở ở xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 04; nữ: 15. Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 00, nữ: 02. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam 07; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam 02; nữ: 04. Đội thiếu niên: 416 đội viên; nam: 232; nữ: 184.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28, nam: 07, nữ: 21. Tổng số giáo viên: 22; nam: 07; nữ: 15. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 04; Ttrung cấp 02.

Tổng số học sinh: 416; nam: 232; nữ: 184.

Tổng số diện tích: 5.338,2 m2; diện tích sử dụng: 5.338,2 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu); phòng làm việc: 06; phòng học: 08; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**5.** **Trường Trung học cơ sở Phùng Thanh Vân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Phùng Thanh Vân).

Địa chỉ: Ấp 8, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733840367.

Trang thông tin điện tử: http://thcsphungthanhvan.tiengiang.edu.vn.

Email: c2phungthanhvangcd@tiengiang.edu.vn.

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Phước được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Phước và Trường Phổ thông cấp II Tân Phước hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Phước. Năm 1992, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Phước theo Quyết định số 31/QĐ.UB ngày 26 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Ngày 16/7/2013, Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông ra Quyết định số 1409/QĐ-UBND về việc đổi tên Trường Trung học cơ sở Tân Phước thành Trường Trung học cơ sở Phùng Thanh Vân. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**PHÙNG THANH VÂN**

**(1925 - 1972)**

Phùng Thanh Vân sinh năm 1925 tại làng Gia Thuận, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1949, ông tham gia cách mạng tại quê nhà. Năm 1952, ông gia nhập Đoàn dân quân chính liên xã. Sau hiệp định Genève (1954), ông được tổ chức phân công ở lại Gò Công tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1956, trước sự đánh phá ác liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm, với tinh thần cách mạng kiên định, ông cùng với một số đồng chí đến Rừng Sác ở Lý Nhơn (nay thuộc huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh) cất chòi cư trú, đốn củi, chài lưới bắt cá bán để sinh sống, chờ đợi thời cơ.

Năm 1960, ông trở về Gò Công, tích cực tham gia phong trào “Đồng Khởi” ở quê nhà. Năm 1961, ông được cử làm Bí thư xã Gia Thuận, trực tiếp lãnh chỉ đạo cuộc nổi dậy phá thế kềm kẹp của nhân dân xã nhà trong phong trào “Đồng khởi” của nhân dân miền Nam. Ngày 17-11-1961, ông chỉ huy đội du kích xã phối hợp với Bộ đội 206 huyện Gò Công và nội ứng tấn công tiêu diệt đồn Gia Thuận; đồng thời, phát động nhân dân vùng lên bắt bọn chủ ấp và tay sai, giải phóng hoàn toàn xã Gia Thuận. Năm 1963, ông được bầu làm Huyện ủy viên, phụ trách các xã Gia Thuận, Tân Phước và Tân Niên Tây. Năm 1965, ông được đề bạt làm Trưởng ban Binh vận huyện Gò Công.

Năm 1969, ông được phân công làm Bí thư Huyện ủy huyện Đông (huyện Gò Công cũ). Lúc bấy giờ, trên địa bàn huyện, địch có hàng ngàn quân với đủ các sắc lính, như dân vệ, biệt kích, bảo an, chủ lực, có cố vấn Mỹ chỉ huy, liên tục mở các cuộc hành quân đánh phá, càn quét, nhất là vào căn cứ của Huyện ủy đóng ở vùng rừng Phú Thạnh Đông, nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng ở địa phương. Tuy nhiên, với tinh thần cách mạng tiến công, quyết vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, thử thách, Huyện ủy do ông làm Bí thư vẫn kiên cường bám trụ căn cứ Phú Thạnh Đông để kịp thời lãnh chỉ đạo phong trào cách mạng ở huyện nhà. Nhờ đó, quân dân huyện Đông đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, bảo vệ vững chắc căn cứ Huyện ủy, từng bước làm thất bại mưu đồ bình định của bọn chúng; đặc biệt là hầu hết các cơ quan, đoàn thể của huyện từ các địa phương bạn đã vượt sông Cửa Tiểu hoặc vượt biển trở về hoạt động trên địa bàn huyện.

Qua năm 1970, địch triển khai kế hoạch bình định phát triển ở Gò Công. Theo đó, địch tập trung đánh phá ác liệt các xã Phú Thạnh Đông, Bình Thạnh Đông và Bình Xuân thuộc huyện Đông. Bọn chúng cho các đại đội bảo an kết hợp với lính trong các đồn bót, dân vệ, biệt kích cưỡng bức quần chúng đốn cây, phá địa hình, làm cho lực lượng của gặp nhiều khó khăn về nơi ở và căn cứ.

Mặc dù chiến trường trên địa bàn huyện Đông bị địch đánh phá hết sức ác liệt; nhưng ông vẫn quyết chí bám đất, bám dân, chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng ở huyện nhà ngày càng phát triển. Tháng 4-1970, trong đợt “A” hưởng ứng chiến dịch tiến công địch trên toàn Miền, đại đội 206 bộ đội địa phương huyện phân chia thành nhiều phân đội nhỏ, gọn, kết hợp với du kích các xã tổ chức nhiều trận đánh tiêu hao, tiêu diệt bọn bình định; giải tán, tước súng bọn phòng vệ dân sự; phát động nhân dân nổi dậy, phá kềm kẹp, diệt bọn chủ ấp, cảnh sát có nợ máu với nhân dân; cảnh cáo bọn gián điệp, mật báo; trừng trị những tên ác ôn trong tổ chức Phượng Hoàng ở xóm ấp. Tháng 6-1970, trong đợt “B” phối hợp tiến công, với tư cách là Bí thư Huyện ủy, ông đã chỉ đạo cho lực lượng vũ trang của huyện tiến hành hoạt động vũ trang tuyên truyền trong một số ấp chiến lược và tấn công các toán phòng vệ dân sự, phát động nhân dân trong các ấp chiến lược đứng lên phá thế kềm kẹp của địch.

Bên cạnh đó, Huyện ủy do ông đứng đầu còn thành lập các tổ binh vận để giáo dục, động viên, vận động gia đình binh sĩ và binh sĩ bỏ ngũ, hợp tác với cách mạng, cung cấp vũ khí, tin tức, đấu tranh không đôn quân, không đổi đi nơi khác. Huyện ủy còn phát động phong trào đấu tranh của nhân dân, chống địch cào nhà, chống càn quét, bắt lính, chống cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, chống bắt gia đình cách mạng đi học nội trú, đòi trở về xóm cũ làm ăn, đòi được làm ruộng ở những nơi gần sát với căn cứ, địa hình của ta.

Để phù hợp với tình hình thực tiễn trên chiến trường, năm 1971, Tỉnh ủy Gò Công cho thành lập 4 ban cán sự vùng và thị xã. Lúc bấy giờ, ông được chỉ định giữ chức vụ Trưởng ban Cán sự thị xã Gò Công. Vào thời điểm này, thị xã Gò Công là trung tâm chính trị, quân sự và kinh tế của tỉnh Gò Công, nên địch tập trung lực lượng hùng hậu để bảo vệ sào huyệt của bọn chúng.

Tuy vậy, với tinh thần “một tấc không đi, một li không rời”, ông đã bám trụ địa bàn, động viên, giáo dục cán bộ, đảng viên kiên định lập trường, giữ vững tinh thần chiến đấu và công tác; đồng thời, cử cán bộ, đảng viên vào nội ô hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng. Từ tháng 3-1972, phối hợp với cuộc tiến công quân sự trên chiến trường toàn tỉnh trong chiến dịch tổng hợp xuân hè 1972, nhất là từ sau chiến thắng Đồng Sơn của ta vào tháng 7-1972, ông và tập thể Ban Cán sự thị xã đã chỉ đạo cho cán bộ cơ sở và nòng cốt của ta trong nội ô phát động hàng trăm gia đình binh sĩ và hàng ngàn quần chúng kéo đến dinh Tỉnh trưởng và Tiểu khu Gò Công kêu khóc, đòi gặp mặt chồng con, chửi rũa bọn chỉ huy ác ôn đã đẩy binh sĩ vào chỗ chết, đòi bồi thường nhân mạng, chống hành quân, càn quét.

Trong khi phong trào cách mạng ở thị xã Gò Công đang ngày càng phát triển, vào khoảng cuối năm 1972, ông đã anh dũng hy sinh sau một trận ném bom dữ dội của địch trúng vào căn cứ của Ban Cán sự thị xã đặt tại xã Thành Công (nay thuộc huyện Gò Công Tây).

Ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Ông là một cán bộ cách mạng trung kiên, không ngại hy sinh, gian khổ, anh dũng bám sát cơ sở, đề ra biện pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, góp công lớn trong việc thúc đẩy phong trào cách mạng ở Gò Công tiến lên. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 13; nữ: 12; Chi uỷ: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 46 công đoàn viên; nam 25; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên; nam: 01; nữ: 01; Đội thiếu niên: 1.101 đội viên; nam: 526; nữ: 575.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 25; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 43; nam: 23; nữ: 20. Cử nhân (Đại học): 37; Cử nhân (Cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 1.101; nam: 526; nữ: 575.

Tổng diện tích: 4.644 m2; diện tích sử dụng: 2.840 m2.

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà đa năng: 01; khu vệ sinh: 04.

**6. Trường Trung học cơ sở Thái Văn Nam**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Thái Văn Nam).

Địa chỉ: Ấp Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733 847 301

Trang thông tin điện tử: [http://thcsthaivannam.tiengiang.edu.vn](http://thcsthaivannam.tiengiang.edu.vn/)

Email: truongthcsthaivannam@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Kiểng Phước được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Kiểng Phước và Trường Phổ thông cấp II Kiểng Phước hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Kiểng Phước. Năm 1994, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Kiểng Phước được tách ra, hợp nhất với bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Vàm Láng để hình thành Trường Trung học cơ sở liên xã Kiểng Phước - Vàm Láng. Năm 2008, Trường Trung học cơ sở liên xã Kiểng Phước - Vàm Láng được tách ra, hình thành Trường Trung học cơ sở Kiểng Phước. Năm 2013, trường được đổi tên thành trường Trung học cơ sở Thái Văn Nam theo Quyết định số 1413/QĐ ngày 16 tháng 07 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**THÁI VĂN NAM**

**(1922 – 1970)**

Thái Văn Nam, bí danh Hai Nhân, sinh năm 1922 tại làng Tân Điền, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8-1945, ông giác ngộ và tham gia cách mạng tại xã nhà. Sau Hiệp định Genève (7-1954), do sự phân công của tổ chức, ông không đi tập kết ra miền Bắc mà ở lại Gò Công tiếp tục hoạt động. Lúc này, phong trào cách mạng ở Gò Công gặp khó khăn nghiêm trọng do sự đánh phá của chính quyền và quân đội Sài Gòn. Do đó, ông được phân công đi điều lắng ở địa phương khác.

Năm 1960, ông tham gia phong trào Đồng Khởi ở vùng Hưng Thạnh - Tân Hòa Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang). Sau đó, ông được điều động làm cán bộ Ban Tuyên - Văn - Giáo thuộc Tỉnh ủy Mỹ Tho. Năm 1964, ông là Huyện ủy viên Huyện Gò Công, Bí thư xã Tăng Hòa. Năm 1969, ông là Huyện ủy viên Huyện Đông, tỉnh Gò Công (nay là Huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), phụ trách các xã Tăng Hòa, Phước Trung và Tân Thành.

Tháng 1-1970, ông là Bí thư Huyện ủy Huyện Đông. Mặc dù bị địch liên tục càn quét, đánh phá vô cùng ác liệt, nhưng ông vẫn kiên trì bám chặt địa bàn, cùng với Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh chỉ đạo công tác xây dựng cơ sở cách mạng trong nhân dân, tổ chức đánh diệt bọn bình định, giải tán bọn phòng vệ dân sự, phá lỏng bộ máy kìm kẹp, vũ trang tuyên truyền, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và binh vận, thu tài chính, tạo thế cách mạng cho quần chúng. Nhờ vậy, phong trào cách mạng trên địa bàn huyện Đông dần dần được hồi phục.

Tháng 10-1970, trên đường đi công tác từ xã Phú Thạnh Đông về xã Tăng Hòa, do địch phục kích, ông đã anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 09; nữ: 14; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 98 đoàn viên; nam: 47; nữ: 51; Đội thiếu niên: 713 đội viên; nam: 354; nữ: 359.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 14; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 33; nam: 13; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 817; nam: 401; nữ: 416.

Tổng diện tích: 5.131 m2; diện tích sử dụng: 5.131 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt; 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**7. Trường Trung học cơ sở Võ Duy Linh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ Duy Linh).

Địa chỉ:Ấp Cầu Muống, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 946 657

Trang thông tin điện tử: <http://thcsvoduylinh.tiengiang.edu.vn/>

Email: c2voduylinh@gmai;.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Thành được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Thành và Trường Phổ thông cấp II Tân Thành hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Thành. Năm 1996, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Tân Thành được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Thành theo Quyết định số 100/QĐ.UB ngày 18 tháng 8 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 2013, trường đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Duy Linh theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**VÕ DUY LINH**

**(1919 - 1968)**

Võ Duy Linh, tên khai sinh là Võ Văn Di, sinh năm 1919 tại làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Năm 1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia đội du kích xã, rồi lần lượt giữ các chức vụ Xã đội trưởng, Huyện ủy viên kiêm Bí thư xã.

Sau khi hiệp định Genève (1954) được ký kết, ông tiếp tục làm Huyện ủy viên huyện Gò Công và được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Đây là thời kỳ chính quyền Ngô Đình Diệm được Mỹ giật dây thẳng tay khủng bố, đàn áp quần chúng. Vì thế, phong trào cách mạng ở Gò Công bị tổn thất nghiêm trọng, hàng loạt cán bộ hoặc bị địch bắt bớ, giết hại hoặc theo chủ trương của cấp trên phải “điều lắng” tạm lánh đi nơi khác.

Năm 1957, chấp hành mệnh lệnh của tổ chức, ông chuyển đổi địa bàn hoạt động lên Sài Gòn. Nhưng, với tinh thần tiến công cách mạng cao độ, không sợ hy sinh, gian khổ, chỉ một năm sau (1958), ông trở về Gò Công đang bị địch bình định trắng, kiên trì bám đất, bám dân, gầy dựng lại cơ sở cách mạng, phát động quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình, chống tố cộng, diệt cộng.

Ngày 21-01-1960, ông đại diện cho Huyện ủy Gò Công dự hội nghị triển khai Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng do Tỉnh ủy Mỹ Tho triệu tập. Tại hội nghị quan trọng này, ông được phân công nhiệm vụ phát động cuộc “Đồng khởi” ở hai huyện Gò Công (nay là huyện Gò Công Đông và thị xã Gò Công) và Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông).

Tháng 2-1960, ông trở về căn cứ Rừng Sác, thành lập Ban Cán sự Đảng hai huyện Gò Công và Hòa Đồng; trong đó Ban Cán sự Đảng huyện Gò Công do ông làm Bí thư. Cùng với tập thể Ban Cán sự, ông đã ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang cách mạng; đồng thời, lãnh chỉ đạo hai lực lượng này thực hiện liên tục các cuộc tấn công và nổi dậy trong suốt năm 1960, phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền địch ở cơ sở, chấm dứt thời kỳ thoái trào của Gò Công, mở ra bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở địa phương, tiến cùng nhịp độ phát triển trong toàn tỉnh.

Tháng 6-1961, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy Gò Công. Với trách nhiệm của mình, ông đã chỉ đạo xây dựng các cơ quan Huyện ủy, cơ sở Đảng từ huyện xuống tận xã, ấp, lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang huyện. Từ năm 1961- 1963, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, phong trào du kích chiến tranh, phá “Ấp chiến lược”, đấu tranh chính trị và công tác binh vận ở huyện Gò Công phát triển vô cùng mạnh mẽ, được Tỉnh ủy công nhận và tuyên dương là huyện có phong trào phát triển mạnh và vững chắc ở trong toàn tỉnh.

Đầu năm 1963, ông được cấp trên cử đi học; rồi được điều lên tỉnh, giữ chức vụ Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Trưởng ban An ninh tỉnh Mỹ Tho. Dưới sự chỉ đạo của ông, Ban An ninh tỉnh và các huyện được kiện toàn; và đã đập tan âm mưu chống phá cách mạng của địch bằng phương thức tình báo, gián điệp mà chúng đang ráo riết triển khai để thực hiện kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược.

Đầu năm 1964, ông được Tỉnh ủy cử trở lại Gò Công với nhiệm vụ là Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy. Trong thời kỳ ông làm Bí thư Huyện ủy, hệ thống cơ sở Đảng vẫn được giữ vững, cán bộ bám chặt trong dân, vùng giải phóng được củng cố, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, hoạt động vũ trang của bộ đội địa phương và du kích xã, ấp tiếp tục tiến lên mạnh mẽ mặc dù địch tăng cường đánh phá rất ác liệt nhằm thực hiện âm mưu biến nơi đây thành mô hình bình định kiểu mẫu của bọn chúng.

Tháng 10-1967, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Gò Công (vừa mới được tái lập theo quyết định của Khu ủy Khu 8), ông và tập thể Huyện ủy ráo riết lãnh chỉ đạo quân dân huyện nhà chuẩn bị lực lượng về mọi mặt, nhất là lực lượng vũ trang, tuyển quân, hậu cần, dân công, sẵn sàng thực hiện lệnh nổi dậy và tiến công của cấp trên.

Đúng 2 giờ ngày Mùng 2 Tết Mậu Thân (ngày 01-02-1968), theo kế hoạch của Tỉnh ủy, ông phát lệnh cho bộ đội địa phương và du kích các xã thuộc huyện Gò Công nổ súng tiến công địch trên địa bàn toàn huyện; đồng thời, chi viện cho bộ đội tỉnh tiến công vào thị xã Gò Công. Cuộc tiến công của quân dân ta nổ ra rất mãnh liệt, khiến địch bị tổn thất nặng nề, phần lớn đồn bót, tháp canh của bọn chúng đều bị ta bị tiêu diệt, các xã trên địa bàn huyện, như Tân Thành, Tân Bình Điền, Bình Ân, Bình Xuân, Phước Trung đã thành lập Ủy ban nhân dân giải phóng cấp xã.

Sau đó, ông chỉ huy lực lượng vũ trang huyện đánh địch phản kích. Ngày 16-02-1968, trên đường đi công tác, ông bị địch phục kích, anh dũng đền nợ nước tại ấp Gò Một, xã Tân Niên Đông. Được biết, ông có người em ruột là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Võ Văn Kiết. Sau năm 1975, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông; tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam: 06; nữ 17; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 01; nam: 00; nữ: 01. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 25. Đoàn thanh niên:130 đoàn viên; nam: 39; nữ: 91. Đội thiếu niên: 628 đội viên; nam: 342; nữ: 286.

Tổng số cán bộ viên chức: 36; nam: 11; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 32; nam: 10; nữ: 22. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (cao đẳng): 7; Trung cấp Y tế: 01.

Tổng số học sinh: 758; nam: 381; nữ: 377.

Tổng diện tích: 11.046,8 m2; diện tích sử dụng: 11.046,8 m2.

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt; 02 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 18; phòng thực hành thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; phòng thiết bị: 01; hội trường: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**8. Trường Trung học cơ sở Võ Văn Chỉnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ văn Chỉnh).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3840.169

Trang thông tin điện tử: thcsvovanchinh.tiengiang.edu.vn.

Email: [C2tantaygocongdong.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:C2tantaygocongdong.tiengiang@moet.edu.vn).

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Tây được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây và Trường Phổ thông cấp II Tân Tây hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Tây. Năm 1996, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Tân Tây được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Tây. Năm 2013, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Văn Chỉnh theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Uỷ ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**VÕ VĂN CHỈNH**

**(1931 – 1968)**

Võ Văn Chỉnh, tên thật là Võ Văn Quang, bí danh Sáu Quang, sinh năm 1931 tại làng Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8-1945, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở xã nhà. Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại Gò Công hoạt động. Cuối năm 1954, ông được phân công đi điều lắng ở Đồng Tháp Mười thuộc xã Tân Nhơn, huyện Mỹ An, tỉnh Kiến Tường (nay thuộc tỉnh Long An). Năm 1959, ông trở về Gò Công tiếp tục hoạt động. Lúc này, chính quyền Sài Gòn tăng cường thực hiện chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” và Luật 10/59 “đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật” nên phong trào cách mạng Gò Công gặp khó khăn nghiêm trọng. Tuy nhiên, với bản lĩnh của người chiến sĩ cộng sản trung kiên, bất khuất, ông vẫn bám chặt địa bàn và gầy dựng cơ sở cách mạng ở hai xã Tăng Hòa và Phước Trung (nay thuộc huyện Gò Công Đông). Sau đó, ông lần lượt trải qua nhiều nhiệm vụ khác nhau, rồi giữ chức vụ Huyện đội trưởng Huyện đội Gò Công.

Tháng 7-1967, ông được điều động về Tỉnh đội Gò Công, tham gia cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 ở tỉnh Gò Công. Sau đó, giữ chức vụ Tỉnh đội phó rồi Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Gò Công. Với cương vị này, ông đã chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh Gò Công liên tục đánh địch phản kích, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực của bọn chúng, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh và làm tan rã bộ máy kìm kẹp của chính quyền Sài Gòn ở cơ sở, góp phần cùng nhân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, tạo ra một bước ngoặt mới của cuộc chiến tranh, làm đảo lộn chiến lược quân sự của địch, đẩy địch quay về thế phòng ngự, bị động trên toàn chiến trường.

Giữa năm 1968, ông được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Huyện Đông (nay là huyện Gò Công Đông). Tháng 10-1968, trên đường đi công tác, ông bị địch phục kích bắn hy sinh. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được tặng thưởng 03 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có có 21 đảng viên; nam: 08; nữ: 13; Chi ủy: 05; trong đó: nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 18; Nữ: 32. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội Thiếu niên: 1.177 đội viên; nam: 558; nữ: 619.

Tổng số cán bộ, viên chức: 50; nam: 18; nữ: 32. Tổng số giáo viên 45; nam: 16; nữ: 29. Cử nhân (Đại học): 33; Cử nhân (Cao đẳng): 12.

Tổng số học sinh: 1.177; nam: 558; nữ: 619.

Tổng diện tích: 13.744,9 m2, diện tích sử dụng: 10.491m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 17; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; Khu vệ sinh: 05.

**9. Trường Trung học cơ sở Võ Văn Dánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ Văn Dánh).

Địa chỉ: ấp Giồng Tân, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3846003

Trang thông tin điện tử: thcsvovandanh.tiengiang.edu.vn

Email: [c2vovandanhgcd@tiengiang.edu.vn](mailto:c2vovandanhgcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Hòa được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Hòa và Trường Phổ thông cấp II Tân Hòa hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Hòa. Năm 1999, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Tân Hòa được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Hòa theo Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 15/6/1999 của UBND huyện Gò Công Đông. Năm 2013, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Văn Dánh theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Uỷ ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**VÕ VĂN DÁNH**

**(1931 – 1995)**

Võ Văn Dánh, bí danh Võ Văn Gò, Tư Hiếu, sinh năm 1931 tại làng Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), trong một gia đình nông dân.

Tháng 8-1945, ông tham gia cách mạng, hoạt động đoàn thể thiếu niên tại địa phương. Năm 1946, khi giặc Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công, ông gia nhập lực lượng Vệ Quốc Đoàn, chiến đấu bảo vệ quê hương. Năm 1948, ông là chiến sĩ trinh sát thuộc tiểu đoàn 305. Năm 1950, ông lần lượt đảm nhiệm chức vụ tiểu đội phó rồi tiểu đội trưởng bộ đội địa phương Gò Công. Năm 1952, trong một trận đánh, ông bị địch bắt; bọn chúng đã đem đồng đội và cả em ruột của ông ra bắn trước mặt ông để lung lạc tình thần, song ông vẫn vững vàng, mưu trí trốn thoát. Sau đó, ông liên lạc với tổ chức, được phân công làm trinh sát Tỉnh đội Mỹ Tho (còn gọi tỉnh Mỹ Tân Gò). Năm 1953, ông được đề bạt làm trung đội phó thuộc Tỉnh đội Mỹ Tho.

Sau hiệp định Genève (7-1954), ông được Đảng phân công ở lại miền Nam, phụ trách công tác bảo vệ và xây dựng căn cứ Tỉnh ủy Tân An (nay là tỉnh Long An). Năm 1955, ông được cấp trên tin cẩn giao nhiệm vụ bảo vệ cơ quan và các vị lãnh đạo của Tỉnh uỷ Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp). Trong thế bị địch kìm kẹp, bao vây, lùng sục, ông đã góp phần cùng đồng chí, đồng đội bảo vệ Tỉnh uỷ được an toàn. Năm 1961, ông công tác tại Ban Tuyên huấn tỉnh, phụ trách nhà in Cửu Long với nhiệm vụ in ấn công văn, giấy tờ, bản tin, tài liệu tuyên truyền, phục vụ cho cuộc chiến đấu của quân dân tỉnh Kiến Phong.

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”, năm 1965, ông được điều về lãnh đạo đơn vị C.279 bảo vệ cơ quan Tỉnh uỷ. Cơ quan Tỉnh uỷ là mục tiêu đánh phá số một của địch. Ông vừa giáo dục ý thức bảo mật, tinh thần chiến đấu và chịu đựng gian khổ cho toàn đơn vị, vừa vận động nhân dân đùm bọc, vừa ra sức cải tạo địa hình, địa vật, trồng cây, phát triển gài chông mìn,… để cơ quan Tỉnh uỷ chịu đựng được sự đánh phá ác liệt của địch. Với tư tưởng tấn công, ông không thụ động chờ địch đến mới đánh, mà chủ động thường xuyên cử đồng đội phối hợp du kích xã bao vây đồn bót xung quanh khu căn cứ Tỉnh ủy.

Năm 1966, trong một trận chống càn, tuy bị thương nặng và hư một mắt, nhưng ông vẫn không rời đơn vị. Căn cứ của Tỉnh uỷ Kiến Phong ở Xẻo Quýt vẫn tồn tại, an toàn trong vòng vây đồn bót, càn quét, đánh phá điên cuồng của địch. Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và xây dựng đơn vị, cũng trong năm này, ông được đề bạt sơ cấp Đảng, đại đội phó rồi đại đội trưởng đơn vị C.279.

Từ năm 1969 - 1974, ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ, như đại đội bậc trưởng, phụ trách An ninh tỉnh Kiến Phong, Chi ủy viên Ban An ninh Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Cán sự, Trưởng tiểu ban An ninh vũ trang tỉnh, Tiểu đoàn bậc phó An ninh vũ trang tỉnh. Trong thời gian này, ông đã chỉ huy đơn vị đánh thắng địch hàng chục trận, bảo vệ an toàn căn cứ và các vị lãnh đạo Tỉnh ủy, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, tiêu biểu là các chiến thắng sau đây:

Ngày 06-01-1969, 1 đại đội quân Mỹ đổ xuống đánh vào cơ quan Tỉnh uỷ đóng ở Bình Hàng Tây. Với tư tưởng “nắm thắt lưng địch mà đánh”, ông chờ lính Mỹ vào cách 5m mới ra lệnh nổ súng. Suốt ngày chịu đựng bom pháo ác liệt của quân Mỹ, ông đã chỉ huy đơn vị bám chặt công sự, đánh bật tất cả các đợt tấn công của địch. Đến tối, ông lừa địch vào hướng khác, đưa toàn bộ cơ quan Tỉnh uỷ rút lui an toàn. Trong trận này, đơn vị do ông chỉ huy đã diệt và làm bị thương 30 lính Mỹ, thu 5 khẩu súng, bắn rơi 2 chiếc trực thăng.

Trong tháng 3-1969, ông chỉ huy đơn vị đánh nhiều trận, tổng cộng diệt và làm bị thương 150 lính Mỹ, thu 10 khẩu súng, 17 máy truyền tin PRC25.

Ngày 04-10-1974, ông tổ chức phục kích, lừa địch vào vòng vây rồi mới nổ súng, bẻ gãy ý đồ của địch là đưa 4 đại đội hành quân hòng tái chiếm đồn Gốc Khế (Thanh Mỹ), diệt và bắt hàng 1 đại đội địch, thu 2 khẩu cối 60 li, 8 khẩu 12 li và nhiều quân trang, quân dụng của địch.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), ông được đề bạt trung cấp Đảng, Tiểu đoàn phó An ninh vũ trang tỉnh Kiến Phong vào tháng 7-1975. Năm 1976, ông là Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ty Công an tỉnh Đồng Tháp, góp phần to lớn vào công cuộc đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội tỉnh Đồng Tháp trong những năm đầu giải phóng. Năm 1981, ông được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đồng Tháp. Năm 1992, ông được Đảng và Nhà nước giải quyết chế độ hưu trí. Năm 1995, ông bị bệnh qua đời. Phần mộ của ông tọa lạc tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 6-11-1978, ông được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*. Ông là tấm gương sáng về lòng trung thành, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, lạc quan và tận tụy với mọi nhiệm vụ do cách mạng giao phó. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 34 đảng viên, nam: 09; nữ: 25; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 67; nam: 23; nữ: 44. Đoàn thanh niên: 138 đoàn viên; nam: 41; nữ: 97. Đội thiếu niên: 1.392 đội viên; nam: 704; nữ: 688.

Tổng số cán bộ, viên chức: 67; nam: 23; nữ: 44. Tổng số giáo viên: 60; nam: 21; nữ: 39. Cử nhân (đại học): 55; Cử nhân (cao đẳng): 12.

Tổng số học sinh: 1.513; nam: 730; nữ: 783.

Tổng diện tích: 20.714,3 m2 ; diện tích sử dụng: 11.393 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 22; phòng khoa học tự nhiên: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; phòng khoa học xã hội: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng mĩ thuật: 01; phòng công nghệ: 01; thư viện: 01; phòng y tế: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; Khu vệ sinh: 06.

**10. Trường Trung học cơ sở Võ Văn Kiết**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ Văn Kiết).

Địa chỉ: Ấp Trung, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trang thông tin điện tử:

Email: c2vovankietgcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Điền được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Điền và Trường Phổ thông cấp II Tân Điền hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Điền. Năm 1999, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Tân Điền được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Điền. Năm 2012, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Văn Kiết theo Quyết định số 397/ QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

# VÕ VĂN KIẾT

**(1929 – 1968)**

Võ Văn Kiết, bí danh Mười Quốc, sinh năm 1929 tại làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Năm 1946, ông tham gia cách mạng, làm liên lạc và du kích xã. Năm 1950, ông giữ chức Xã đội trưởng. Năm 1952, ông bị địch bắt, đày đi Côn Đảo. Ở trong tù, ông luôn tỏ rõ khí tiết cao cả của người chiến sĩ cộng sản, không bao giờ chịu khuất phục trước nhục hình tra tấn của địch.

Sau hiệp định Genève (7-1954), ông được trao trả ở Giá Rai (Bạc Liêu); rồi trở về Gò Công hoạt động. Năm 1958, do địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng, theo chủ trương của cấp trên, ông tự “điều lắng” sang Bà Rịa và thành lập ở đây một tổ Đảng, hoạt động bí mật. Tháng 5-1959, ông bị địch bắt; nhưng do bọn chúng sơ hở, nên ông trốn thoát được. Sau đó, ông trở về Gò Công hoạt động đơn tuyến.

Tháng 2-1960, ông bắt liên lạc được với một số cán bộ còn lại của Gò Công, tham gia thành lập Ban Cán sự Đảng hai huyện Gò Công, Hòa Đồng và căn cứ Rừng Sác. Tháng 6-1961, ông được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy Gò Công phụ trách quân sự, tham gia chỉ đạo cao trào “Đồng khởi” của nhân dân huyện nhà.

Đến khi Huyện đội được thành lập, ông nhận thêm nhiệm vụ làm Chính trị viên Huyện đội. Ở cương vị này, ông đã tích cực xây dựng cơ quan Huyện đội, cơ sở quân y, công trường sản xuất vũ khí; tổ chức lực lượng du kích tự vệ xã, ấp và lực lượng quân sự tập trung của huyện (đơn vị 206); phát triển phong trào chiến tranh du kích, tấn công địch giữ vững thế cách mạng, tạo nên những chiến công hiển hách. Đầu năm 1963, ông được bầu làm Bí thư Huyện ủy Gò Công.

Dưới sự lãnh chỉ đạo của Huyện ủy, do ông làm Bí thư, phong trào du kích chiến tranh và phá “Ấp chiến lược” ở Gò Công phát triển rất mạnh mẽ. Đến cuối năm 1963, hầu hết vùng nông thôn ở Gò Công đều thuộc quyền kiểm soát của chính quyền cách mạng; toàn bộ hệ thống ấp chiến lược của địch bị phá banh, phá rã; và trở thành xã, ấp chiến đấu của ta (huyện có 15/15 xã chiến đấu, 75/132 ấp chiến đấu); chính sách bình định của địch bị thất bại nặng nề ở Gò Công. Với thành tích này, tại hội nghị tổng kết đánh phá ấp chiến lược được tổ chức vào tháng 9-1963, Khu ủy Khu 8 đã đánh giá tỉnh Mỹ Tho là lá cờ đầu trong toàn khu, huyện Gò Công là lá cờ đầu trong toàn tỉnh Mỹ Tho. Về phong trào du kích chiến tranh, tại hội nghị tổng kết do Tỉnh ủy tổ chức vào tháng 12-1963, huyện Gò Công được đánh giá lập thành tích xuất sắc; đồng thời, tại hội nghị, các xã Tân Bình Điền, Long Thuận, An Hòa, Kiểng Phước đã được Tỉnh ủy trao tặng Bằng khen.

Do huyện có thành tích nổi bật, với tư cách là Bí thư Huyện ủy, ông vinh dự được thay mặt tỉnh Mỹ Tho, báo cáo kinh nghiệm của Gò Công về phong trào phá “Ấp chiến lược” trong Hội nghị tổng kết phong trào du kích chiến tranh do Trung ương Cục miền Nam tổ chức vào đầu năm 1964. Tại Hội nghị, Quân ủy Miền đã tuyên dương và trao tặng lực lượng vũ trang tỉnh Mỹ Tho Huân chương Quân công hạng nhất. Trong thành tích chung của toàn tỉnh, huyện Gò Công đã có những đóng góp xuất sắc.

Tháng 2-1964, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên, Chính trị viên phó Tỉnh đội Mỹ Tho. Năm 1965, ông được cử đi học lớp đào tạo cán bộ quân sự trung cao do Bộ Chỉ huy Quân sự Miền mở; rồi trở về, làm Tiểu đoàn trưởng kiêm Chính trị viên tiểu đoàn 514 tỉnh. Dưới sự chỉ huy tài ba của ông, tiểu đoàn 514 đã liên tục tiến công địch, giành được những chiến thắng giòn giã trên chiến trường Mỹ Tho; như tháng 6-1966, ông chỉ huy tiểu đoàn tập kích trường huấn luyện hạ sĩ quan quân đội Sài Gòn ở Tân Hiệp (huyện Châu Thành) và Dinh quận Cái Bè, tiêu diệt và làm bị thương khoảng 100 lính địch, trong đó có quận trưởng và 1 cố vấn Mỹ, thu nhiểu vũ khí; cuối năm 1966, ông chỉ huy tiểu đoàn đánh diệt 1 trung đội lính Mỹ ở gần căn cứ Đồng Tâm (xã Bình Đức, huyện Châu Thành); sau đó, tiếp tục tập kích, tiêu diệt 1 chi đội xe bọc thép M.113; trên đường trở về căn cứ, đơn vị đụng 1 đại đội biệt kích Mỹ, ông đã bình tỉnh chỉ huy chiến đấu, diệt hàng chục tên; năm 1967, ông chỉ huy tiểu đoàn tập kích Sở chỉ huy Lữ đoàn 2, Sư đoàn 9 Mỹ, diệt và làm bị thương khoảng 200 lính địch; tháng 3-1968, ông chỉ huy đơn vị chống càn ở xã Long Bình Điền (huyện Chợ Gạo), bắn rơi 9 máy bay trực thăng nhất là trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Đầu tháng 5-1968, ông được đề bạt làm Trung đoàn phó Trung đoàn 2 Quân khu 8.

Ngày 10-5-1968, ông đã anh dũng hy sinh trong khi đang chỉ huy đơn vị đánh địch phản kích tại xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo. Ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Ngày 20-12-1994, ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông; tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 05; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 24 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02. Đội thiếu niên: 409 đội viên; nam: 201; nữ: 208.

Tổng số cán bộ, viên chức: 24; nam: 08; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 20; nam 06; nữ: 14. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 20; cử nhân (cao đẳng): 03.

Tổng số học sinh: 435; nam 216; nữ: 219.

Tổng diện tịch: 5.780 m2; diện tích sử dụng: 5.780 m2.

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu’ phòng làm việc: 07; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:**

**1. Trường Tiểu học Bình Nghị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Nghị).

Địa chỉ: Ấp Hòa Bình, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.846105

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1binhnghigcd@tiengiang.edu.vn](mailto:c1binhnghigcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Nghị được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Nghị và Trường Phổ thông cấp II Bình Nghị hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Nghị. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Bình Nghị 1 và Trường Tiểu học Bình Nghị 2. Năm 2019, Trường Tiểu học Bình Nghị 1 và Trường Tiểu học Bình Nghị 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Nghị theo Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Nghị.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 04; nữ: 21; Chi ủy: 05; nam: 00; nữ: 05. Ban giám hiệu : 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn:30 công đoàn viên; nam: 05; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 01 đoàn viên; nam: 01. Đội thiếu niên: 392 đội viên; nam: 211; nữ: 181.

Tổng số cán bộ, viên chức : 30; nam: 05; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 28; nam: 05; nữ: 23. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 05.

Tổng số học sinh : 598; nam: 321; nữ: 277.

Tổng diện tích : 7.734,8m2; diện tích sử dụng : 4.108,8m2.

Trường có 03 dãy lầu, 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nghìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện : 01; phòng thiết bị : 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 04.

**2. Trường Tiểu học Gia Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Gia Thuận).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 02733840425

Trang thông tin điện tử: [http://thgiathuan.pgdgocongdong.edu.vn](http://thgiathuan.pgdgocongdong.edu.vn/)

Email: c1giathuangcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Gia Thuận được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Gia Thuận và Trường Phổ thông cấp II Gia Thuận hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Gia Thuận. Sau đó, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Gia Thuận theo Quyết định số 603/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Gia Thuận.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 09; nữ 10; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 362 đội viên; nam: 195; nữ: 167.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 12; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 24; nam: 11, nữ: 13. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 565; nam: 306; nữ: 259.

Tổng diện tích: 12.242,4 m2; diện tích sử dụng: 5.170,4 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc và hỗ trợ: 12; phòng học: 21, gồm: phòng Tin học: 01, phòng Anh văn: 01, phòng Âm nhạc: 01, phòng Khoa học - Công nghệ: 01, phòng Mĩ thuật: 01, phòng học 2 buổi/ngày: 16; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; sân bóng mini: 01; khu vệ sinh: 04.

**3. Trường Tiểu học Kiểng Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Kiểng Phước).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733847469

Trang thông tin điện tử:

Email: [C1kiengphuoc1gcd@tiengiang.edu.vn](mailto:C1kiengphuoc1gcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Kiểng Phước được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Kiểng Phước và Trường Phổ thông cấp II Kiểng Phước hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Kiểng Phước. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Kiểng Phước 1 và Trường Tiểu học Kiểng Phước 2. Năm 2022, Trường Tiểu học Kiểng Phước 1 và Trường Tiểu học Kiểng Phước 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Kiểng Phước theo Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Kiểng Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 33 đảng viên; nam: 09; nữ: 24; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 54 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 03; nữ: 04. Đội thiếu niên: 719 đội viên; nam: 336; nữ: 383.

Tổng số cán bộ, viên chức: 54; nam: 14; nữ: 40. Cử nhân (đại học): 47; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 1.184; nam: 579; nữ: 605.

Tổng diện tích: 17.228 m2; diện tích sử dụng: 11.000 m2

Trường có 05 dãy lầu, gồm 03 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 34; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nghìn: 00; phòng máy tính: 03; thư viện: 01; phòng thiết bị: 02 phòng; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; Khu vệ sinh: 05.

**4. Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tư**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thị Tư).

Địa chỉ: Ấp Chợ Bến, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733948458

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1nguyenthitugcd@tiengiang.edu.vn](mailto:c1nguyenthitugcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Ân được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Ân và Trường Phổ thông cấp II Bình Ân hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Ân. Năm 1992, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Bình Ân. Năm 2011, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tư theo Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN THỊ TƯ**

**(1925 – 2001)**

Nguyễn Thị Tư, bí danh là Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Hòa (Sáu Hòa), sinh năm 1925 tại làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống yêu nước.

Tháng 8-1945, bà cùng chồng là ông Trương Văn Đẩu tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Gò Công. Năm 1947, bà giữ chức vụ Phó Hội trưởng Hội Phụ nữ xã Bình Ân. Sau đó, bà được đề bạt làm Phó Hội trưởng Hội Phụ nữ thị xã Gò Công (tỉnh Gò Công). Năm 1951, tỉnh Gò Công hợp nhất với hai tỉnh Mỹ Tho và Tân An thành tỉnh Mỹ Tân Gò; và khi đó, Gò Công trở thành huyện. Lúc này, bà là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Phụ nữ huyện Gò Công.

Năm 1954, sau khi tiễn chồng tập kết ra miền Bắc, bà ở lại quê nhà, vừa nuôi hai mẹ già (mẹ ruột và mẹ chồng) và sáu người con nhỏ, vừa tiếp tục tham gia công tác cách mạng trong sự theo dõi gắt gao của địch. Sau đó, bà được tham dự khóa học Hiệp định Genève (1954) do Huyện ủy tổ chức và được phân công về giữ chức vụ Phó Bí thư Xã ủy xã Bình Ân. Tại đây, bà đã mở tiệm buôn bán nhỏ nhằm mưu sinh và tạo thế hợp pháp, công khai để hoạt động. Đồng thời, bà còn tổ chức các gia đình cơ sở ở Xóm Bến, Xóm Dinh, Gò Me thuộc xã Bình Ân tiến hành đào hầm bí mật, nuôi dưỡng, che giấu cán bộ cách mạng.

Năm 1957, bà bị địch bắt tại Gò Công. Trải qua hai khám đường Gò Công và Mỹ Tho, mặc dù bị địch tra tấn dã man, nhưng bà vẫn giữ vững khí tiết, một mực trung thành với Đảng và nhân dân, kiên quyết không khai báo. Do không có đủ chứng cứ để buộc tội, nên năm 1958, địch buộc phải trả tự do cho bà. Sau khi ra tù, do địch tăng cường khủng bố những gia đình kháng chiến ở Gò Công, nên bà được cấp trên điều về Sài Gòn, làm nhiệm vụ gầy dựng các trạm giao liên để móc nối đường dây liên lạc cho các đồng chí lãnh đạo tỉnh Gò Công. Năm 1959, đường dây giao liên do bà phụ trách bị địch phát hiện, nên bà được tổ chức chuyển giao công tác cho các đơn vị thuộc Khu Sài Gòn - Gia Định. Tại đây, bà được phân công làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở cách mạng trong nội ô Sài Gòn và Chợ Lớn.

Năm 1960, do hoạt động bị lộ, bà được bố trí thoát ly vào vùng căn cứ Hố Bò (nay thuộc huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh) cùng với hai người con gái là Trương Mỹ Lệ và Trương Mỹ Hoa. Tại đây, bà công tác tại Hội Liên hiệp học sinh - sinh viên giải phóng Khu Sài Gòn - Gia Định và được phân công làm nhiệm vụ nuôi quân cho các lớp học được tổ chức dành cho cán bộ, cơ sở từ nội thành vào căn cứ học tập, huấn luyện.

Sau đó, bà được điều động về vùng ven thuộc ấp Trảng Lắm, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi phụ trách bộ phận giao liên công khai làm nhiệm vụ đưa, rước cán bộ và cơ sở ra, vào căn cứ; phát hành tài liệu, báo chí, chuyển thư từ, công văn chỉ đạo từ căn cứ vào nội thành và nhận báo cáo từ nội thành vào căn cứ.

Năm 1963, bà được phân công phụ trách căn cứ của bộ phận Tuyên huấn thuộc Hội Thanh niên giải phóng Sài Gòn - Gia Định đóng tại núi Thị Vải, núi Dinh (nay thuộc huyện tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) kiêm Bí thư Chi bộ cơ quan. Địa điểm đóng căn cứ là vùng rừng núi, ít người qua lại, do đó việc xây dựng cơ sở có nhiều khó khăn. Nhưng với quyết tâm cao và làm tốt công tác quần chúng, bà đã xây dựng được các cơ sở giao liên, trong đó có cả người dân địa phương và các sư cô, tu sĩ Phật giáo ở các chùa, am, làm thành mạng lưới bàn đạp chắn chắn và an toàn, để tổ chức hàng năm 2 lớp học với hàng trăm học viên từ nội thành vào căn cứ học tập, làm việc; đồng thời, chuyển giao thư từ, công văn chỉ đạo công tác, các loại sách báo, tài liệu tuyên truyền, vũ khí,… từ căn cứ vào nội thành. Năm 1964, bà được tổ chức cho đi học lớp đào tạo cán bộ do Khu ủy Sài Gòn - Gia Định tổ chức.

Năm 1965, bà là Ủy viên Ban Quân sự kiêm Trưởng ban Hậu cần thuộc Khu đoàn Sài Gòn - Gia Định. Với trách nhiệm được giao, bà đã tích cực xây dựng lực lượng, giao liên, chiến sĩ biệt động bao gồm hàng trăm cán bộ, cơ sở với các nhóm giao liên, bàn đạp nối liền nội thành với căn cứ; nhóm vận chuyển nhận và giao vũ khí, chất nổ, tổ chức nghi trang che giấu địch; nhóm giữ và quản lý kho.

Theo đó, từ nguồn kinh phí do cấp trên cấp, bà đã mua và sử dụng 13 căn nhà để làm kho vũ khí với bình phong là cơ sở kinh doanh, buôn bán, sản xuất.

Đồng thời, để đưa vũ khí từ căn cứ vào nội thành, tùy theo tình hình cụ thể của từng thời kỳ, bà đã sáng tạo ra nhiều phương thức vận chuyển rất linh hoạt, an toàn và hiệu quả. Nhờ đó, dưới sự chỉ huy dũng cảm, mưu trí và năng động của bà, từ năm 1965 trở đi, Ban Hậu cần thuộc Thành đoàn Sài Gòn - Gia Định đã vận chuyển vào nội thành Sài Gòn một số lượng lớn vũ khí, phục vụ đắc lực cho các trận đánh táo bạo, quyết tử của lực lượng biệt động Thành đoàn và Quân khu Sài Gòn - Gia Định.

Năm 1971, trên đường đi công tác từ căn cứ vào nội thành Sài Gòn, bà bị địch bắt. Ở trong tù, bà bị địch dùng đủ mọi cực hình tra tấn; nhưng cuối cùng, bọn chúng đã bất lực trước ý chí kiên trung, bất khuất của bà, không khai thác được gì. Tháng 5-1973, theo hiệp định Paris, bà được chính quyền Sài Gòn trao trả cho chính quyền Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại sông Thạch Hãn (tỉnh Quảng Trị). Tháng 6-1973, bà được điều chuyển ra miền Bắc, công tác tại Trạm Tiếp đón T72 ở Sầm Sơn (tỉnh Thanh Hóa). Năm 1974, bà tham gia đoàn cán bộ Quân khu Sài Gòn - Gia Định tổng kết công tác võ trang (đặc công, biệt động) của Quân khu tại thủ đô Hà Nội.

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975), bà trở về TP Hồ Chí Minh công tác. Tháng 8-1975, từ Bộ Tư lệnh đặc công, bà được chuyển về Bộ Chỉ huy Quân sự TP Hồ Chí Minh. Sau đó, bà chuyển ngành, công tác tại Ban Tổ chức thuộc Liên đoàn lao động TP Hồ Chí Minh. Với tác phong quần chúng, gần gũi với các tầng lớp nhân dân lao động, bà đã góp phần vận động xây dựng tổ chức công đoàn còn mới mẽ ở cơ sở. Đặc biệt, bà đã tình nguyện xuống huyện Cần Giờ (khi mới sáp nhập về thành phố) để xây dựng phong trào công nhân và tổ chức công đoàn ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

Năm 1981, bà được nghỉ hưu. Tuy nhiên, bà vẫn không ngừng làm việc. Bà nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội ở Phường 6, Quận 3 (TP Hồ Chí Minh); đồng thời, là thành viên tích cực trong Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ truyền thống kháng chiến và Câu lạc bộ truyền thống vũ trang biệt động TP Hồ Chí Minh. Bà còn tự mình tổ chức các cơ sở sản xuất để tạo ra sản phẩm cho xã hội, giải quyết việc làm cho thanh niên nghèo, con em gia đình chính sách, bộ đội phục viên và tham gia nhiều công tác xã hội, từ thiện, như cấp học bổng và tặng xe đạp cho học sinh nghèo, nuôi dưỡng con em liệt sĩ, tham gia vận động kinh phí đóng góp xây dựng 5 ngôi trường ở vùng căn cứ kháng chiến cũ, như Củ Chi (TP Hồ Chí Minh), Đức Hòa (tỉnh Long An), Bến Tre,…

Năm 2001, bà bị bệnh mất tại TP Hồ Chí Minh. Trong quá trình hoạt động cách mạng, bà được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều huân, huy chương, như:

- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất.

- Huân chương Quyết thắng hạng nhất.

- Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng ba.

- Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

- Huy chương Vì thế hệ trẻ.

- Huy chương Vì sự nghiệp Công đoàn.

- Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

- Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh.

Được biết, cả gia đình bà đều tham gia cách mạng; chồng của bà nhà cách mạng nổi tiếng Trương Văn Đẩu, trong số những người con của bà có bà Trương Mỹ Hoa giữ chức Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

Ngày 17-4-2010, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Bà là một nữ cán bộ cách mạng tài đức vẹn toàn, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân; năng nỗ, dũng cảm, sáng tạo, mưu trí, linh hoạt trong công tác; luôn nỗ lực, phấn đấu, vượt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; quan tâm đến đời sống của nhân dân, nhất là người lao động; hiếu thảo với cha mẹ; một lòng chung thủy với chồng; ra sức nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con cái trở thành những cán bộ cách mạng trung kiên; xứng đáng với truyền thống của nữ giới Việt Nam: anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang. Tên bà được đặt tên trường tiểu học ở xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 06; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01, nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 427 đội viên; nam: 203; nữ: 224.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 08, nữ: 27. Tổng số giáo viên: 32; nam: 08; nữ: 24. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân(Cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 720; nam: 374; nữ: 346.

Tổng diện tích: 8.422 m2 ; diện tích sử dụng: 5.821m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng công nghệ: 01; phòng thiết bị: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 03; khu vệ sinh: 03.

**5. Trường Tiểu học Phước Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phước Trung).

Địa chỉ: Ấp Thanh Nhung, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3560729

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1phuoctrung1gcd@tiengiang.edu.vn](mailto:c1phuoctrung1gcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Phước Trung được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Phước Trung và Trường Phổ thông cấp II Phước Trung hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Phước Trung. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Phước Trung 1 và Trường Tiểu học Phước Trung 2. Năm 2020, Trường Tiểu học Phước Trung 1 và Trường Tiểu học Phước Trung 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Phước Trung theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phước Trung.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 31 đảng viên; nam: 10; nữ: 21; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 42 công đoàn viên; nam: 13; nữ 29. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 388 đội viên; nam: 187; nữ: 201.

Tổng số cán bộ, viên chức: 42; nam: 13, nữ: 29. Tổng số giáo viên: 37; nam: 11; nữ: 26. Cử nhân (Đại học): 35; Cử nhân (Cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 02

Tổng số học sinh: 869; nam: 426; nữ: 443

Tổng diện tích: 11.995,4 m2 ; diện tích sử dụng: 5.512m2.

Trường có 04 dãy phòng, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 25; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

**6. Trường Tiểu học Tân Điền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Điền).

Địa chỉ: Ấp Trung, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733948019

Trang thông tin điện tử: thtandien.pgdgocongdong.edu.vn

Email: tieuhoctandien@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Điền được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Điền và Trường Phổ thông cấp II Tân Điền hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Điền. Sau đó, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Tân Điền theo Quyết định số 596/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Điền.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 07 ;nữ: 12; Chi ủy: 01; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên; nam: 03; nữ: 12. Đội thiêu niên: 379 đội viên; nam: 186; nữ: 193.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 11; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 28; nam: 09; nữ: 17. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân (Cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 01; Y sĩ đa khoa: 01.

Tổng số học sinh: 622; nam: 301; nữ: 321.

Tổng diện tích sử dụng: 6.234,4 m²; diện tích sử dụng: 1.649 m².

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng tin học: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 01; hồ bơi: 01; khu vệ sinh: 02.

**7. Trường Tiểu học Tân Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Đông).

Địa chỉ: Ấp Gò Táo, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733840640

Trang thông tin điện tử:

Email: [c1tandong1gcd@tiengiang.edu.vn](mailto:c1tandong1gcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp I Tân Đông được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Đông và Trường Phổ thông cấp II Tân Đông hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Đông. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Tân Đông 1 và Trường Tiểu học Tân Đông 2. Năm 2019, Trường Tiểu học Tân Đông 1 và Trường Tiểu học Tân Đông 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Đông theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 08; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam 14; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 427 đội viên; nam: 203; nữ: 224.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 14, nữ: 21. Tổng số giáo viên: 30; nam: 11; nữ: 19. Cử nhân (Đại học): 29; Cử nhân (Cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 684; nam: 329 ; nữ: 355.

Tổng diện tích: 14.447,4 m2; diện tích sử dụng: 2.512 m2.

Trường có 05 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 03; thư viện: 02; sân chơi: 03; khu thể thao: 03; khu vệ sinh: 03.

**8. Trường Tiểu học Tân Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hòa).

Địa chỉ: Khu phố Xóm Gò, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3846105

Trang thông tin điện tử: http://thtanhoa.pgdgcd.edu.vn

Email: c1tanhoagcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Hòa được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Hòa và Trường Phổ thông cấp II Tân Hòa hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Hòa. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Tân Hòa 1 và Trường Tiểu học Tân Hòa 2. Năm 2019, Trường Tiểu học Tân Hòa 1 và Trường Tiểu học Tân Hòa 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Hòa theo Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Tân Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 07; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01, nữ 01. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02. Đội thiếu niên: 449 đội viên, nam: 240, nữ: 209.

Tổng số cán bộ, viên chức: 36; nam 11; nữ 25. Tổng số giáo viên: 31; nam: 10; nữ:21. Cử nhân (Đại học): 32; Cử nhân (Cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp y tế: 01.

Tổng số học sinh: 726; nam: 380; nữ: 346.

Tổng diện tích: 10.932,6 m2; diện tích sử dụng: 3.552 m2

Trường có 04 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 13; phòng học: 25; phòng bộ môn: 08; nhà đa năng: 01; sân chơi: 02; nhà ăn: 01; nhà bếp: 01; khu vệ sinh: 06.

**9. Trường Tiểu học Tân Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phước).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733840756

Trang thông tin điện tử:

Email: c1tanphuoc1gocongdong.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Phước được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Phước và Trường Phổ thông cấp II Tân Phước hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Phước. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Tân Phước 1 và Trường Tiểu học Tân Phước 2. Năm 2022, Trường Tiểu học Tân Phước 1 và Trường Tiểu học Tân Phước 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Phước theo Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 11; nữ: 15; Chi ủy: 06; nam: 03; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 52 công đoàn viên; nam: 24; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 04; nữ: 03; Đội thiếu niên: 742 đội viên; nam: 398; nữ: 344.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam 24; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 47; nam: 22; nữ: 25. Cử nhân (Đại học): 45; Cử nhân (Cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 1.141; nam: 594; nữ: 547.

Tổng diện tích: 13.022,5 m2; diện tích sử dụng: 11.669,5 m2

Trường có 03 dãy lầu, một dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 18; phòng học: 33; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

**10. Trường Tiểu học Tân Tây 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Tây) + Chữ số (1).

Địa chỉ : Ấp 5, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại : 02733.846017

Trang thông tin điện tử : thtantay1.pgdgocongdong.edu.vn

Email : [c1tantay1.gocongdong.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1tantay1.gocongdong.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây và Trường Phổ thông cấp II Tân Tây hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Tây. Năm 1993, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học số 1 Tân Tây và Trường Tiểu học số 2 Tân Tây theo Quyết định số 18/QĐ.UB ngày 14 tháng 08 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 1998, Trường Tiểu học số 1 Tân Tây được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Tây 1 theo Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Tây.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 09; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 37 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 11 đoàn viên; nam 02; nữ: 09; Đội thiếu niên: 332 đội viên; nam: 162; nữ: 170.

Tổng số cán bộ, viên chức: 37; nam: 12; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 32; nam: 10; nữ: 22. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (Đại học): 31; Cử nhân (Cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp thư viện: 01; Trung cấp Y tế: 01.

Tổng số học sinh: 737; nam: 363 ; nữ: 374.

Tổng diện tích : 10.385m2; diện tích sử dụng: 10.385m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi : 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**11. Trường Tiểu học Tân Tây 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Tây) + Chữ số (2).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273 3840171

Trang thông tin điện tử: [http://thtantay2.pgdgocongdong.edu.vn](http://thtantay2.pgdgocongdong.edu.vn/)

Email: [c1tantay2gcd@tiengiang.edu.vn](mailto:c1tantay2gcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây và Trường Phổ thông cấp II Tân Tây hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Tây. Năm 1993, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học số 1 Tân Tây và Trường Tiểu học số 2 Tân Tây theo Quyết định số 18/QĐ.UB ngày 14 tháng 08 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 1998, Trường Tiểu học số 2 Tân Tây được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Tây 2 theo Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Tây.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 03; nữ: 10; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 02 ; nữ: 05. Đội thiếu niên: 384 đội viên; nam: 181; nữ: 203.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 08 ; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 26; nam: 06; nữ: 20. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 600; nam: 302; nữ: 298.

Tổng diện tích: 5.529,9 m2 ; diện tích sử dụng: 1.405,5 m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**12. Trường Tiểu học Tân Thành 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thành) + Chữ số (1).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại:02733943014

Trang thông tin điện tử: http://thtanthanh1.tiengiang.edu.vn

Email: [C1tanthanh1gcd@tiengiang.edu.vn](mailto:C1tanthanh1gcd@tiengiang.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Thành được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Thành và Trường Phổ thông cấp II Tân Thành hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Thành. Sau đó, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học số 1 Tân Thành và Trường Tiểu học số 2 Tân Thành. Năm 1998, Trường Tiểu học số 1 Tân Thành được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Thành 1 theo Quyết định số 600/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thành.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 02; nữ: 09; Chi Ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 05; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 00; nữ: 06. Đội thiếu niên: 254 đội viên; nam: 77; nữ: 177.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 05; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 18; nam: 04; nữ: 14. Cử nhân (Đại học): 19; Cử nhân (Cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 433; nam: 231; nữ: 202.

Tổng diện tích: 11.229,3 m2; diện tích sử dụng: 7.422 m2.

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 14; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**13. Trường Tiểu học Tân Thành 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thành) + Chữ số (2).

Địa chỉ: Ấp Cầu Muống, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733946016

Trang thông tin điện tử: thtanthanh2.pgdgocongdong.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Thành được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Thành và Trường Phổ thông cấp II Tân Thành hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Thành. Sau đó, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học số 1 Tân Thành và Trường Tiểu học số 2 Tân Thành. Năm 1998, Trường Tiểu học số 2 Tân Thành được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Thành 2 theo Quyết định số 601/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thành.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 07; nữ: 09; Chi ủy: 04; trong đó nam: 02; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 20. Đội Thiếu niên: 428 đội viên; nam: 225; nữ: 203.

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 11; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 28; nam: 09; nữ: 19. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (Đại học): 22; Cử nhân (Cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 08.

Tổng số học sinh: 666; nam: 346; nữ: 320.

Tổng diện tích: 10.870 m²; diện tích sử dụng: 10.870 m²

Trường có 02 dãy trệt và 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

**14. Trường Tiểu học Vàm Láng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Vàm Láng).

Địa chỉ: Khu phố Chợ 1, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733840756

Trang thông tin điện tử:

Email:c1vamlanggocongdong.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Vàm Láng được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Vàm Láng và Trường Phổ thông cấp II Vàm Láng hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Vàm Láng. Sau đó, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Vàm Láng 1 và Trường Tiểu học Vàm Láng 2. Năm 2022, Trường Tiểu học Vàm Láng 1 và Trường Tiểu học Vàm Láng 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Vàm Láng theo Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Vàm Láng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 38 đảng viên; nam: 13; nữ: 25; Chi ủy: 06; nam: 05; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 56 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 19 đoàn viên; nam: 10; nữ: 09. Đội thiếu niên: 759 đội viên; nam: 390; nữ: 369.

Tổng số cán bộ, viên chức: 56; nam: 21; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 49; nam: 10; nữ: 39. Cử nhân (Đại học): 40; Cử nhân (Cao đẳng) : 02; Trung học sư phạm: 05; Trung cấp: 02

Tổng số học sinh: 1.192; nam: 540; nữ: 652.

Tổng diện tích: 13.016,5 m2; diện tích sử dụng: 11.566,5 m2.

Trường có 03 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 02 dãy, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 18; phòng học: 36; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh : 08.

**15.** **Trường Tiểu học Võ Thị Lớ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Võ Thị Lớ).

Địa chỉ: Âp Giồng Đình, xã Tăng Hoà, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733846069

Trang thông tin điện tử: thvothilo.pgdgocongdong.edu.vn

Email: C1tanghoagocongdong.tiengiang@ moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tăng Hòa được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Tăng Hòa và Trường Phổ thông cấp II Tăng Hòa hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tăng Hòa. Năm 1992, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Hoà. Năm 1998, đổi tên thành Trường Tiểu học số 3 Tân Hoà. Năm 2002, đổi tên thành Trường Tiểu học Tăng Hoà. Năm 2013, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Võ Thị Lớ theo Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

# VÕ THỊ LỚ

**(1950 – 1969)**

Võ Thị Lớ sinh năm 1950 tại làng Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Năm 1968, bà giác ngộ cách mạng; và được cấp trên phân công làm giao liên cho Ban An ninh thị xã Gò Công. Dưới vỏ bọc hợp pháp là một thợ may ở thị xã Gò Công, bà luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được cấp trên giao phó, mặc dù điều kiện công tác rất nguy hiểm, bởi vì, lúc bấy giờ, Gò Công là địa bàn bình định trọng điểm của địch, cơ sở cách mạng bị đánh phá vô cùng ác liệt.

Đầu năm 1969, mạng lưới giao liên của Ban An ninh thị xã bị địch phát hiện. Vì thế, bà được chuyển sang làm giao liên bán công khai. Đây là công tác khó khăn và nguy hiểm hơn gấp nhiều lần so với việc làm giao liên hợp pháp khi bà mới vừa tham gia cách mạng. Tuy các ngả đường ở Gò Công khi ấy giăng đầy cảnh sát, mật thám, chỉ điểm; nhưng bà đã chuyển tuyệt đối an toàn tài liệu, vũ khí từ căn cứ của Tỉnh ủy Gò Công đóng ở Đồng Ninh B (còn gọi là Đồng Sơn Xép, nay thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) vào thị xã Gò Công và ngược lại.

Sáng sớm ngày 5-8-1969, địch huy động lực lượng Sư đoàn 7 và các tiểu đoàn địa phương quân thuộc Tiểu khu Gò Công ồ ạt tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy Gò Công ở xã Đồng Sơn. Mới tờ mờ sáng, máy bay và pháo binh của địch đã thi nhau ném bom, bắn phá ác liệt vào ấp Đồng Ninh B. Khi đó, chỉ huy việc bảo vệ căn cứ là ông Trần Thanh Tâm, Trưởng ban An ninh thị xã, ra lệnh cho các chiến sĩ trong Đội An ninh võ trang hướng dẫn các vị lãnh đạo xuống hầm bí mật tránh địch. Bà ẩn nấp trong căn hầm thứ hai cùng với hai người nữa.

Ngay sau khi bom pháo vừa dứt, địch chia nhiều cánh quân hùng hổ tràn vào; trong đó có một cánh quân tiến ngay vào nơi có các hầm bí mật. Do có chỉ điểm nên địch phát hiện được căn hầm thứ nhất và căn hầm thứ hai. Sau khi phát loa gọi hàng không kết quả, bọn lính tập trung hỏa lực các cỡ bắn xối xả vào nắp hai căn hầm.

Trước tình thế đã bị lộ, các chiến sĩ của ta lập tức xông lên chiến đấu; nhưng đều anh dũng hi sinh. Riêng bà bị bắt sống. Thấy bà còn trẻ, địch hy vọng có thể đe dọa, mua chuộc hoặc trấn áp tinh thần để khai ra vị trí hầm của lãnh đạo, chỉ huy. Chúng bắn 2 đồng đội của bà ngay bên miệng hầm để uy hiếp tinh thần. Uy hiếp tinh thần không được, chúng chuyển sang dụ dỗ, rồi đến tra tấn dã man.

Tuy bị địch đánh đập rất tàn bạo, nhưng với tinh thần kiên trung, bất khuất và ý thức bảo vệ đồng chí, đồng đội; bà vẫn một lòng giữ vững khí tiết, chỉ nói có một câu duy nhất: “Tôi có chỉ huy, nhưng chỉ huy của tôi ở đâu tôi không biết”. Đến 11 giờ cùng ngày, biết không thể lay chuyển được ý chí của người nữ chiến sĩ gang thép, bọn địch đã hèn hạ bắn chết bà. Người nữ chiến sĩ an ninh đã anh dũng hy sinh, nêu cao tinh thần chiến đấu ngoan cường, không sợ hy sinh, gian khổ, tuyệt đối trung thành với cách mạng. Tuy còn trẻ, nhưng bà đã tỏ rõ là một cán bộ cách mạng kiên trung, bất khuất, dũng cảm và mưu trí, chấp nhận hy sinh tính mạng để bảo vệ đồng chí, đồng đội được an toàn. Tấm gương ngời sáng của bà là nguồn sức mạnh để lực lượng An ninh thị xã Gò Công chiến đấu, góp phần vào chiến thắng của quê hương, đất nước.

Ngày 3-8-1995, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng võ trang nhân dân. Tên bà được đặt tên trường tiểu học ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam 05; nữ 15. Chi uỷ: 05; nam: 02, nữ: 03. Ban giám hiệu: 02, nam: 01, 01 nữ: 01. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 08, nữ: 22. Đoàn thanh niên: 00, Đội thiếu niên: 425 đội viên; nam: 220 , nữ: 205.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 08, nữ: 22. Tổng số giáo viên: 25, nam: 07, nữ: 18. Cử nhân (Đại học): 20; Cử nhân (Cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 04; trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 549; nam: 295 , nữ 254

Tổng diện tích: 6.430 m²; diện tích sử dụng: 1.225 m².

# Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

**\* Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

**1.** **Kinh/Kênh Bảo Châu - Xã Sách**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Bảo: : Gánh vác, giữ gìn; Châu: : Châu ngọc).



- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ ở làng xã thời xưa (Xã) + Tên người (Sách).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Đông, Tân Tây, Gia Thuận, Tân Phước thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với rạch Tổng Châu, điểm cuối nối với kinh/kênh Cặp Đê, cách cống Xã Sách 100m, dài 12,15 km, bề ngang 10 m, sâu 0,5 - 2,2 m, diện tích phục vụ 750 ha, nạo vét năm 2016 và năm 2018.

**2. Kinh/Kênh Bảy Đến**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ và tên người (Bảy Đến).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua thị trấn Tân Hòa, các xã Tăng Hòa, Phước Trung thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Champeaux, điểm cuối nối với kinh/kênh Cặp đê (cách Cống 2 100 m), dài 4,8 km, bề kngang 10 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 480 ha, nạo vét năm 2016.

**3. Kinh/Kênh Cặp Đê**

##### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Cặp: Hai cá thể hoặc hai sự vật sát bên nhau) + Công trình xây dựng (Đê: công trình xây dựng bằng đất, đá dọc bờ sông hoặc bờ biển để ngăn không cho nước tràn vào đồng ruộng và khu dân cư).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với cống Long Uông, điểm cuối nối với cống Rạch Già, dài 8,5 km, bề ngang 12 m, sâu 1,5 - 2,0 m, diện tích phục vụ 300 ha, nạo vét năm 2014.

**4. Kinh/Kênh Cặp Đê**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông; các xã Tân Trung, Bình Đông thuộc thị xã Gò Công; điểm đầu nối với cống Vàm Tháp, điểm cuối nối với Quốc lộ 50, dài 11,63 km, bề ngang 12 m, sâu 2,0 m, diện tích phục vụ 400 ha, nạo vét năm 2017.

**5. Kinh/Kênh Cặp Đê**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Vàm Láng, Gia Thuận, Tân Phước thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với cống Vàm Tháp, điểm cuối nối với Đường tỉnh 871, dài 16 km, bề ngang 12 m, sâu 1,0 - 1,8 m, diện tích phục vụ 320 ha, nạo vét năm 2014.

**6. Kinh/Kênh Cặp Đê**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thành, Tăng Hòa, Phước Trung thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với cống Rạch Gốc, điểm cuối nối với Đường huyện 04, dài 9 km, bề ngang 12 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 1.2000 ha, nạo vét năm 2013.

**7. Kinh/Kênh Cầu Kiều**

## Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Loại hình cầu (Cầu kiều là một loại cầu bắc ra giữa hồ nước để làm trò chơi vào dịp đầu xuân xưa kia[[59]](#footnote-59)).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua thị trấn Tân Hòa, các xã Tăng Hòa, Phước Trung thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Champeaux (cũ), điểm cuối nối với cống Cầu Kiều, dài 3,7 km, bề ngang 10 m, sâu 2,0 m, diện tích phục vụ 370 ha, nạo vét năm 2017.

**8.** **Kinh/Kênh Champeaux**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tên người (Champeaux - đọc theo Tiếng Việt là Săm - pô).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tăng Hòa, Tân Thành, Bình Nghị và thị trấn Tân Hòa thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Salicetti, điểm cuối nối với cống Tân Thành, dài 8,6 km, bề ngang 15 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 860 ha, được nạo vét năm 2018.

**9.** **Kinh/Kênh Champeaux (cũ)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tên người (Champeaux). Kinh/Kênh Champeaux (cũ) là tuyến kinh/kênh được đào đầu tiên vào năm 1870.

Tiểu sử của Champeaux như sau:

Champeaux là viên quan thực dân Pháp, giữ chức làm Chánh tham biện hạt tham biện Gò Công từ năm 1870 - năm 1871, Chánh tham biện hạt tham biện Mỹ Tho từ năm 1872 - năm 1876. Trong lúc giữ chức này ở Mỹ Tho, Champeaux là người chỉ huy đàn áp cuộc khởi nghĩa do Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo và là người chỉ đạo vụ án tử hình đối với vị Thủ khoa yêu nước. Năm 1876, ông ta đổi về Sài Gòn, làm việc tại Phủ Thống đốc Nam Kỳ, trở thành viên quan cao cấp của thực dân Pháp ở Nam kỳ. Năm 1883, Champeaux tham gia cuộc tấn công kinh đô Huế của thực dân Pháp.

Được biết, sau khi đánh chiếm Nam Kỳ và Bắc Kỳ, đầu năm 1883, thực dân Pháp bắt đầu tính đến việc tấn công kinh đô Huế nhằm thực hiện dã tâm xâm chiếm toàn bộ Việt Nam.

Theo đó, lợi dụng lúc triều đình rối ren vì vua Tự Đức mới qua đời (7/7/1883), thực dân Pháp đã quyết định đánh thẳng vào Huế, hòng buộc triều đình nhà Nguyễn phải đầu hàng.

Sáng 18/8/1883, hạm đội của Pháp tiến vào cửa biển Thuận An. Trên chiếc Soái hạm Le Bayard của Đô đốc Courbet, chỉ huy toàn bộ hạm đội Pháp, có sự hiện diện của viên quan cao cấp Champeaux. Đến 4 giờ chiều hôm đó, quân Pháp bắt đầu nổ súng và công phá các pháo đài của quân dân ta trong suốt 2 ngày liền. Ngày 20/8/1883, chúng đổ bộ lên bờ. Quân dân ta anh dũng chống trả. Đến chiều tối, toàn bộ cửa Thuận An lọt vào tay giặc.

Trước tình thế đó, vua Hiệp Hòa cử quan lại gặp đại diện bọn thực dân xin “cầu hòa”. Về việc này, nhà sử học Trần Trọng Kim viết trong quyển *Việt Nam sử lược* như sau:

“Triều đình thấy sự nguy cấp, liền sai quan ra xin hòa. Viên Toàn quyền Harmand bắt quan ta phải giải binh cả mọi nơi, rồi cùng với ông Champeaux lên Huế để nghị hòa. Triều đình sai quan Hiệp biện hưu trí là Trần Đình Túc làm Khâm sai toàn quyền, và Nguyễn Trọng Hợp làm phó, để cùng với quan Pháp hội nghị.

Ngày 25/8/1883, tờ hòa ước lập xong, có chữ ký của ông Harmand và ông Champeaux; đồng thời, ông Trần Đình Túc và ông Nguyễn Trọng Hợp cùng ký”.

Hòa ước Harmand (còn gọi là hòa ước Quý Mùi), gồm 27 điều khoản, công nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam, nước ta bị mất nền độc lập hoàn toàn. Sau khi hòa ước đã ký xong, được sự chỉ đạo của chính phủ Pháp, Champeaux ở lại Huế làm Khâm sứ đầu tiên tại Trung Kỳ, có quyền quyết định tất cả mọi việc, vua quan nhà Nguyễn chỉ là bù nhìn.

Rõ ràng, Champeaux là tên thực dân mà hành trạng của nhân vật này gắn liền với sự xâm lược hung hăng và tàn bạo của thực dân Pháp đối với đất nước ta. Chính vì lẽ đó, kinh/kênh Champeaux ở Gò Công nhất thiết phải được đổi tên.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tăng Hòa, Tân Thành thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Champeaux, điểm cuối nối với cống Vàm Kênh, dài 4.68 km, bề ngang 20 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 300 ha, được nạo vét năm 2009.

**10**. **Kinh/Kênh Láng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa hình thiên nhiên (Láng: là vùng đất thấp khá rộng, ngập nước, có nhiều tôm cá, thực vật, như cỏ lác, đưng,…[[60]](#footnote-60)).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Ân, Tân Điền, Kiểng Phước, Tân Đông thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Trần Văn Dõng, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 3, dài 4,7 km, bề ngang 11 m, sâu 0,9 - 1.4 m, diện tích phục vụ 450 ha, nạo vét năm 2013.

**11**. **Kinh/Kênh Salicetti**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tên người (Salicetti - đọc theo phiên âm Tiếng Việt là Xa-li-xét-ti).

Tiểu sử của Salicetti như sau:

Năm 1868, Salicetti làm Chánh tham biện hạt Tham biện Gò Công. Năm 1870, làm Chánh tham biện hạt Tham biện Tân An. Năm 1872, làm Chánh tham biện hạt Tham biện Vĩnh Long. Cũng trong năm này, trong khi đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân huyện Vũng Liêm (tỉnh Vĩnh Long), Salicetti đã bị nghĩa quân trừng trị. Sau đó, để trả thù cho Salicetti, vâng lệnh của chính quyền thực dân Pháp, tên đại Việt gian Trần Bá Lộc đã chỉ huy quân lính tiến hành cuộc thảm sát đẫm máu đối với nghĩa quân và nhân dân huyện Vũng Liêm. Quyển *Địa phương chí tỉnh Vĩnh Long năm 1911* cho biết:

“Năm 1872, được sự xúi giục của một số quan lại ở Huế, vốn chỉ thuần phục chính quyền Pháp ở ngoài mặt, nhiều băng nhóm võ trang đã rải khắp Trà Vinh, đặc biệt là những vùng xung quanh chợ lớn Vũng Liêm (Vĩnh Long). Bọn chúng đụng đâu cướp đó trên đường. Thanh tra Salicetti - đại úy thủy quân lục chiến - đã khinh suất đi kiểm tra vùng này với chỉ vài lính cận vệ. Kết cuộc, viên đại úy này đã bị một nhóm phiến quân phục kích và giết chết. Viên Đốc phủ Cái Bè là ông Trần Bá Lộc, nổi tiếng bởi sự sáng trí, lòng trung thành và dũng cảm đối với sự nghiệp của chúng ta, đã nhận lãnh nhiệm vụ trừng trị những kẻ sát nhân. Bằng một cuộc hành quân chớp nhoáng, ông ta đã tấn công bọn chúng ở cánh đồng Láng Thé (Trà Vinh) và buộc bọn chúng phải tháo chạy sau một trận giao tranh đẫm máu kéo dài đến tận một ngày. Sau đó, cuộc bố ráp của ông Trần Bá Lộc diễn ra thật khủng khiếp. Cuối cùng, thi thể của viên đại úy bất hạnh cũng được tìm thấy trong một bụi cây và được Trần Bá Lộc đưa về Vĩnh Long để mai táng”.

Như vậy, Salicetti là tên thực dân mà hành trạng của nhân vật này gắn liền với sự xâm lược hung hăng và tàn bạo của thực dân Pháp đối với đất nước ta. Chính vì lẽ đó, kinh/kênh Salicetti ở Gò Công nhất thiết phải được đổi tên.

Kinh/Kênh được đào năm 1869 chảy xuyên qua các Phường 1, 2, 5, các xã Long Hòa, Long Thuận thuộc thị xã Gò Công; các xã Bình Nghị, Phước Trung, thị trấn Tân Hòa thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với Rạch Vàm Giồng, điểm cuối nối với cống Long Uông, dài 7,95 km, bề ngang 30 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 790 ha.

**12. Kinh/Kênh Trần Văn Dõng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên người (Trần Văn Dõng: Vào cuối thập niên 1930, ông Trần Văn Dõng, quê ở làng Thành Phố, tỉnh Gò Công (nay là thị xã Gò Công) là nhà thầu đào kinh/kênh này).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Nghị, Bình Ân, Tân Điền, huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Salicetti, điểm cuối nối với cống Rạch Bùn, dài 10,45 km, bề ngang 30 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 2.120 ha, nạo vét năm 2017.

**13. Kinh/Kênh Xóm Gồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh chỉ vùng (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Động tác (Gồng: thuật vận nội công trong võ thuật). Xóm Gồng là xóm dân cư nổi tiếng giỏi võ nghệ.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Ân, Tân Đông, Tân Tây, Kiểng Phước, Gia Thuận, Tân Phước, thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Trần Văn Dõng, điểm cuối nối với cống Xóm Gồng, dài 12,8 km, bề ngang 15 m, sâu 0,7 - 1,6 m, diện tích phục vụ 8.500 ha, được đào năm 1992, nạo vét năm 2014.

**14. Kinh/Kênh Xóm Đen**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh chỉ vùng (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Màu sắc (Đen: Địa danh Xóm Đen nguyên có tên là Xóm Nước Đen. Thời xưa, nơi đây là rừng rậm, lá cây rụng, tích lũy lâu ngày kết hợp với những dòng chảy nhỏ trong rừng, tạo thành một vùng nước có màu đen, nên gọi là xóm Nước Đen. Về sau, gọi tắt thành Xóm Đen).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Trần Văn Dõng, điểm cuối nối với kinh/kênh Champeaux, dài 4.75 km, bề ngang 10 m, sâu 1,0 m, diện tích phục vụ 475 ha, nạo vét năm 2010.

**15. Kinh/Kênh 1 (Huyện Gò Công Đông)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (1).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thành, Tân Điền thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Trần Văn Dõng, điểm cuối nối với kinh/kênh Champeaux, dài 5,8 km, bề ngang 10 m, sâu 1,2 - 1,5m, diện tích phục vụ 700 ha, nạo vét 2016.

**16. Kinh/Kênh 2 (Huyện Gò Công Đông)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (2).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thành, Tân Điền thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Trần Văn Dõng, điểm cuối nối với kinh/kênh Champeaux, dài 6,25 km, bề ngang 8 m, sâu 1,3 - 2.0 m, diện tích phục vụ 800 ha, nạo vét 2016.

**17.** **Kinh/Kênh 3 (Huyện Gò Công Đông)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (3).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thành, Tân Điền, Kiểng Phước thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Champeaux, điểm cuối nối với Đường tỉnh 871, dài 14,65 km, bề ngang 13 m, sâu 1,5 – 2,0 m, diện tích phục vụ 1.500 h, nạo vét 2015.

**Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:**

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

**Khái niệm Đình** (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

**1.** **Đình Tân Đông**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Tân Đông).**

**Đình Tân Đông còn gọi là đình Gò Táo tọa lạc tại ấp Gò Táo, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.**

Đình được xây dựng vào thế kỷ 19. Trong giai đoạn đầu, đình được xây dựng với quy mô nhỏ, chưa đầy 100 m2, tại vị trí Miếu Ông ấp Gò Táo hiện nay. Năm 1904, do sức tàn phá của cơn bão năm Thìn, ngôi đình bị hư hại nặng. Đến năm 1905, một vị hào phú trong làng đã hiến đất, tiền của và nhờ sự đóng góp của Nhân dân, ngôi đình đã được dời về địa điểm hiện nay, cách vị trí cũ khoảng 01 km.

Sau hai năm xây dựng, từ 1905 đến năm 1907, đình được xây hoàn chỉnh với diện tích là 538 m2, theo kiểu chữ tam (≡), gồm vỏ ca, chánh điện và nhà khói. Phần Võ ca gồm hai gian ba chái cột gỗ, mái lợp ngói âm dương. Chánh điện được cất theo kiểu tứ trụ, nhà rường cột cao 5,5 m, trên đó có chữ Thần được viết bằng sơn vàng trên nền đỏ, bốn góc là bốn chữ Tiền vãng, Hậu vãng, hai gian hai bên thờ Tả ban, Hữu ban. Khu vực nhà khói là nơi để nấu ăn mỗi lần diễn ra các dịp cúng đình.

Mặt tiền của Đình là năm cửa vòm theo kiểu châu Âu, gian giữa cửa lớn, các gian bên nhỏ. Vòm cửa giữa được đắp hình cuốn thư nhỏ, đề 1907. Trước Đình có một bức bình phong cao 1,5m, hai bên có hai miếu thờ Thổ thần và Ngũ hành. Bàn thờ Thần Nông quay mặt vào trong Đình. Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, Tả quân Lê Văn Duyệt - một công thần của nhà Nguyễn, các bậc tiền hiền, hậu hiền.

Do ảnh hưởng của chiến tranh nên đình bị hư hại nặng nề. Khoảng năm 1986, khi gian vỏ ca bị hư, để trống một không gian phía trước, lúc này có ba cây bồ đề con, mọc trên mặt trước của đình, hai cây mọc ở hai gốc và một cây mọc ở giữa. Sau đó, những người chơi kiểng cảnh đã bứng lấy đi một cây ở gốc bên phải, còn lại hai cây, lớn rất nhanh, buông rể chạy dài bám theo vách tường và kèo, cột, góp phần nâng đỡ cho ngôi đình không bị đỗ sập. Hai cây bồ đề mọc từ trên xuống, theo năm tháng, buông những chùm rễ lớn nhỏ, tạo thêm nét đẹp cổ kính cho ngôi đình, thu hút nhiều khách thập phương đến chiêm ngưỡng.

 Năm 2020, đình Tân Đông được trùng tu, tôn tạo với kinh phí khoảng 2,6 tỷ đồng. Hằng năm, đình có 4 lễ cúng: 16 tháng 2 âm lịch cúng kỳ yên; 16 tháng 5 âm lịch cúng hạ điền; 16 tháng 8 âm lịch cúng thượng điền; 16 tháng 11 âm lịch cúng cầu bông.

**Đình Tân Đông được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp tỉnh theo** Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010**.**

**2. Đình Kiểng Phước**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chánh (Xã Kiểng Phước).**

Đình Kiểng Phước tọa lạc ấp Xóm Đình, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

Đình được lập vào thời vua Minh Mạng (1820-1840). Khuôn viên đình có diện tích gần 01 ha. Kiến trúc đình có 05 tòa lớn nhỏ từ trước ra sau, mái lợp ngói âm dương. Nhìn trên nóc đình từ trước ra sau, 04 tòa đầu có đầu hồi dằn bản, trang trí hoa văn, lưỡng long chầu nhật mỗi đầu một kiểu uy nghi. Nếu cắt dọc bộ khung, mỗi tòa là xuyên trính, bên trong có 04 hàng cột gỗ vuông, cạnh 2,8 tấc. Kiến trúc nghệ thuật đặc sắc nhất của ngôi đình chắc có lẽ tập trung ở tòa chánh điện. Biểu tượng thiêng liêng tôn thờ là một chữ “Thần” được chạm trổ trên nền hồi văn, đặt trong khám thờ, xung quanh chạm trổ rồng phượng, hoa lá được sơn son thếp vàng lộng lẫy. Phía trước khám thờ đặt một bàn thờ rộng rãi, phía trong đặt hòm đựng sắc phong rồi đến hương án thờ thần. Trên hương án đặt bộ thờ ngũ sự: lư, trầm, bình hương, bộ chân đèn và đông bình tây quả. Trước hương án là cặp hạc đứng trên thân rùa, châu mặt chầu thần. Hai bên hương án là hai giàn lỗ bộ tám cặp gồm: biển “tĩnh túc” và “hồi ty” phủ việt (búa), tay văn, tay võ, gậy đầu rồng, chùy, gươm, giáo. Đây được xem là nghi trượng vừa biểu hiện quyền lực của thần thánh, vừa tạo vẻ uy nghiêm nơi thờ phượng. Hai bên bàn thờ chánh thần theo thứ tự là tả ban, hữu ban, tiền hiền, hậu hiền. Trước hương án và trên cao gần nóc là 03 tấm hoành phi sơn đen thếp vàng “thần quang phổ chiếu” mang ý nghĩa ánh sáng của thần soi rọi khắp nơi.

Giá trị đặc sắc của đình Kiểng Phước có lẽ nằm ở nghệ thuật chạm khắc gỗ 06 cặp liễn đối và 06 bức hoành phi sơn son thếp vàng rực rỡ. Ý nghĩa của các liễn đối và hoành phi nói lên sự thông hiểu giữa con người và thần thánh.

Mặt tiền của tòa chánh điện là một cặp liễn đối bằng gỗ chạm chữ, nền gỗ sơn son, chữ viết chân phương vàng óng ánh. Nội dung ca ngợi công đức của các bậc thánh nhân. Hai bên cửa chánh điện có một cặp liễn phụng cúng của một bậc túc nho, sử dụng mỗi vế 04 từ láy để tôn cái ý lồng lộng của ngôi đình và ca tụng đức độ của vị thần hoàng bổn cảnh.

*Như tá thần công hiển hiển hách hách vạn cổ giang sơn*

*Trọng tân miếu mạo nguy nguy nga nga trung thiên nhật nguyệt*

Tạm dịch: Công đức bậc thánh thần hiển hách luôn bảo vệ đất nước tồn tại mãi ngàn năm. Luôn giữ như mới đền miếu nguy nga giữa bầu trời sáng soi hai vầng nhật nguyệt

Ngoài ra, đình còn có 6 bức hoành phi thờ tự, các bức hoành phi đều có 4 đại tự bao gồm: Chánh trực thông minh, các ty tạo hóa, đức phối càn khôn, thần quang phổ chiếu, thinh linh hích trạc, đạo hiệp thanh ninh. Tất cả đầu có dạng hình chữ nhật, kích cỡ khác nhau, được làm bằng gỗ mít, chạm khắc, sơn son thếp vàng. Các bức hoành phi được các vị thân hào hay các chức việc trong ban hội tế phụng cúng vào những thời điểm đáng ghi nhớ nào đó như đình vừa cất xong hay các dịp trùng tu sửa chữa. Đây là lúc người dân tin rằng “thần” đã bảo bọc dân làng.

Năm 1852, dưới thời vua Tự Đức năm thứ 5 (1852), đình được đón nhận 4 sắc phong: Thành hoàng bổn cảnh, Bạch mã tôn thần, Chúa xứ nương nương và Đông nam sát hải nhị đại tướng quân gắn với lễ hội Nghinh ông ở Vàm Láng ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm.

Hằng năm, đình có 03 lễ cúng: cúng hạ điền vào ngày 16 tháng 5 âm lịch, cúng thượng điền vào ngày 16 tháng chạp âm lịch; cúng kỳ yên vào ngày 15 và 16 tháng hai âm lịch.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đình là cơ sở cách mạng.

**Đình** Kiểng Phước **được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp tỉnh theo** Quyết định số 2651/QĐ-UBND, ngày 04/11/2013.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

**Khái niệm Miếu**

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

**1. Miếu Ông Nam Hải - Ấp Cây Bàng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Cá voi được thần thánh hóa (Sau khi lên ngôi năm 1802, vua Gia Long đã sắc phong cho cá voi tước hiệu “Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần”, gọi tắt là Ông Nam Hải).

Miếu Ông Nam Hải - Ấp Cây Bàng còn gọi là LăngÔng Nam Hải - Ấp Cây Bàng tọa lạc tại ấp Cây Bàng, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông.

Miếu được xây vào năm 1910. Miếu được trùng tu tôn tạo vào các năm: 1942, 1956, 1986, 1989,1997 2009, 2010, 2012.

Miếu có tổng diện tích 6.237 m², diện tích xây dựng 1.140 m², gồm các hạng mục: miếu thờ Tiên sư; vỏ ca, vỏ quy, miếu Bà Chúa Xứ; miếu Ông Nam Hải và miếu Bà Nam Hải. Tất cả được xây dựng theo kiểu hai tầng mái (mái bánh ú), các góc mái uốn cong hình đầu đao.

Miếu là nơi thờ cúng cá Voi/cá Ông và các vị thần linh phù hộ cho ngư dân đi biển Miếu thờ cá Voi/cá Ông. Đây là tín ngưỡng cầu ngư, ngư dân xem cá Voi/cá Ông là vị thần hộ mệnh, cầu cho biển lặng gió hòa, thuận buồm xuôi gió, ngư dân may mắn làm ăn phát đạt, an khang, hạnh phúc. Hằng năm, miếu có lễ cúng Nghinh Ông vào hai ngày 18,19 tháng giêng âm lịch.

Miếu còn là cơ sở cách mạng của huyện Gò Công Đông và xã Tân Thành trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Miếu Ông Nam Hải - Ấp Cây Bàng được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**2. Miếu Ông Nam Hải - Ấp Đèn Đỏ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Cá voi được thần thánh hóa (Sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long đã sắc phong cho cá voi tước hiệu “Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần”, gọi tắt là Ông Nam Hải).

Miếu Ông Nam Hải - Ấp Đèn Đỏ còn gọi là LăngÔng Nam Hải - Ấp Đèn Đỏ tọa lạc tại ấp Đèn Đỏ, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông.

Miếu được xây vào năm 1903. Trải qua hai lần trùng tu vào năm 1968 và năm 2000, miếu có diện mạo khang trang như hiện nay.

Miếu có tổng diện tích 6.237 m², diện tích xây dựng 1.082 m², gồm cổng lăng, vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà khách và nhà khói.

Miếu là nơi thờ cúng cá Voi/cá Ông và các vị thần linh phù hộ cho ngư dân đi biển Miếu thờ cá Voi/cá Ông. Đây là tín ngưỡng cầu ngư, ngư dân xem cá Voi/cá Ông là vị thần hộ mệnh, cầu cho biển lặng gió hòa, thuận buồm xuôi gió, ngư dân may mắn làm ăn phát đạt, an khang, hạnh phúc. Hằng năm, miếu có lễ cúng Nghinh Ông từ ngày 23 đến ngày 25 tháng giêng âm lịch.

Miếu còn là cơ sở cách mạng, là trạm Quân y tiền phương của huyện Gò Công Đông và xã Tân Thành trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Miếu Ông Nam Hải - Ấp Đèn Đỏ được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND, ngày 30/10/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**3. Miếu Ông Nam Hải - Tân Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Cá voi được thần thánh hóa (Sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long đã sắc phong cho cá voi tước hiệu “Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần”, gọi tắt là Ông Nam Hải).

Miếu Ông Nam Hải - Tân Phước còn gọi là LăngÔng Nam Hải – Tân Phước tọa lạc tại Ấp 4, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông.

Miếu được xây vào năm 1905. Năm 1991 và năm 2000, lăng được trùng tu xây tường, lợp mái ngói, lát gạch khang trang.

Miếu có tổng diện tích 2.131 m², diện tích xây dựng 824 m², gồm hàng rào xung quanh, cổng lăng, võ ca, chánh điện, nhà khói và kho.

Miếu là nơi thờ cúng cá Voi/cá Ông và các vị thần linh phù hộ cho ngư dân đi biển Miếu thờ cá Voi/cá Ông. Đây là tín ngưỡng cầu ngư, ngư dân xem cá Voi/cá Ông là vị thần hộ mệnh, cầu cho biển lặng gió hòa, thuận buồm xuôi gió, ngư dân may mắn làm ăn phát đạt, an khang, hạnh phúc. Hàng năm, miếu có lễ cúng Nghinh Ông vào rằm tháng 5 âm lịch.

Nơi đây còn là cơ sở cách mạng của huyện Gò Công Đông và xã Tân Phước trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Miếu Ông Nam Hải - Tân Phước được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**4. Miếu Ông Nam Hải - Vàm Láng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Cá voi được thần thánh hóa (Sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long đã sắc phong cho cá voi tước hiệu “Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần”, gọi tắt là Ông Nam Hải).

Miếu Ông Nam Hải - Vàm Lángcòn gọi là LăngÔng Nam Hải - Vàm Láng tọa lạc tại khu phố Lăng 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông.

Miếu được xây dựng từ đầu thế kỷ XIX. Năm 1870, miếu được xây dựng lại quy mô lớn hơn, bên trong có thờ bộ “Ngọc cốt”, tức xương cá Ông. Năm 1920, miếu được xây mới bằng cột gỗ vuông 20 cm. Năm 1965, miếu được trùng tu. Năm 2012, miếu được tôn tạo, mái được lợp ngói mới, tường và nền lát gạch men. Năm 2014, xây hàng rào bê tông phía trước và nhà nấu ăn.

Miếu có diện tích 850 m², bao gồm các hạng mục: võ ca, võ quy, chánh điện, nhà khách, nhà ăn, sân và hàng rào chung quanh.

Miếu là nơi thờ cúng cá Voi/cá Ông. Đây là tín ngưỡng cầu ngư, ngư dân xem cá Voi/cá Ông là vị thần hộ mệnh, cầu cho biển lặng gió hòa, thuận buồm xuôi gió, ngư dân may mắn làm ăn phát đạt, an khang, hạnh phúc. Hằng năm, miếu có lễ hội Nghinh Ông diễn ra trong hai ngày 9 và 10 tháng 3 âm lịch. Ngoài phần lễ (thỉnh sắc thần, cúng Ông tại miếu và cho tàu ra khơi nghinh Ông), còn có phần hội, bao gồm hát Bội, thi đấu thể thao, trò chơi dân gian như: leo cột mỡ, thả vịt, đua ghe, nhảy bao bố,…

Miếu Ông Nam Hải - Vàm Lángđược công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đền thờ**

**Khái niệm Đền thờ**

Đền thờ là công trình kiến trúc mang tính chất tín ngưỡng để thờ cúng một vị thần hoặc một danh nhân quá cố.

**Đền thờ Trương Định**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đền thờ) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).**

Đền thờ Trương Định tọa lạc tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông.

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có “*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*”. Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*”. Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam Kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức “*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*”. Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục.Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực “Đám lá tối trời” ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam Bộ.

Sau khi Trương Định hy sinh, nhân dân Gia Thuận đã lập miếu bằng tre lá để thờ ông. Vào những năm đầu thế kỷ 20, Nhân dân địa phương đóng góp tiền của xây dựng lại ngôi miếu to rộng hơn. Lúc này không gọi miếu mà gọi là đình: Đình Gia Thuận. Để che mắt chính quyền thực dân Pháp, đình Gia Thuận thờ thần; nhưng thực chất là thờ Trương Định. Khi đó, đình được xây dựng bằng gỗ quí, mái lợp ngói âm dương, kèo cột theo kiểu tứ trụ chồng rường, cột kê trên táng đá xanh, nền lót gạch tàu, bó nền bằng đá tổ o­ng. Sau năm 1975, đình được trùng tu. Năm 2009, tỉnh Tiền Giang cho xây dựng đền thờ khang trang như hiện nay.

Cổng đền có hai câu đối: “Gò Công Trương chánh khí; Gia Thuận Định trung cang”. Khuôn viên đền thờ có trồng nhiều loại hoa kiểng và cây tạo bóng mát. Trước đền có tượng bán thân Trương Định do Tạp chí Xưa và Nay trao tặng vào năm 2009. Bức tượng nặng 120 kg, cao 80 cm do điêu khắc gia Lâm Quang Nới phác thảo dựa vào tư liệu ký họa do Pháp để lại, các nghệ nhân đúc đồng Huế thực hiện khâu kỹ thuật. Ngôi đền được xây dựng theo lối kiến trúc truyền thống, gồm vỏ ca, chính điện và nhà khói. Bên trong chính điện có tủ thờ Gò Công, tranh vẽ chân dung Trương Định; các bộ lư, chân đèn và binh khí bằng đồng, một số di vật của nghĩa quân Trương Định, Bằng công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia.

Hằng năm, tại đền thờ, chính quyền và Nhân dân huyện Gò Công Đông đều tổ chức lễ hội tưởng niệm ngày Trương Định hy sinh rất nghiêm trang và trọng thể trong 2 ngày 19/8 và 20/8.

Năm 2023, tỉnh Tiền Giang đang thực hiện dự án mở rộng đền thờ Trương Định (giai đoạn 2) với tổng diện tích 20.535,6 m2 và tổng mức đầu tư 41,876 tỷ đồng, gồm các hạng mục: phục dựng đám lá tối trời, khu trồng cây lưu niệm, nhà dịch vụ, nhà trưng bày sản phẩm và giới thiệu làng nghề, chòi nghỉ, phục chế khu căn cứ nghĩa quân, hồ nước, kênh rạch, sân trò chơi dân gian kết hợp trò chơi hiện đại mang tính giáo dục; các hạng đường giao thông nội bộ; hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án và công trình phụ trợ. Dự án nhằm xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho lễ hội Trương Định và các lễ hội khác, giới thiệu các loại hình làng nghề truyền thống tiêu biểu, tổ chức các khu vực vui chơi giải trí phục vụ người dân địa phương và khách du lịch.

Đền thờ Trương Định ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 66/2004/QĐ-BVHTT ngày 14/6/2004.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

**Khái niệm:**

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

**1. Thánh thất Bình Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Đông).

Thánh thất Bình Đông được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại Ấp 5, xã Bình Đông, huyện Gò Công Đông.

**2. Thánh thất Bình Nghị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Nghị).

Thánh thất Bình Nghị được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Bình Hòa, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông.

**3. Thánh thất Bình Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Xuân).

Thánh thất Bình Xuân được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại Ấp 5, xã Bình Xuân, huyện Gò Công Đông.

**4. Thánh thất Rạch Già**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Rạch Già).

Thánh thất Rạch Già được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại Ấp 2, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông.

**5. Thánh thất Tân Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Đông).

Thánh thất Tân Đông được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Xóm Chùa, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

**6. Thánh thất Tân Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thị trấn Tân Hòa).

Thánh thất Tân Hòa được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Hòa Thơm, thị Trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông.

**7. Thánh thất Tân Niên Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chánh xưa (thôn Tân Niên Tây).

Thánh thất Tân Niên Tây được xây dựng năm 1945, tọa lạc tại Ấp 4, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

**8. Thánh thất Tân Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Phước).

Thánh thất Tân Phước được xây dựng năm 1945, tọa lạc tại Ấp 8, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông.

**9. Thánh thất Tân Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Thành).

Thánh thất Tân Thành được xây dựng năm 2000, tọa lạc tại ấp Giồng Đình, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông.

**10. Thánh thất Tân Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Trung).

Thánh thất Tân Trung được xây dựng năm 1945, tọa lạc tại ấp Ông Non, xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông.

**Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:**

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

**Khái niệm:**

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

**1.Xóm Chủ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Chức vụ thời xưa (Hương chủ gọi tắt là Chủ).

Xóm Chủ là xóm nhà có ông hương chủ cư trú tại đó, hiện nay là tên ấp thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

**2. Xóm Chùa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Chùa).

Xóm Chùa là xóm nhà có một ngôi chùa cổ có từ thời vương quốc Phù Nam (Thế kỷ 1 - thế kỷ 6) đã bị sụp đổ, tọa lạc tại xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông. Về sau, tại đây có một cây me to, dân gian gọi là cây me bà, nên xóm có tên là Xóm Chùa Cây Me. Đầu thế kỷ 20, cây me được đốn bỏ, tại đây có nhà của bà Trang nên được gọi là Xóm Chùa Bà Trang.

**3. Xóm Dinh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Dinh).

Xóm Dinh là xóm có một dinh thự được xây cất từ thời xưa.

Xóm Dinh ngày trước là khu dân cư được bao bọc bằng nhiều lũy tre gai, tạo hàng rào bảo vệ cán bộ cách mạng, ngăn chặn bước tiến của quân địch và hạn chế sự lùng sục của bọn mật thám, biệt kích.

Do vậy, thế cách mạng là dựa vào lòng dân. Các hộ dân ở đây đa số thuộc thành phần bần cố nông được cách mạng cấp đất và hầu như nhà nào cũng tham gia kháng chiến hoặc nuôi giấu, che chở bộ đội và cán bộ cách mạng. Đây cũng là trạm liên lạc, đường dây giao liên từ huyện về tỉnh, thị xã, vào nội ô…; là cơ sở hoạt động của Ủy ban Kháng chiến – Hành chính thị xã Gò Công, Mặt trận Việt Minh thị xã.

Cũng tại đây, có gia đình họ Trương rất nổi tiếng, tiêu biểu là ông Trương Văn Đẩu (nguyên Giám đốc Công ty Than Hòn Gai, Ủy viên Khu ủy Hồng Quảng, Viện trưởng Viện Cơ khí chế tạo máy Hà Nội, Chánh Văn phòng Bộ Điện và Than, Giám đốc Công ty Điện lực miền Nam, Phó Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy TP. Hồ Chí Minh) và vợ là bà Nguyễn Thị Tư (Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân) cùng với người con là bà Trương Mỹ Hoa (nguyên Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Xóm Dinh có Đài chiến thắng được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết Định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Xóm Dinh hiện nay là tên ấp thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

**4. Xóm Đình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Đình).

Xóm Đình là xóm có ngôi đình. Đó là đình Kiểng Phước được xây dựng dưới thời vua Minh Mạng (1820-1840). **Đình** Kiểng Phước **được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp tỉnh theo** Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/11/2013.

Xóm Đình hiện nay là tên ấp thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

**5. Xóm Đen**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Màu sắc (Đen).

Địa danh Xóm Đen nguyên có tên là Xóm Nước Đen. Thời xưa, nơi đây là rừng rậm, lá cây rụng, tích lũy lâu ngày kết hợp với những dòng chảy nhỏ trong rừng, tạo thành một vùng nước có màu đen, nên gọi là xóm Nước Đen. Về sau, gọi tắt thành Xóm Đen.

Xóm Đen hiện nay là tên ấp thuộc xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông.

**6. Xóm Gò**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Gò)

Xóm Gò là nơi có một gò cát, hiện nay là khu phố Xóm Gò 1 và khu phố Xóm Gò 2, thị trấn Tân Hòa và ấp Xóm Gò, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông.

Địa danh này có liên quan đến ngôi mộ của ông Trương Công Luận. Ông chưa rõ năm sinh, tên thật là Bùi Luận, nguyên quán ở Quảng Ngãi, vào huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là Gò Công, Tiền Giang) lập nghiệp.

Năm 1861, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định, có thừa tài trí và lòng dũng cảm, lập được nhiều công trạng trong chiến đấu. Do đó, ông được đổi thành họ Trương là họ của chủ tướng Bình Tây đại tướng quân Trương Định.

Sau khi Trương Định hy sinh (20/8/1864), ông rút quân về Rạch Bùn, Tân Bình Điền (nay là xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông). Theo truyền thuyết dân gian, để có “danh chánh ngôn thuận” cho cuộc kháng chiến, ông tự xưng là Bình Tây phó tướng. Tại Rạch Bùn, dựa vào địa thế hoang hiểm, ông lập căn cứ mới, chiêu mộ thêm nghĩa dũng, vận động nhân dân quyên góp lương thực và tiền bạc, rèn đúc vũ khí, tiếp tục cuộc chiến đấu chống quân Pháp. Với lối đánh du kích, nay ẩn mai hiện, nghĩa quân do ông chỉ huy đã tiến hành các trận đánh phục kích nhằm vào những toán lính địch đi càn quét và gây cho bọn chúng nhiều thiệt hại.

Sau đó, thực dân Pháp tổ chức bao vây, phong tỏa, lùng sục và đàn áp nghĩa quân. Cuối cùng, ông sa vào tay giặc. Dụ hàng không được, ngày 06/5/1865, bọn chúng đã hèn hạ xử trảm ông tại bến sông Gò Công (nay là khu chợ trái cây ở thị xã Gò Công). Cảm thương vị anh hùng đã vị quốc quên thân, dân làng Tăng Hòa đã mang thi thể ông an táng tại xóm Gò; đồng thời, các vị bô lão còn lập ngôi miếu thờ tại xóm Lò Gạch, hằng năm, cứ đến ngày mùng 7 tháng 6 âm lịch, tổ chức cúng tế rất long trọng.

Hiện nay, mộ của ông đã được trùng tu khang trang, tọa lạc tại ấp Xóm Gò thuộc thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông. Mộ của ông được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Bia mộ có chạm khắc câu đối ca ngợi nghĩa khí của ông:

*Dũng tướng hầu nguyên soái.*

Kiên trung dũng Trương công.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, địa danh Xóm Gò còn liên quan đến chiến thắng Xóm Gò. Tại đây, ngày 26/02/1962, Tiểu đoàn 261, lực lượng 206, du kích và nhân dân Gò Công đã tiêu diệt tên Tổng Thinh ác ôn và 02 đại đội địch, bắt sống 53 tên (trong đó nhiều tên tề có nợ máu với nhân dân); phá hủy 03 xe quân sự, thu toàn bộ vũ khí và quân trang quân dụng. Trận Xóm Gò đã góp phần ngăn chặn kế hoạch bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở Gò Công ở Gò Công.

Di tích lịch sử “Chiến thắng Xóm Gò” được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**7.** **Xóm Lò Gạch**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lò gạch).

Xóm Lò Gạch là xóm nhà tọa lạc chung quanh lò gạch. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh xóm Lò Gạch, gồm:

- Xóm Lò Gạch (Huyện Gò Công Đông): Hiện nay là ấp Lò Gạch 1 và ấp Lò Gạch 2, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông.

Tại ấp Lò Gạch 1 có miếu thờ và nhà lưu niệm ông Trương Công Luận, một viên tướng của Bình Tây đại tướng quân Trương Định (tiểu sử của ông Trương Công Luận xin xem mục từ Xóm Gò).

- Xóm Lò Gạch (Thành phố Mỹ Tho): Tọa lạc tại Phường 4 và Phường 5, thành phố Mỹ Tho. Lò gạch do ông Bang Hoạch (người Hoa) dựng lên vào khoảng đầu thế kỷ 20. Lò gạch có vị trí đầu tiên nay là chợ Thạnh Trị (Phường 4), đất để nung làm gạch được đào dọc theo kênh Bảo Định, đoạn từ cầu Bạch Nha đến cầu Đạo Ngạn (Phường 5). Gạch, ngói của những ngôi nhà tường lợp ngói ở Mỹ Tho thời bấy giờ phần lớn được mua từ lò gạch này. Nghệ sĩ Nhân dân Phùng Há khởi đầu nghiệp cầm ca vào cuối thập niên 20 của thế kỷ trước cũng từ lò gạch của ông Bang Hoạch. Năm 1957, lò gạch ngưng hoạt động. Khu vực này trở thành bến xe Mỹ Tho; đến năm 1988, bến xe di dời, nơi đây thành chợ Thạnh Trị.

**8. Xóm Mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tính từ (Mới).

Xóm Mới là xóm nhà mới được thành lập, hiện nay là tên ấp thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

**9. Xóm Ông Rèn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Nhân vật và nghề nghiệp của nhân vật (Ông Rèn).

Xóm Ông Rèn là xóm nhà do một người đàn ông làm nghề rèn quy tụ dân nghèo khẩn hoang lập xóm, tọa lạc tại xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

Theo Việt Cúc trong quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa*, lúc mới thành lập, xóm chỉ có khảng 10 hộ gia đình, sau đó lần hồi tăng lên theo năm tháng, người dân ở đây chăm chỉ làm ăn, học hành; cần kiệm trong tiêu xài, sinh hoạt; đoàn kết, tương trợ với nhau nên cuộc sống ngày càng dư giả, không lo thiếu thốn khi gặp thiên tai, địch họa.

**10. Xóm Rẫy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Loại hình đất đai (Rẫy).

- Rẫy: là đất trồng các loại hoa màu, như rau, củ, quả,…

Xóm Rẫy là nơi có xóm nhà làm nghề rẫy, hiện nay là tên ấp thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

**11. Xóm Tựu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động từ (Tựu: tụ họp).

Xóm Tựu là xóm nhà quây quần, tụ họp với nhau, hiện nay là tên ấp thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

**12. Xóm Vườn Phượng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Một loại hình canh tác nông nghiệp (Vườn) + Linh vật (Chim phượng).

Đầu thế kỷ 19, sau khi khai phá rừng già và đám lá tối trời, ông Thôn Cựu ở Gia Thuận đã lập ruộng vườn để canh tác. Tại vườn, ông có trồng nhiều cây cau. Đến khi, cau nở hoa, cánh hoa xòe ra nhưng con chim phương đang bay. Từ đó có địa danh Vườn Phượng, Địa danh này ở phía bắc Gò Công hợp cùng với Long Uông ở phía nam, Gò Rùa (Sơn Quy) ở phía đông và Gò Lân ở phía tây thành địa thế phong thủy của vùng đất Gò Công: Long - Lân - Quy - Phượng (Phụng).

Xóm Vườn Phượng là xóm nhà ở xung quanh Vườn Phượng, thuộc xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

**Khái niệm:**

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

**Xứ Đôi Ma**

Xứ Đôi Ma là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn An Thuận, tổng Lộc Thành Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, nay thuộc ấp Đôi Ma, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Truyện tích (Đôi Ma).

Theo ghi chép trong *Đại Nam nhất Thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, địa danh này gắn liền với truyện tích dân gian như sau: “Tương truyền xưa có người con gái nhà giàu, đến tuổi cài trâm, thầm yêu một thư sinh vì nhà nghèo, nên dù biết rõ mối tình, vẫn chẳng dám mượn ai mai mối ngõ việc hôn nhân. Cô gái tương tư uất hận mà chết. Cha mẹ nàng rất thương tiếc không muốn chôn ngay. Cất lều ở sau vườn cho quàn linh cữu. Gã thư sinh hay tin liền tìm đến thắt cổ chết bên cạnh.

Người ta quàn cả lại cùng một chỗ, âm khí kết tựu dần thành ma quỷ. Sau cha mẹ cô gái đều buồn rầu và mất đi. Đôi xác trẻ không ai chôn cất. Chốn hoang vu, cây cối mọc thành gò hoang, quỷ khí càng thịnh hành. Dân chúng thường khổ sở vì đó, đặt tên là sông (rạch) Đôi Ma. Sau Tây Sơn đốt phá, tai quái mới dứt”.

Trong quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Việt Cúc cho biết cụ thể hơn: “Từ Bến Vựa ngoài, đi vào Vàm Láng, nhờ con rạch Cần Lộc thông lưu qua lại. Khoảng giữa đường, có ngọn rạch nhỏ, chảy thông vào các khe, ruồng trong rừng rồi rẽ ra bải cỏ. Kề bên rạch phía ngoài rừng này, khi Pháp mới đắp con lộ chạy vào Vàm Láng, để khai mở miền rừng nầy. Lộ đắp xong rồi dân chúng về lập cuộc cất nhà cửa ở, trên mười nóc gia, nay gọi là xóm Vịnh Đôi Ma. Đôi Ma, theo lời truyền thuyết là cặp giai nhân tài sắc phận đẹp duyên ưa, sanh trong hai cái gia đình giai cấp tương phản. Một là chàng trai con nhà nghèo, có học thức vào hàng trí giả. Hai là nàng gái, con nhà giàu có dư ăn, đều là người sanh trưởng gần vùng Bến Vựa.

Bởi tánh cố chấp và tự kiêu, khiến đôi uyên ương này không chắp cánh liền cành với nhau được. Cha mẹ nàng chê đàng trai không xứng đáng suôi gia, vì không môn đăng hộ đối. Mặc dầu nhà chàng, đã nhiều lần cậy người trong thân, đến cầu xin cha mẹ nàng, nên khoan hồng dung thứ, cho đôi lứa kết hôn, thì ân đức làm cha mẹ rộng lớn sánh lòng trời biển. Vì đôi lứa đã hẹn bể thề non, nếu đoạn tình, gây ngang trái cuộc nhân duyên này, e sau ắt có hậu quả không tốt.

Nhưng rất tiếc, cha mẹ nàng khư khư, chẳng kể lẽ phải, nhất quyết cho rằng: Cha mẹ có quyền “sở sanh sở định”. Áo mặc không qua khỏi đầu. Con không phép cãi cha, đặt đâu phải ngồi đó. Đây là cái lý luận làm cha, theo lối chuyên chế tam cang/cương, để đàn áp trong gia đình. Cho nên thuở ấy đàn bà con gái là nạn nhân của chế độ này.

Vì trọng nam khinh nữ, con gái sanh nhằm những cái gia đình ấy, chẳng khác gì con vật, hoặc như rều rác. Nghe câu hát này:

*Gió đưa gió đẩy / Về rẫy ăn còng / Về sông ăn cá / Về giồng ăn dưa.* Thật là cái đời vô định của đàn bà con gái cũng như thế. Hễ gió đưa đến đâu, thì phải trôi theo chiều đến đó, thân phận đã phó mặc rủi may, thì không còn cái thân phận gì đáng kể nữa.

Đến khi cha mẹ nàng nhận gả nàng cho một nhà giàu sang danh giá ở khác làng. Đến lúc làm lễ hỏi (sơ vấn). Nàng cảm thấy cuộc đời của nàng sẽ đen tối, phải sống trong cảnh địa ngục trần gian. Nên nàng bỏ ăn mất ngủ, thầm than thân trách phận, không còn hy vọng gì, trông cha mẹ hồi tâm nghĩ đến nỗi đau khổ của nàng.

Một ngày nọ nàng cùng chàng hẹn nơi hội ngộ, hai đàng gặp nhau, nơi chốn rừng sâu, kề bên ngọn rạch. Xiết nỗi thở than với tình tuyệt vọng, khi gặp gỡ, giữa đôi mắt tràn đầy lệ thảm, đọa đày sanh ly, khó tìm lối thoát, để giữ trọn lời thề nguyện.

Lúc hai người trốn nhà ra đi, thì quyết định không trở lại, trước tình cảnh áo não đoạn trường, không còn thiết gì lưu luyến thấy cảnh trần gian. Đêm đã khuya, tâm tình cạn tỏ, hai người đồng nắm tay nhau, nhảy xuống vịnh nước sâu, nhờ giọt nước giải oan, rửa tình u uất.

Nơi trên vịnh này, cách sau thời gian ngắn, người ta thường thấy có bóng uyên ương, nhởn nhơ kề cập nhau lúc trời trưa đứng bóng, hoặc lúc trời chiều chạng vạng tối, có đôi đom đóm lập lòe trên cành cây, mé rạch trên đây.

Khi người ta trông thấy những vật ấy, họ đều nghi là oan hồn của cặp uyên ương, vẫn còn ẩn hiện nơi đây. Vì thế, họ gọi khúc vịnh nầy là vịnh Đôi Ma.

Đời sau ai nghe đến thảm sử này, đều cảm thương ngậm ngùi, nên có bài thi điếu, bằng Hán văn (không biết tác giả):

*Nhân duyên bất nguyện, thệ tuyền đường,*

*Đồng ẩm Tương giang, thủy đoạn trường.*

*Cố kiết uyên ương du thủy diện,*

*U tình thiểm điểm, quýnh tà dương.*

Dịch ra quốc văn như sau

*Nhân duyên oan trái khó giao hòa,*

*Đành rửa Tương giang uất hận đa.*

*Tình đoạn nhóm nhen, hồn lửa đóm,*

*Uyên ương ẩn hiện vịnh Đôi Ma*[[61]](#footnote-61)*”.*

Tại đây, có rạch Cần Lộc chạy dài đến xã Kiểng Phước, xuyên qua cái vịnh nước chảy rất xiết. Nơi khúc quanh của đoạn rạch Cần Lộc gọi là vịnh Đôi Ma. Hiện tại, vịnh chỉ là một khúc rạch uốn cong, lục bình đã mọc kín cả bề mặt, hai bên con rạch rất ít người sinh sống. Ngay vịnh hiện còn miếu thờ, hàng năm người dân xung quanh đều tổ chức lễ cúng.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

**Khái niệm:**

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

**1**. **Khu du lịch biển Tân Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch biển) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thành).

Khu du lịch biển Tân Thành là khu du lịch hấp dẫn, thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, cách trung tâm thị xã Gò Công 15 km. Từ thành phố Mỹ Tho, theo Quốc lộ 50 về phía Đông khoảng 50 km thì đến bãi biển Tân Thành.

Sách *Địa chí Tiền Giang* cho biết: “Đây là bãi biển cạn, nằm giữa hai cửa sông Vàm Cỏ (Bắc) và Cửa Tiểu (Nam) nên được cát bồi xa hơn 7 km. Phong cảnh thơ mộng, khí hậu trong lành, giao thông thuận lợi, là nơi duy nhất trong tỉnh có bờ biển khá đẹp với độ dốc thấp, cát biển phù sa, phần lớn do phù sa sông bồi tụ”[[62]](#footnote-62). Khu du lịch này còn có chiếc cầu Tàu dài hơn 300 m vươn ra biển để du khách có dịp ngắm cảnh trời mây sóng biển bao la.

Vùng biển Tân Thành ít sóng gió, đáy cát pha bùn, nhiều thức ăn, nên thích hợp cho loài nghêu trú ngụ. Thịt nghêu Tân Thành nổi tiếng ngon ngọt lại thơm, được tiêu thụ nhiều. Từ đó, nghề nuôi nghêu ở đây được ra đời; và bãi biển Tân Thành trở thành một trong những vùng nuôi nghêu lớn nhất ở miền Tây Nam Bộ. Đặc biệt, người dân ở đây rất có kinh nghiệm trong việc canh nước để khi thu hoạch, nghêu không bị ngậm cát.

Nhìn ra biển là Cồn Ngang cách bờ khoảng một giờ đi đò máy. Cảnh đẹp của Khu du lịch biển Tân Thành đã đi vào thơ ca:

*Trắng nước gió mây cây rủ bóng,*

*Tân Thành cảnh đẹp như mơ*[[63]](#footnote-63)*.*

Và:

*Gò Công nhớ biển Tân Thành,*

*Trăng lồng bãi cát, gió thanh bốn mùa*[[64]](#footnote-64)*.*

**2. Khu mộ Nguyễn Ngọc Chấn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Nguyễn Ngọc Chấn).

Khu mộ Nguyễn Ngọc Chấn tọa lạc tại Ấp 7, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

Nguyễn Ngọc Chấn sinh năm 1831 tại thôn Tân Niên Tây, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1859, ông tham gia khởi nghĩa Trương Định, lập được nhiều chiến công, nên được phong chức Đốc binh, do đó, mọi người quen gọi là Đốc binh Chấn. Trong quá trình chiến đấu, ông được Trương Định đặc biệt tin cậy và là một trong những cộng sự thân tín nhất của vị Bình Tây Đại tướng quân.

Ngày 20/8/1864, trong trận đánh trả cuộc tập kích bất ngờ của quân địch do Huỳnh Văn Tấn chỉ huy, ông đã cố sức bảo vệ Trương Định; nhưng sự việc không thành; và cuối cùng, vị chủ tướng anh hùng đã ngã xuống trong vòng tay của ông. Bản thân ông cũng bị trọng thương. Giặc Pháp đưa ông về giam giữ ở Gò Công. Bọn chúng giở thủ đoạn vừa mua chuộc, dụ dỗ; vừa đánh đập, tra tấn dã man, hòng buộc ông phải quy hàng. Nhưng, ông vẫn một lòng trung thành với đất nước và dân tộc.

Bất lực trước ý chí kiên cường của vị Đốc binh yêu nước, thực dân Pháp đã đày ông ra Côn Đảo. Mãi chín năm sau, ông mới được trả tự do. Về lại quê nhà, ông mở trường dạy học nhằm truyền dạy tinh thần đấu tranh bất khuất cho môn sinh; đồng thời lập đền thờ hương khói thờ phụng Trương Định và những nghĩa quân đã vì nước quên thân.

# Năm 1907, do tuổi cao sức yếu, ông qua đời tại Giồng Tháp (Gò Công), nêu cao tấm gương yêu nước, trung nghĩa, anh dũng cho hậu thế noi theo.

Mộ của ông được con cháu xây dựng năm 1907, trùng tu năm 2020. Mộ của ông được xây bằng gạch, chất kết dính bằng hồ ô dước, theo kiểu voi phục có diện tích 7 m2.

Khu mộ Nguyễn Ngọc Chấn được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**3.** **Khu mộ Đá Ong (Khu mộ Bà Tương)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Vật liệu (Đá ong).

Khu mộ tọa lạc tại xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, có diện tích khoảng 300 m²; được xây khoảng đầu thế kỷ 19, gồm có vòng thành bao quanh bằng đá ong, bức bình phong, phía sau bình phong là hai ngôi mộ được tạo tác bằng đá ong nguyên khối với chất kết dính là hồ ô dước rất chắc chắn. Bia đá của ngôi mộ phía bên trái đã mòn nên không đọc được chữ. Bia đá của ngôi mộ phía bên phải còn đọc được một số chữ, qua đó biết được nơi sinh của ngưới mất là Bình Thuận (nay là tỉnh Bình Thuận). Phía bên ngoài còn có một ngôi mộ cũng được làm bằng đá ong nguyên khối. Chữ trên bia mộ đã mòn, chỉ còn một số chữ ghi năm lập mộ là năm Giáp Tý, đời vua Gia Long thứ 3 (1804).

Theo lời truyền của dân gian, hai ngôi mộ là của vợ chồng Bà Tương, một trong những người đầu tiên đến Gò Công khẩn hoang, lập ấp.

Khu mộ Đá Ong (Khu mộ Bà Tương) được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**4. Khu mộ Trương Công Luận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Trương Công Luận).

Khu mộ Trương Công Luận thuộc thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông.

Trương Công Luận chưa rõ năm sinh, tên thật là Bùi Luận, nguyên quán ở Quảng Ngãi, vào huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là Gò Công, Tiền Giang) lập nghiệp.

Năm 1861, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định, có thừa tài trí và lòng dũng cảm, lập được nhiều công trạng trong chiến đấu. Do đó, ông được đổi thành họ Trương là họ của chủ tướng Bình Tây đại tướng quân Trương Định.

Sau khi Trương Định hy sinh (20/8/1864), ông rút quân về Rạch Bùn, Tân Bình Điền (nay là xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông). Theo quyển *Gò Công; cảnh cũ - người xưa* của Việt Cúc, đây là vùng đất có “*rừng cây rất sâu rộng … thông lên Rạch Cùng (Tân Thành) nhờ rừng Giá và lùm bụi sầm uất, cây cối dầy đặc hiểm trở*”.

Theo truyền thuyết dân gian, để có “danh chánh ngôn thuận” cho cuộc kháng chiến, ông tự xưng là Bình Tây phó tướng. Tại Rạch Bùn, dựa vào địa thế hoang hiểm, ông lập căn cứ mới, chiêu mộ thêm nghĩa dũng, vận động nhân dân quyên góp lương thực và tiền bạc, rèn đúc vũ khí, tiếp tục cuộc chiến đấu chống quân Pháp. Với lối đánh du kích, nay ẩn mai hiện, nghĩa quân do ông chỉ huy đã tiến hành các trận đánh phục kích nhằm vào những toán lính địch đi càn quét và gây cho bọn chúng nhiều thiệt hại.

Sau đó, thực dân Pháp tổ chức bao vây, phong tỏa, lùng sục và đàn áp nghĩa quân. Cuối cùng, ông sa vào tay giặc. Dụ hàng không được, ngày 06/5/1865, bọn chúng đã hèn hạ xử trảm ông tại bến sông Gò Công (nay là khu chợ trái cây ở thị xã Gò Công). Cảm thương vị anh hùng đã vị quốc quên thân, dân làng Tăng Hòa đã mang thi thể ông an táng tại Xóm Gò; đồng thời, các vị bô lão còn lập ngôi miếu thờ tại xóm Lò Gạch, hằng năm, cứ đến ngày mùng 7 tháng 6 âm lịch, tổ chức cúng tế rất long trọng.

Bia mộ của ông có chạm khắc câu đối ca ngợi nghĩa khí của ông:

*Dũng tướng hầu nguyên soái.*

Kiên trung dũng Trương công.

Khu mộ Trương Công Luận được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**5. Khu mộ Nghĩa quân Trương Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Danh từ (Nghĩa quân tham gia cuộc khởi nghĩa do Trương Định khởi xướng).

Khu mộ tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông.

Ngày 19/8/1864, quyết không để quân Pháp và bọn tay sai bắt, Trương Định tuẫn tiết tại Ao Dinh. Đồng thời quân địch cũng bắt được hai nghĩa quân. Noi theo gương chủ tướng, hai nghĩa quân đã tỏ rõ khí phách anh hùng, kiên cường chịu đựng tra tấn dã man, không đầu hàng giặc. Do đó, hai nghĩa quân đã bị quân Pháp xử tử. Sau đó, cảm thương và ngưỡng phục tấm gương hy sinh anh dũng, bất khuất của hai nghĩa quân, nhân dân địa phương đã xây mộ cho hai ông, gần tại Ao Dinh, trong đó có một nghĩa quân đã xác dịnh được danh tính là Đoàn Văn Chờ.

Khu mộ Nghĩa quân Trương Định được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

**Khái niệm:**

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

**1. Địa điểm Ao Dinh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Ao) + Công trình xây dựng (Dinh: có nghĩa là dinh cơ, dinh điền, nơi để ở làm ruộng hoặc lập đồn điền để khai hoang làm ruộng[[65]](#footnote-65)).

Địa điểm Ao Dinh tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, cách trung tâm thị xã Gò Công 13 km. Ao có dạng hình chữ nhật, diện tích khoảng 2.000 m², sâu 3.5 m. Xung quanh bờ ao được trồng các loại cây, như bình bát, mãng cầu dai,... để chống sạt lỡ. Di tích có hàng rào bao quanh, một tấm bia ghi sự kiện liên quan đến ao. Đồng thời, ngành Văn hóa cũng cử một người lo việc nhang khói, coi sóc di tích.

Từ năm 1844, Trương Định từ Quảng Ngãi vào Gò Công khai khẩn đất, lập đồn điền. Xã Tân Phước xưa có một vuông đất gọi là vuông Dinh, thuộc đất dinh cơ của Trương Định. Để có nước ngọt sử dụng, người dân đã đào ao trên vuông đất đó, gọi là Ao Dinh.

Đây là nơi ghi dấu sự kiện bi tráng: Anh hùng dân tộc đã anh dũng hy sinh vì nghĩa lớn cứu nước, cứu dân. Bài văn bia tại di tích Ao Dinh ghi: Nơi đây, rạng sáng ngày 20 tháng 8 năm 1864, tên Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) từng hoạt động cùng Trương Định đã phản bội, dẫn giặc Pháp về bao vây hòng bắt sống Trương Định và nghĩa quân thân cận của ông. Trương Định bị thương nặng trong cuộc tử chiến với giặc. Để không cho giặc bắt sống, ông đã rút gươm tuẫn tiết, thể hiện khí phách của người anh hùng.

Có lẽ vì là nơi Trương Định tuẫn tiết, nên Ao Dinh còn được nhân dân địa phương gọi là Ao Vinh với nghĩa “thà chết vinh hơn sống nhục”[[66]](#footnote-66).

Địa điểm Ao Dinh được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 66/2004/QĐ-BVHTT ngày 14/6/2004.

**2. Địa điểm Đám Lá Tối Trời**

Đám lá tối trời ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông xưa là nơi cô tịch, hoang vắng, vì bao bọc nhiều lớp rừng cây dà, cây cóc, dừa nước, cây bần,… mọc chen chúc, tàng cây cao bóng rợp che khuất ánh sáng. Ban ngày vào vùng ấy như đêm tối nên gọi là “đám lá tối trời”.

Năm 1863, quân Pháp chiếm Gò Công. Trương Định cùng nghĩa quân lui về đây làm căn cứ chống giặc vì đây là nơi hiểm yếu. Do bọn thám tử và nội gián chỉ điểm dẫn đường, giặc Pháp vây rừng và thâm nhập Đám lá tối trời định bắt sống Trương Định. Vào lúc nửa đêm, Trương Định phá vòng vây thoát ra ngoài nhưng do trúng đạn, để không rơi vào tay giặc, ông đã tuẫn tiết. Trong *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*, Nguyễn Liên Phong viết:

*Tiếng đồn đám lá tối trời,*

*Có ông Trương Định trải phơi gan vàng.*

*Hiềm vì cơ chưởng nam minh,*

*Lưỡi gươm đâm bụng liều mình như chơi.*

*Nên hư số hệ ở trời,*

*Khá đem thành bại luận người hùng anh.*

Địa điểm Đám Lá Tối Trời được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 66/2004/QĐ-BVHTT ngày 14/6/2004.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

**Khái niệm:**

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

**1. Miệt biển Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Địa danh chỉ địa hình thiên nhiên (Biển) + Địa danh hành chính (Gò Công).

Miệt biển Gò Công có chiều dài 32 km bờ biển, uốn cong như hình bán nguyệt, kéo dài từ cửa Xoài Rạp trên sông Xoài Rạp ở phía Bắc đến Cửa Tiểu trên sông Tiền ở phía Nam, thuộc hai huyện Gò Công Đông và Tân Phú Đông.

Ở đây có nhiều tiềm năng về kinh tế biển, như công nghiệp cơ khí, cảng biển và dịch vụ cảng, hậu cần (logistic), khai thác, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái biển, bảo tồn rừng ngập mặn. Đồng thời, kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh, quốc phòng vùng biển và ven biển.

**2. Miệt dưa cồn Đèn Đỏ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Thực vật (dưa cồn/dưa hấu) + Địa danh hành chính (Ấp Đèn Đỏ).

Theo Lê Hồng Quân trong bài viết *Dưa hấu Gò Công*, trong quá trình giao thương buôn bán với Cần Giờ, người dân ở Đèn Đỏ đã lấy những hạt dưa hấu về trồng trên những giồng cát pha phù sa cùng với nguồn phân cá dồi dào, của vùng quê biển đã tạo ra một đặc sản nổi tiếng ở miệt Đèn Đỏ, huyện Gò Công Đông, đó là dưa hấu, mà dân gian hay gọi “dưa cồn Đèn Đỏ”. Với đặc tính ngon ngọt, lớp vỏ ngoài xanh, mỏng, bóng mướt, ruột đỏ bên trong, ít hạt và nhất là có “cát” nên rất hấp dẫn.

Có lẽ trồng trên đất cát ven biển, hấp thụ mạch nước ngầm và hơi biển mặn mòi và được bón bằng phân cá nên dưa hấu/dưa cồn Đèn Đỏ có vị rất ngọt ngon. Dưa ở đây nổi tiếng hơn dưa ở các địa phương khác bởi vì nhiều người cho rằng chất đất ở Gò Công có chứa nhiều phân lân (kali) đã tạo cho dưa Gò Công có ruột đỏ, ngon, giòn và ngọt. Nếm miếng dưa hấu/dưa cồn Đèn Đỏ, có cảm giác như răng chưa kịp chạm thì dưa hấu đã tan quyện cùng vị ngọt thanh, vị mằn mặn với những “hạt cát dưa” lăn tăn trong miệng, chính hương vị ấy đã làm nên thương hiệu cho dưa hấu/dưa cồn Đèn Đỏ.

**3. Miệt rẫy Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình sản xuất nông nghiệp (Rẫy) + Địa danh hành chính (Gò Công).

*“Gió đưa gió đẩy, về rẫy ăn còng”*. Câu hát từ lâu như một lời giới thiệu những đặc sản của miền Tây nói chung và vùng đất Gò Công (tỉnh Tiền Giang) nói riêng, trong đó có món mắm còng rất ngon và độc đáo.

Ở Gò Công, rẫy là tên gọi chung của những miền đất thấp, ven các kinh rạch, hằng năm thường bị nhiễm mặn trong một thời gian, như các xã Bình Đông, Bình Xuân thuộc huyện Gò Công Đông, cặp theo sông Soài Rạp; xã Phú Đông, xã Phú Tân, giữa hai vàm Cửa Tiểu và Cửa Đại của huyện Tân Phú Đông.

Ở đây, mỗi năm bà con chỉ có thể canh tác được một vụ lúa mùa. Bù lại, miệt rẫy lại là quê hương của các loài còng: Vó, lửa, nha... Còng “sinh con đẻ cái, cháu đống con đàn” trên các thửa ruộng quanh năm ngập nước, trong cỏ, trong đám dừa nước, dọc theo các triền kinh rạch hoặc ẩn náu trong những mô đất vào mùa khô bà con hay đắp lên giữa ruộng, nhất là những thửa ruộng gặt hái trễ sau tết. Còng từ các thửa ruộng đã gặt xong, không có chỗ ẩn nấp đổ xô vào sinh sống dưới gốc lúa. Thợ gặt ai cũng thủ sẵn một cái thùng hoặc một cái bao bắt còng bỏ vào, một chốc đã đầy thùng.

Đặc biệt, còng lột vào ngày Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch) là loại ngon nhất. Ở Tiền Giang, mắm tôm chà thì có mọi mùa trong năm, riêng mắm còng lột chỉ có vào 3 tháng. Vào khoảng tháng 5 là vào mùa còng lột, người dân men theo những bờ sông, bờ rạch chọn bắt những con còng còn mềm mang về làm nguyên liệu. Với tài chế biến tinh tế của những bà, những chị, còng lột có thể làm được rất nhiều món ăn ngon như ướp gia vị cho thấm, tẩm bột chiên vàng, hoặc rang me, ăn với bún hay cuốn rau chấm nước mắm chua ngọt, giống như ăn bánh xèo, bánh khọt.

Những lúc còng nhiều không thể sử dụng hết, bà con nghĩ tới việc làm mắm để ăn dần. Có thể nói, mắm còng là đặc sản ngon trứ danh của “miệt rẫy”. Mắm còng ở cù lao Tân Thới (huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang) không thua kém bất cứ loại mắm nổi tiếng nào của Nam bộ. Khi ăn phải cho thêm gia vị: tỏi, ớt, chanh, đường… vào mắm, kèm với thịt nướng, bún. Dĩ nhiên, không thể thiếu rau sống, chuối chát, cà dĩa, tía tô, dấp cá, giá, gừng, ớt… Tất cả những thứ đó được trộn vào nhau, tạo thành một món ăn ngon tuyệt, đậm đà hương vị dân tộc. Thức ăn được chế biến từ còng là niềm tự hào của người dân miệt rẫy.

Mắm còng lột là đặc sản danh bất hư truyền của Miệt rẫy Gò Công. Xưa, dưới thời nhà Nguyễn, mắm còng Gò Công được đưa ra Huế, vào cung đình, những quan, những bà mệnh phụ đều thích. Bà Từ Dũ, mẹ của vua Tự Đức, là người phổ biến mắm còng khắp xứ Huế. Năm nào người Gò Công cũng gửi ra Huế nhiều hũ mắm còng, được người xứ Huế xem là một trong những thức ăn thượng hạng.

**4. Miệt sơ ri Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (sơ ri) + Địa danh hành chính (Gò Công).

Theo các bậc lão niên cố cựu ở Gò Công, cây sơ ri được trồng sớm nhất là tại xóm Bà Chài ở làng Bình Nghị vào đầu thế kỷ XX.

Ở Nam bộ, cây sơ ri được trồng ở một số địa phương, nhất là ở những nơi ven biển. Nhưng, ngon nhất là sơ ri được trồng ở Gò Công, bởi vì thổ nhưỡng ở đây đặc biệt thích hợp cho giống cây này. Cây sơ ri có độ cao khoảng 2 m – 2,5 m, tán tròn, cành lá rậm rạp, ít khi bị sâu đục thân. Mỗi năm, sơ ri có hai vụ chính: vụ thứ nhất, thu hoạch từ giữa tháng 6 đến đầu tháng 7; vụ thứ hai, thu hoạch vào tháng 9. Trong những năm gần đây, do chương trình “Ngọt hóa” Gò Công đã được hoàn thành và phát huy tác dụng, nên nông dân tăng cường việc tưới nước cho sơ ri vào mùa khô; và vì thế, sơ ri sẽ cho thu hoạch vào tháng 3. Nhờ đó, nông dân có thu nhập cao hơn so với vụ thu hoạch chính.

Sơ ri Gò Công cho trái sai và lớn, màu sắc đẹp (đỏ rực khi chín), cơm dày, hột nhỏ và tỏa hương thơm dìu dịu. Hàm lượng vitamin C của trái sơ ri rất cao. Vì thế, nó được xem là loại trái cây dược phẩm, có công dụng tăng sức đề kháng cho cơ thể con người, hỗ trợ trong việc chữa trị bệnh cảm cúm, mệt mõi. Hiện tại, diện tích sơ ri ở Tiền Giang đạt khoảng 800 ha, trong đó, huyện Gò Công Đông có khoảng 600 ha, tập trung nhiều nhất tại ba xã Bình Ân, Bình Nghị và Tân Đông; thị xã Gò Công có khoảng 200 ha. Năng suất khoảng 20 tấn/ha/năm. Sơ ri Gò Công đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Sơ ri Gò Công rất được ưa chuộng ở thị trường trong nước, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, nó cũng được tiêu thụ mạnh ở thị trường nước ngoài, nhất là ở thị trường Nhật Bản. Năm 2004, công ty Thịnh Phát ở thị xã Gò Công đã xuất sang thị trường nước này 4.000 tấn sơ ri nguyên liệu; chiếm 30 % thị phần ở Nhật Bản. Công ty cũng đã đầu tư 25 tỷ đồng để trang bị hệ thống thiết bị tự động của châu Âu nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chế biến. Điều này cho phép công ty tăng sản lượng thu mua, từ 15 tấn lên đến 25 tấn/ngày đối với sơ ri loại I để phục vụ xuất khẩu. Bên cạnh đó, công ty còn trang bị dây chuyền ép nước sơ ri đóng hộp, nên có thể thu mua sơ ri với nhiều loại khác nhau. Sơ ri Gò Công đã đạt được chứng nhận VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices: Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam).

1. Sông Tra là một nhánh của sông Vàm Cỏ. Vàm Sông Tra tọa lạc tại xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-1)
2. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91. [↑](#footnote-ref-2)
3. # *Cây găng - công dụng và cách dùng làm thuốc*, Trang thông tin điện tử Cây thuốc quý tỉnh Hòa Bình.

   [↑](#footnote-ref-3)
4. Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1992), *Nghìn năm bia miệng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 129. [↑](#footnote-ref-4)
5. Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh niên, trang 17. [↑](#footnote-ref-5)
6. Sơn Vương, *Sự tích bãi Ông Đụng*, Tạp chí *Phổ thông,* số 127, 1964. [↑](#footnote-ref-6)
7. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 47. [↑](#footnote-ref-7)
8. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 47. [↑](#footnote-ref-8)
9. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành Thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43. [↑](#footnote-ref-9)
10. Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, trang 9. [↑](#footnote-ref-10)
11. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 17. [↑](#footnote-ref-11)
12. Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, 1999, trang 337 - 338. [↑](#footnote-ref-12)
13. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 573. [↑](#footnote-ref-13)
14. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 98. [↑](#footnote-ref-14)
15. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 120. [↑](#footnote-ref-15)
16. Đức Doãn, Táo rừng, Báo điện tử Ninh Thuận, ngày 26/11/2020. [↑](#footnote-ref-16)
17. Trần Trọng Kim (1951), *Việt Nam sử lược*, Nxb Tân Việt, trang 195. [↑](#footnote-ref-17)
18. Chỉ phái chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn dưới thời vua Tự Đức (trị vì từ năm 1848 - 1883). [↑](#footnote-ref-18)
19. Chỉ lực lượng nghĩa quân chống thực dân Pháp ở Nam Kỳ. [↑](#footnote-ref-19)
20. Nay là huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. [↑](#footnote-ref-20)
21. Dưới góc nhìn của thực dân Pháp, nghĩa quân và hoạt động của nghĩa quân đều bị bọn chúng vu là “giặc cướp”. [↑](#footnote-ref-21)
22. Láng Thé: nay thuộc huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. [↑](#footnote-ref-22)
23. *Monographie de la province de Vinhlong*, Saigon Imprimerie Commerciale M. Rey, C.Ardin, Successeur, 1911, P. 28-29. [↑](#footnote-ref-23)
24. # Mơ Kiều (2020), *Cây bồ đề: Tác dụng, ý nghĩa phong thủy, nên trồng cây ở đâu tốt nhất?*, Trang thông tin điện tử Bảo vệ rừng Việt Nam, ngày 24/11/2020.

    [↑](#footnote-ref-24)
25. # Minh Thùy, *Rau muống biển và những công dụng chữa bệnh*, Báo ảnh điện tử Dân tộc và Miền núi (Cơ quan chủ quản: Thông tấn xã Việt Nam), ngày 17/5/2017.

    [↑](#footnote-ref-25)
26. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 398. [↑](#footnote-ref-26)
27. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 398. [↑](#footnote-ref-27)
28. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 79. [↑](#footnote-ref-28)
29. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 79. [↑](#footnote-ref-29)
30. Phòng Quản lý du lịch, *Lăng mộ Hoàng gia*, Trang thông tin điện tử Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-30)
31. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 32. [↑](#footnote-ref-31)
32. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 648. [↑](#footnote-ref-32)
33. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 53. [↑](#footnote-ref-33)
34. Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 476. [↑](#footnote-ref-34)
35. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, trang 120. [↑](#footnote-ref-35)
36. # T.C, *Lãng, láng, làng…*, Báo điện tử Bạc Liêu, ngày 13/7/2012.

    [↑](#footnote-ref-36)
37. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 69. [↑](#footnote-ref-37)
38. Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính “thôn” thành “làng”. [↑](#footnote-ref-38)
39. HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn. [↑](#footnote-ref-39)
40. Phòng Quản lý du lịch, *Lăng mộ Hoàng gia*, Trang thông tin điện tử Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-40)
41. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 32. [↑](#footnote-ref-41)
42. Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37. [↑](#footnote-ref-42)
43. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 47. [↑](#footnote-ref-43)
44. Nguyễn Cảnh Phức, *Một cách hiểu rất lạ về từ “Cầu Kiều”*, Tạp chí Ngôn Ngữ số 12, năm 2012, trang 72. [↑](#footnote-ref-44)
45. # T.C, *Lãng, láng, làng…*, Báo điện tử Bạc Liêu, ngày 13/7/2012.

    [↑](#footnote-ref-45)
46. Huình Tịnh Paulus Của (tái bản năm 2018), *Đại Nam quấc âm tự vị*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, trang 1190. [↑](#footnote-ref-46)
47. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 623. [↑](#footnote-ref-47)
48. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165. [↑](#footnote-ref-48)
49. *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22. [↑](#footnote-ref-49)
50. Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162. [↑](#footnote-ref-50)
51. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-51)
52. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-52)
53. Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41. [↑](#footnote-ref-53)
54. Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41. [↑](#footnote-ref-54)
55. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-55)
56. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-56)
57. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91. [↑](#footnote-ref-57)
58. Việt Cúc (1969), *Gò Công cảnh cũ người xưa, tập 1*, Tác giả xuất bản, trang 72. [↑](#footnote-ref-58)
59. Nguyễn Cảnh Phức, *Một cách hiểu rất lạ về từ “Cầu Kiều”*, Tạp chí Ngôn Ngữ số 12, năm 2012, trang 72. [↑](#footnote-ref-59)
60. # T.C, *Lãng, láng, làng…*, Báo điện tử Bạc Liêu, ngày 13/7/2012.

    [↑](#footnote-ref-60)
61. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 74. [↑](#footnote-ref-61)
62. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 539. [↑](#footnote-ref-62)
63. Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, trang 215. [↑](#footnote-ref-63)
64. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 230. [↑](#footnote-ref-64)
65. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 1002. [↑](#footnote-ref-65)
66. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 1002. [↑](#footnote-ref-66)